

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CTCP
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2025



EVNGENCO3

KHÔNG NGỪNG VƯỢN XA



PHÁT HUY NỘI LỰC

MỤC LỤC

	Danh mục thuật ngữ viết tắt	4
	Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi	6
CHƯƠNG 1		
EVNGENCO3 NĂM 2025		
	Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc	10
	Sự kiện nổi bật năm 2025	14
	Danh hiệu và Giải thưởng tiêu biểu	16
CHƯƠNG 2		
THÔNG TIN CHUNG VỀ EVNGENCO3		
	Thông tin chung về EVNGENCO3	21
	Quá trình phát triển	22
	Lĩnh vực kinh doanh	24
	Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý	26
	Các đơn vị thành viên	28
	Ban Lãnh đạo Tổng Công ty	40
	Định hướng phát triển giai đoạn 2026 – 2030	48
	Quản trị rủi ro	52
CHƯƠNG 3		
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025		
	Bối cảnh chung	56
	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	60
	Tổ chức và Nhân sự	66
	Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	68
	Tình hình tài chính	72
	Cơ cấu Cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	74

CHƯƠNG 4

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	78
Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Tổng Công ty	87

CHƯƠNG 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị	94
Ban Kiểm soát	96
Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT Ban Tổng Giám đốc và BKS	99
Hoạt động Quan hệ nhà đầu tư	99
Đánh giá việc thực hiện các quy định về Quản trị công ty	100

CHƯƠNG 6

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tổng quan báo cáo PTBV	122
Chiến lược Phát triển bền vững	124
Quản trị Phát triển bền vững	129
Gắn kết với các bên liên quan	130
Lĩnh vực trọng yếu	132
Mục lục GRI	148

CHƯƠNG 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	
Báo cáo Kiểm toán độc lập	
Bảng cân đối Kế toán hợp nhất	
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	

DANH MỤC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

ATVSLĐ	An toàn vệ sinh lao động
ASXH	An sinh xã hội
BCTN	Báo cáo thường niên
BĐH	Ban Điều hành
BKS	Ban Kiểm soát
BQLDA	Ban Quản lý Dự án
BVMT	Bảo vệ môi trường
CBCNV	Cán bộ Công nhân viên
CLTG	Chênh lệch tỷ giá
CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
CNVCLĐ	Công nhân viên chức lao động
CP	Cổ phần
CPH	Cổ phần hóa
CTCP	Công ty Cổ phần
CTCPĐT	Công ty Cổ phần Đầu tư
CTCPĐT&PT	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển
CTNĐ	Công ty Nhiệt điện
CTTĐ	Công ty Thủy điện
DVSC	Dịch vụ sửa chữa
ĐB	Tổng Công ty Đông Bắc
ĐNB	Đông Nam Bộ
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
ĐMT	Điện mặt trời
ĐT-XD	Đầu tư - Xây dựng
GDCK	Giao dịch chứng khoán
GĐ1	Giai đoạn 1

HĐQT	Hội đồng Quản trị
HĐTV	Hội đồng Thành viên
HTPT	Hạch toán phụ thuộc
KD - TTĐ	Kinh doanh - Thị trường điện
KTKT	Kinh tế Kỹ thuật
KLHD	Khối lượng hợp đồng
LNST	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
NĐT	Nhà đầu tư
NLĐ	Người lao động
NLTT	Năng lượng tái tạo
NMD	Nhà máy điện
NMND	Nhà máy Nhiệt điện
NMTĐ	Nhà máy Thủy điện
QHĐ	Quy hoạch điện
QLDA	Quản lý dự án
SCL	Sửa chữa lớn
SLĐ	Sản lượng điện
SXD	Sản xuất điện
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TBK	Tua-bin khí
TCT	Tổng Công ty, EVNGENCO3, GENCO3
TGD	Tổng Giám đốc
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
TTĐL	Trung tâm Điện lực
TKV	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

TÂM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TÂM NHÌN

Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP là một trong những Đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng, đầu tư phát triển nguồn điện tại Việt Nam và khu vực.

SỨ MỆNH

Đảm bảo sản xuất điện an toàn, liên tục, kinh tế; đầu tư nguồn điện hiệu quả - góp phần giữ vững an ninh năng lượng của Hệ thống điện Quốc gia.

“*Hướng đến mục tiêu vì sự phát triển bền vững, EVNGENCO3 luôn lấy hệ thống giá trị cốt lõi làm kim chỉ nam, là chuẩn mực cho mọi hoạt động của Tổng Công ty.*”



CHẤT LƯỢNG - TÍN NHIỆM

Nền tảng cho mọi hoạt động của tất cả các thành viên trong EVNGENCO3. EVNGENCO3 tin tưởng rằng bằng những cam kết nêu trên sẽ mang lại sự hài lòng và sự tín nhiệm của khách hàng và đối tác.



TẬN TÂM - TRÍ TUỆ

Đây là giá trị phong cách làm việc của EVNGENCO3 trong mọi hành động với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của cổ đông, đối tác và của NLD, NLD luôn vận dụng tri thức, trí tuệ để hành động với hiệu quả cao nhất. EVNGENCO3 mong muốn xây dựng hình ảnh bằng sự tận tâm và trí tuệ.



HỢP TÁC - CHIA SẺ

Là tinh thần chủ đạo mà EVNGENCO3 mong muốn đạt được. EVNGENCO3 tin rằng bằng sự hợp tác một cách hài hòa, trung thực, công bằng, với ý thức sẵn sàng chia sẻ và gắn bó khăng khít giữa tất cả mọi thành viên. Như vậy mới có thể cùng nhau hành động, cùng nhau phát triển và cùng nhau tiến bộ, vì sự thành công của EVNGENCO3, của EVN và các đối tác của EVNGENCO3.



SÁNG TẠO - HIỆU QUẢ

Là đòn bẩy cho sự phát triển, vì vậy EVNGENCO3 luôn phấn đấu xây dựng một môi trường thuận lợi cho việc phát huy sức sáng tạo, làm chủ kỹ thuật công nghệ hiện đại, vận dụng những phương pháp quản lý tiên tiến, cùng với sức mạnh của sự đoàn kết toàn EVNGENCO3 sẽ mang hiệu quả cao nhất giúp EVNGENCO3 hoàn thành tốt sứ mệnh và đạt được mục tiêu đề ra.





CHƯƠNG 1

EVNGENCO3 NĂM 2025

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc

10

Sự kiện nổi bật năm 2025

14

Danh hiệu và Giải thưởng tiêu biểu

16

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC



“

EVNGENCO3 xác định năm 2026 là năm bản lề trong kế hoạch phát triển 5 năm giai đoạn 2026 - 2030.

Tổng Công ty tập trung đảm bảo đạt sản lượng điện theo kế hoạch (dự kiến tăng 15% so với năm 2025), đẩy mạnh triển khai đầu tư các nguồn điện mới, với trọng tâm các dự án nhà máy thủy điện mở rộng, Điện mặt trời trên lòng hồ, nguồn điện linh hoạt, điện khí LNG.

”

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC



Tổng sản lượng điện toàn EVNGENCO3 đạt

26,754 tỷ kWh



Tổng doanh thu hợp nhất đạt

44.130 tỷ đồng



Lợi nhuận trước thuế đạt

4.297 tỷ đồng

Kính thưa Quý cổ đông, Quý đối tác, Quý khách hàng và toàn thể CBCNV,

Năm 2025, Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (EVNGENCO3) kiên định theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững, lấy nội lực làm nền tảng để không ngừng vươn xa. Phát huy thế mạnh cốt lõi là kinh nghiệm vận hành và sửa chữa các nhà máy điện quy mô lớn, EVNGENCO3 đã khai thác hiệu quả các nguồn lực hiện hữu, đồng thời từng bước hoàn thiện và mở rộng chuỗi giá trị trong lĩnh vực năng lượng: Đầu tư xây dựng nguồn điện - Kinh doanh điện năng - Quản lý Vận hành và Sửa chữa bảo dưỡng - Dịch vụ năng lượng (EPC, DPPA,...). Những bước đi này góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng giá trị bền vững cho cổ đông.

Dưới sự chỉ đạo sát sao, hỗ trợ kịp thời của Tập đoàn Điện lực Việt Nam cùng sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ngành và địa phương, tập thể EVNGENCO3 đã đoàn kết, chủ động thích ứng trước nhiều biến động và thách thức, đưa Tổng Công ty vượt qua một năm nhiều khó khăn nhưng đạt được những kết quả đáng ghi nhận:

Trong năm 2025, tổng sản lượng điện toàn EVNGENCO3 đạt 26,754 tỷ kWh; tổng doanh thu hợp nhất đạt 44.130 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế đạt 4.297 tỷ đồng.

Công tác đầu tư xây dựng trong năm 2025 có nhiều bước tiến nổi bật, các dự án nguồn điện mới do Tổng Công ty đang nghiên cứu phát triển đã được phê duyệt trong Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 điều chỉnh, hiện đang đề xuất chủ trương đầu tư và đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty đã hoàn thành công tác sắp xếp bộ máy, tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; chú trọng thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng AI, quản trị dựa trên nền tảng dữ liệu tập trung, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, minh bạch hoạt động và công bố thông tin đến quản trị công ty cổ phần đại chúng, từng bước theo chuẩn thông lệ quốc tế (OECD).

Năm 2025 đánh dấu năm thứ hai liên tiếp EVNGENCO3 được vinh danh trong **Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất - Nhóm ngành phi tài chính**. Đây là sự ghi nhận xứng đáng cho những nỗ lực không ngừng của Tổng Công ty trong việc xây dựng hình ảnh doanh nghiệp niềm yết chuyên nghiệp, minh bạch và hướng tới mô hình quản trị hiện đại, phát triển bền vững.

Thưa Quý vị,

Bước sang năm 2026, bối cảnh kinh tế - chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp và khó lường; Căng thẳng địa chính trị tại nhiều khu vực, xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ thương mại cùng với các chính sách thuế quan mới của các nền kinh tế lớn đang tạo ra những biến động đáng kể đối với thương mại toàn cầu. Đồng thời, giá nhiên liệu, tỷ giá và lãi suất biến động mạnh tiếp tục gây áp lực lên chuỗi cung ứng năng lượng và chi phí đầu vào đối với các đơn vị phát điện.

Trong nước, Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển mới với **mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức hai con số**, đẩy mạnh khoa học - công nghệ, phát triển hạ tầng chiến lược và thu hút dòng vốn đầu tư chất lượng cao. Điều này kéo theo **nhu cầu điện năng dự báo tiếp tục tăng trưởng mạnh**, đòi hỏi ngành điện nói chung và EVNGENCO3 nói riêng phải không

ngừng nâng cao năng lực cung ứng, đảm bảo vận hành hệ thống điện an toàn, ổn định, liên tục, góp phần giữ vững an ninh năng lượng quốc gia.

EVNGENCO3 xác định năm 2026 là năm bản lề trong chiến lược phát triển trung hạn. Tổng Công ty tập trung đảm bảo đạt sản lượng điện theo kế hoạch (tăng trưởng khoảng 15% so với năm 2025) thông qua tối ưu công tác vận hành, nâng cao độ khả dụng của các tổ máy, tăng cường bảo dưỡng theo điều kiện thực tế, ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý kỹ thuật.

Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất điện, Tổng Công ty đẩy mạnh triển khai các dự án nguồn điện mới với trọng tâm phát triển các dự án điện mặt trời trên lòng hồ thủy điện, các Nhà máy thủy điện mở rộng, triển khai các dự án nguồn điện linh hoạt, điện khí LNG. Để tạo nguồn lực đầu tư phát triển các dự án nguồn điện theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, EVNGENCO3 đang xây dựng, trình EVN kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2026 - 2030 theo phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

Trên nền tảng sức mạnh nội lực, tinh thần đổi mới và khát vọng cống hiến, EVNGENCO3 bước vào năm 2026 với niềm tin vững chắc vào một chặng đường phát triển mới. **Thay mặt Ban Lãnh đạo EVNGENCO3, chúng tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của Quý cổ đông; cảm ơn sự hợp tác hiệu quả của Quý khách hàng, Quý đối tác trong năm 2025 và suốt chặng đường phát triển vừa qua.** Chúng tôi cũng xin gửi lời tri ân sâu sắc tới toàn thể cán bộ, công nhân viên vì tinh thần trách nhiệm, sự tận tâm và những đóng góp quan trọng cho quá trình xây dựng, phát triển và nâng cao vị thế thương hiệu EVNGENCO3.

Kính chúc Quý cổ đông, Quý đối tác, Quý khách hàng cùng toàn thể cán bộ, công nhân viên sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

ĐINH QUỐC LÂM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

LÊ VĂN DANH

Tổng Giám đốc

SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2025

Tổng Công ty hoàn tất quá trình cổ phần hóa, làm tiền đề triển khai thực hiện tái cơ cấu trong giai đoạn 2026 - 2030.



Tiếp nhận quản lý vận hành và sửa chữa Nhà máy điện Phú Mỹ 2.2



Thành lập Trung tâm Dịch vụ Vận hành EVNGENCO3



EVNGENCO3 ký kết Hợp đồng gói thầu EPC Dự án chuyển đổi nhiên liệu Nhà máy điện Ô Môn 1



Thành lập Ban QLDA EVNGENCO3



Khởi công dự án Trụ sở văn phòng EVNGENCO3



Hỗ trợ khẩn cấp miền Trung khắc phục hậu quả bão lũ



DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

2025

Được trao tặng Giấy khen của
Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

2024

Được trao tặng Cờ thi đua
của Tập đoàn Điện lực
Việt Nam.

2023

Đón nhận Bằng khen của
Thủ tướng Chính phủ;
Nhân dịp kỷ niệm 10 năm
thành lập Tổng Công ty được
đón nhận Cờ truyền thống
của UBND TP.HCM và Bằng
khen của Ủy ban Quản lý vốn
nhà nước tại doanh nghiệp.

2022

Đón nhận Cờ thi đua của
Chính phủ; Cờ thi đua của
Tổng Liên đoàn Lao động
Việt Nam.

2021

Đón nhận Cờ thi đua của
Chính phủ; Cờ thi đua toàn
diện của Tổng Liên đoàn Lao
động Việt Nam; Bằng khen
của UBND TP.HCM,
Bộ Công Thương, EVN.

2020

Đón nhận Cờ thi đua của Ủy
ban Quản lý vốn Nhà nước tại
doanh nghiệp; Cờ thi đua của
Tổng Liên đoàn Lao động Việt
Nam và nhiều Bằng khen của
Bộ Công Thương, Bộ Tư pháp,
UBND các tỉnh...



CHƯƠNG 2

THÔNG TIN CHUNG VỀ EVNGENCO3

Thông tin chung về EVNGENCO3	21
Quá trình phát triển	22
Lĩnh vực kinh doanh	24
Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý	26
Các đơn vị thành viên	28
Ban Lãnh đạo Tổng Công ty	40
Định hướng phát triển giai đoạn 2026 - 2030	48
Quản trị rủi ro	52

THÔNG TIN CHUNG VỀ EVNGENCO3

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:	TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CTCP
Tên Tiếng Anh:	Power Generation Joint Stock Corporation 3
Tên viết tắt:	EVNGENCO3
Mã chứng khoán:	PGV
Niêm yết tại:	HOSE
Giấy CNĐKKD:	Số 3502208399, đăng ký lần đầu ngày 26/11/2012; sửa đổi lần 10 ngày 22/07/2025 tại Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ:	11.234.680.460.000 đồng
Trụ sở chính:	Số 60 - 66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, P. An Khánh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại:	(84.28) 3636 7449
Fax:	(84.28) 36367450
Email:	GENCO3@GENCO3.evn.vn
Website:	http://www.GENCO3.com



QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN



2018 - 2025

Năm 2018: Tổng Công ty chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình CTCP; Thực hiện IPO và đăng ký giao dịch cổ phiếu PGV của Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP trên sàn UPCOM vào ngày 21/03/2018.

Năm 2022: Ngày 10/02/2022 chính thức niêm yết trên sàn HOSE.

Năm 2023: Đánh dấu 10 năm thành lập và phát triển của EVN-GENCO3, mở ra chặng đường nhiều hy vọng trong giai đoạn tiếp theo.

Năm 2024: Tiếp nhận quản lý vận hành và sửa chữa Nhà máy điện Phú Mỹ 3.

Gia hạn Hợp đồng Dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 mở rộng.

Năm 2025: Thành lập Ban QLDA EVNGENCO3 và Trung tâm Dịch vụ Vận hành.

Tiếp nhận quản lý vận hành và sửa chữa Nhà máy điện Phú Mỹ 2.2.



2011 - 2017

Ngày 01/06/2012: Tổng Công ty Phát điện 3 (EVNGENCO3) được thành lập theo Quyết định số 3025/QĐ-BCT của Bộ Công Thương, trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ, các công ty phát điện hạch toán phụ thuộc, các ban quản lý dự án nguồn điện và tiếp nhận quyền chủ sở hữu vốn nhà nước tại một số công ty phát điện trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Năm 2013: Thành lập Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân và Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình.

Năm 2014: Góp vốn Thành lập Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE-PMTP.

Năm 2015: Thành lập Công ty Nhiệt điện Mông Dương; Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO3.

Năm 2016: Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ được tái lập và tiếp tục đảm nhiệm quản lý vận hành các nhà máy điện Phú Mỹ.

Năm 2017: Thành lập Công ty Nhiệt điện Thái Bình.



2004 - 2010

Năm 2004: Dự án cụm 3 nhà máy Thủy điện bậc thang lớn trên sông Srêpôk gồm: Buôn Kuốp; Buôn Tua Srah; Srêpôk 3, với tổng công suất 586 MW cũng được liên tiếp khởi công xây dựng, nhằm giải quyết tình trạng thiếu điện ở khu vực Tây Nguyên.

Từ năm 2009 - 2010: Đưa vào vận hành thương mại các nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, Srêpôk 3.



1996 - 2004

Ngày 07/04/1996, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã phát lệnh khởi công xây dựng Nhà máy Điện Phú Mỹ - Nhà máy nhiệt điện lớn nhất, hiện đại nhất Việt Nam lúc bấy giờ, góp phần giải quyết tình trạng thiếu điện ở phía Nam, thúc đẩy sản xuất, phát triển kinh tế

Năm 2004: Hoàn thành vận hành thương mại toàn bộ cụm các nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ.



LĨNH VỰC KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, cơ khí, điều khiển, tự động hóa thuộc dây chuyền sản xuất điện, công trình điện; thí nghiệm điện; cơ khí điện lực.

Quản lý, vận hành, sửa chữa và khai thác Cảng biển thuộc các Trung tâm Điện lực.



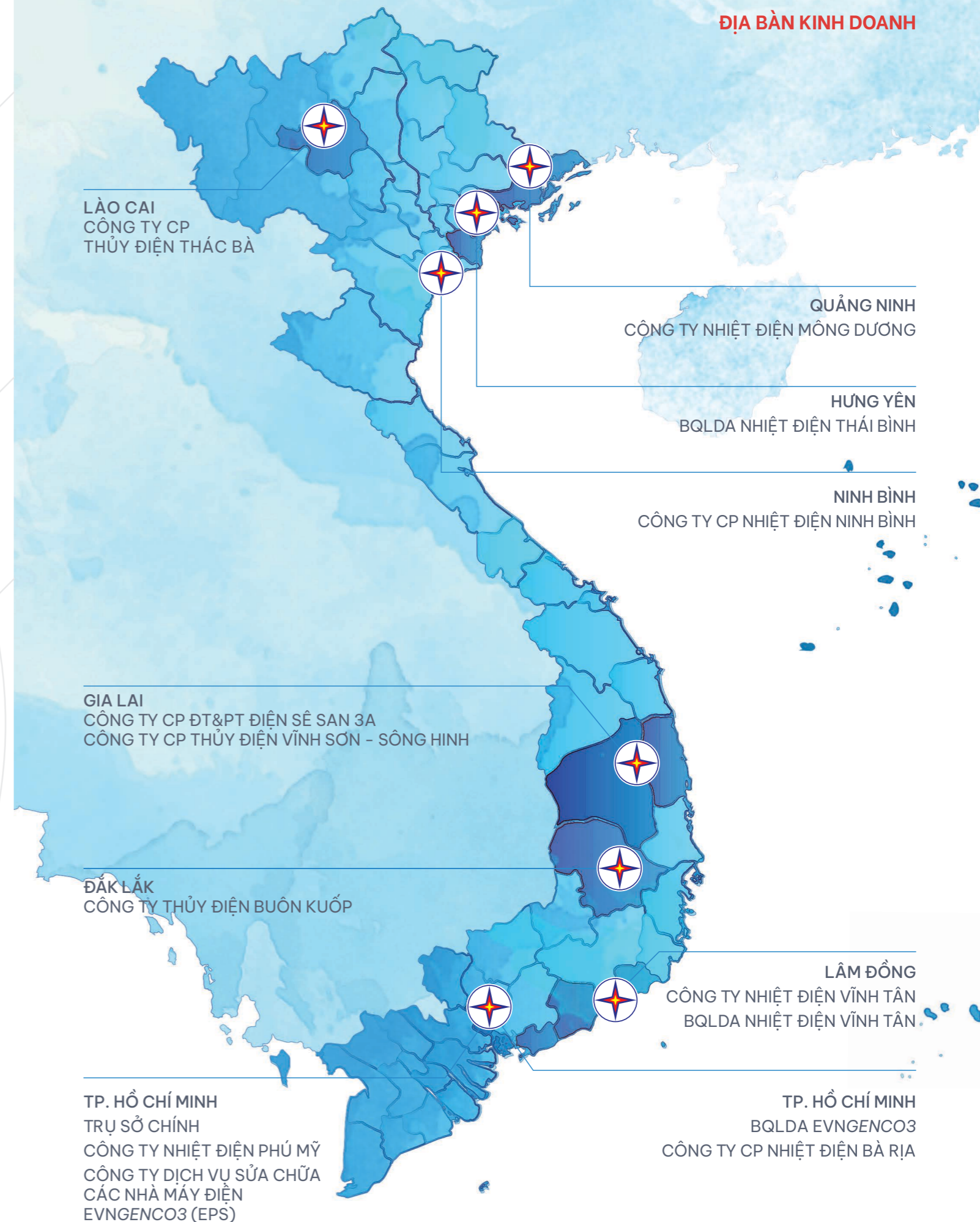
Tư vấn quản lý dự án, tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu, lập dự toán; tư vấn thẩm tra và giám sát thi công công trình nguồn điện và các công trình lưới điện đồng bộ các dự án nguồn điện; tư vấn hoạt động chuẩn bị sản xuất cho các nhà máy điện.

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

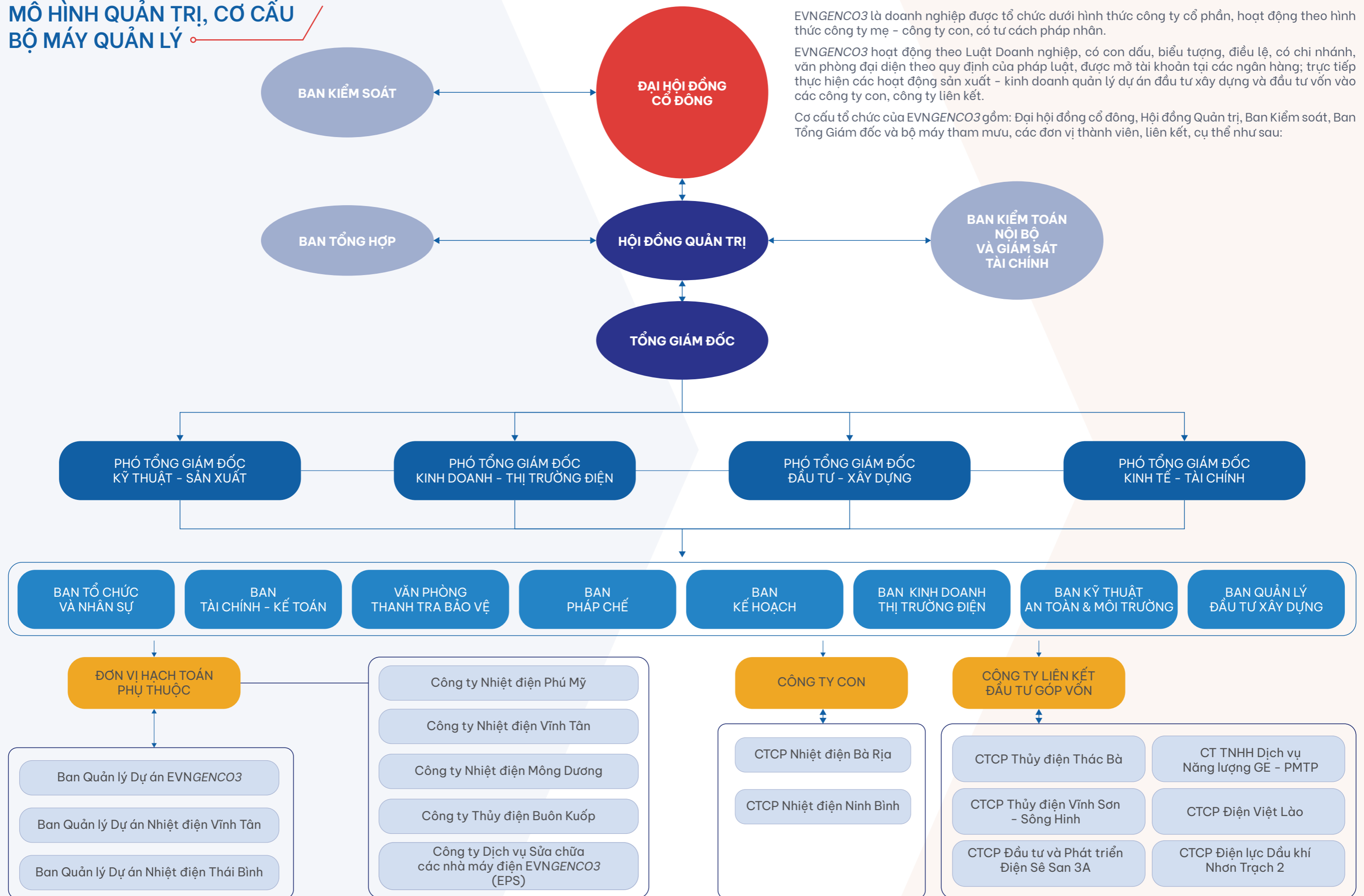
Sản xuất và kinh doanh điện năng; đầu tư và quản lý vốn đầu tư các dự án nguồn điện; các dự án năng lượng mặt trời, năng lượng tái tạo, năng lượng mới.

*Chi tiết xin xem điều 4 Điều lệ Tổng Công ty

ĐỊA BÀN KINH DOANH



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



EVNGENCO3 là doanh nghiệp được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con, có tư cách pháp nhân.

EVNGENCO3 hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, có con dấu, biểu tượng, điều lệ, có chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật, được mở tài khoản tại các ngân hàng; trực tiếp thực hiện các hoạt động sản xuất - kinh doanh quản lý dự án đầu tư xây dựng và đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết.

Cơ cấu tổ chức của EVNGENCO3 gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và bộ máy tham mưu, các đơn vị thành viên, liên kết, cụ thể như sau:

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

EVNGENCO3 hiện có 08 đơn vị HTPT, 02 công ty con do EVNGENCO3 nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, 06 công ty liên kết, đầu tư góp vốn nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ.

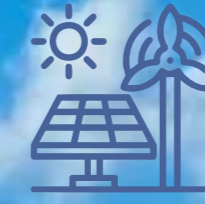
Tổng công suất lắp đặt là **6.579 MW** chiếm khoảng 8,3% công suất đặt toàn Hệ thống điện, trong đó đa dạng nhiều loại hình nguồn điện:



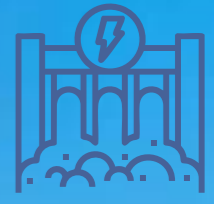
NHIỆT ĐIỆN TUABIN KHÍ
2.929 MW
CHIẾM KHOẢNG 44,52%



NHIỆT ĐIỆN THAN
2.424 MW
CHIẾM KHOẢNG 36,84%



ĐIỆN MẶT TRỜI
56,14 MWp
CHIẾM KHOẢNG 0,86%



THỦY ĐIỆN
1.170 MW
CHIẾM KHOẢNG 17,78%





CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC

1.1. CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ

Địa chỉ: Đường số 2B, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Tổng công suất: **2.540 MW**

Tất cả các NMD Phú Mỹ đều được lắp đặt hệ thống nâng công suất (fogging), tổng công suất tăng thêm là 110 MW.

Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ quản lý, vận hành các Nhà máy điện:

<p>Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 1 Công suất: 1.118 MW Nhiên liệu: Khí thiên nhiên</p>	<p>Là nhà máy điện có công suất lớn nhất trong các nhà máy điện của Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ, được đưa vào vận hành thương mại năm 2002.</p> <p>Sử dụng công nghệ và thiết bị của Mitsubishi Heavy Industries Group (Nhật Bản) cấu hình 3-3-1, tuabin khí loại M701F.</p>
<p>Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 2.1 Công suất: 477 MW Nhiên liệu: Khí thiên nhiên</p>	<p>Sử dụng công nghệ và thiết bị của Alstom (Thụy Sĩ) nay là GE, cấu hình 2-2-1.</p> <p>Đưa vào vận hành thương mại chu trình đơn vào năm 1997; chu trình hỗn hợp vào năm 2003.</p>
<p>Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 2.1 mở rộng Công suất: 468 MW Nhiên liệu: Khí thiên nhiên</p>	<p>Sử dụng công nghệ và thiết bị của Siemens (Đức) cấu hình 2-2-1, tuabin khí loại V94.2.</p> <p>Đưa vào vận hành thương mại chu trình đơn vào năm 1999 và chu trình hỗn hợp vào năm 2006.</p>
<p>Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 4 Công suất: 477 MW Nhiên liệu: Khí thiên nhiên</p>	<p>Sử dụng công nghệ và thiết bị của Alstom (Thụy Sĩ) (nay là GE), cấu hình 2-2-1.</p> <p>Đưa vào vận hành thương mại 2004.</p> <p>Năm 2015 tuabin khí đã được nâng cấp lên loại GT13E2 MXL2.</p>
<p>Hệ thống điện mặt trời Công suất: 3,44 MWp</p>	<p>Điện mặt trời cấp tự dùng cho NMD Phú Mỹ 1.</p>



1.2. CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN

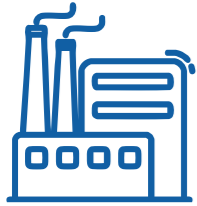
Địa chỉ: Thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng

Tổng công suất: **1.288 MW**

Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân quản lý, vận hành các nhà máy điện:

<p>Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 Công suất: 2 x 622 MW Nhiên liệu: Than cám</p>	<p>Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 được đưa vào vận hành thương mại từ quý I năm 2015 với tổng công suất lắp đặt 2 x 622 MW, sản lượng điện sản xuất bình quân hàng năm khoảng 7,4 tỷ kWh, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng của Hệ thống điện, đặc biệt trong giai đoạn cao điểm mùa khô cho khu vực miền Nam.</p>
<p>Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 Công suất: 42,65 MWp</p>	<p>Nhà máy ĐMT Vĩnh Tân 2 công suất lắp đặt 42,65 MWp được vận hành thương mại cuối tháng 6 năm 2019.</p> <p>Mỗi năm, nhà máy phát vào lưới điện Quốc gia khoảng 50 triệu kWh, góp phần đa dạng hóa loại hình phát điện của Tổng Công ty.</p>
<p>Hệ thống điện mặt trời Công suất: 8.235 kWp</p>	<p>Điện mặt trời cấp tự dùng cho NMD Vĩnh Tân 2</p>





1.3. CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN MÔNG DƯƠNG

Địa chỉ: Khu 8, phường Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh

Tổng công suất: **1.080 MW**

Công ty Nhiệt điện Mông Dương quản lý, vận hành nhà máy điện:

Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1

Công suất: **2 x 540 MW**

Nhiên liệu: **Than cám**

Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 có tổng công suất lắp đặt 2 x 540 MW, sử dụng công nghệ CFB, có khả năng thích ứng cao với các dòng than nội địa có nhiệt trị thấp. Với ưu điểm hiệu quả trong lĩnh vực xử lý khí thải, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường.

Nhà máy đã đưa vào vận hành hệ thống bảng điện tử hiển thị số liệu quan trắc môi trường online để công khai, minh bạch thông tin về công tác quản lý môi trường đến cộng đồng; đã được cấp giấy chứng nhận HTQL môi trường phù hợp với tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015.

Công tác môi trường, giám sát các thông số quan trắc khí thải, nước thải... luôn được triển khai nghiêm túc và đầy đủ. Tro xỉ của Nhà máy được tiêu thụ toàn bộ, góp phần đảm bảo tốt môi trường sống và thân thiện, hướng tới phát triển bền vững.



1.4. CÔNG TY THỦY ĐIỆN BUỒN KUỐP

Địa chỉ: Số 22 đường Mai Xuân Thưởng, phường Thành Nhất, tỉnh Đắk Lắk

Tổng công suất: **586 MW**

Công ty Thủy điện Buôn Kuốp quản lý, vận hành các nhà máy thủy điện:

Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp

Công suất: **2 x 140 MW**

Nguồn nước tự nhiên

Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp vận hành thương mại năm 2009 với công suất 2 x 140 MW. Hồ chứa có dung tích hữu ích 14,7 triệu m³ nước, sản lượng điện bình quân hàng năm 1,25 tỷ kWh.

Ngoài tạo nguồn cung cấp điện cho hệ thống điện Quốc gia, công trình này còn điều hòa nguồn nước, cấp nước cho hạ du nhà máy theo quy trình vận hành liên hồ chứa.

Nhà máy Thủy điện Buôn Tua Srah

Công suất: **2 x 43 MW**

Nguồn nước tự nhiên

Nhà máy Thủy điện Buôn Tua Srah được đưa vào vận hành thương mại năm 2009 với công suất 2 x 43 MW, hồ chứa có dung tích hữu ích 522 triệu m³ nước, sản lượng điện bình quân hàng năm 347 triệu kWh.

Ngoài chức năng sản xuất điện, Nhà máy còn thực hiện nhiệm vụ điều tiết nước trong mùa cạn và cắt giảm lũ trong mùa mưa cho các địa phương phía hạ du.

Nhà máy Thủy điện Srêpốk 3

Công suất: **2 x 110 MW**

Nguồn nước tự nhiên

Nhà máy Thủy điện Srêpốk 3 vận hành thương mại năm 2010 với công suất 2 x 110 MW. Mỗi năm, Nhà máy cung cấp cho lưới điện Quốc gia hơn 1,015 tỷ kWh.

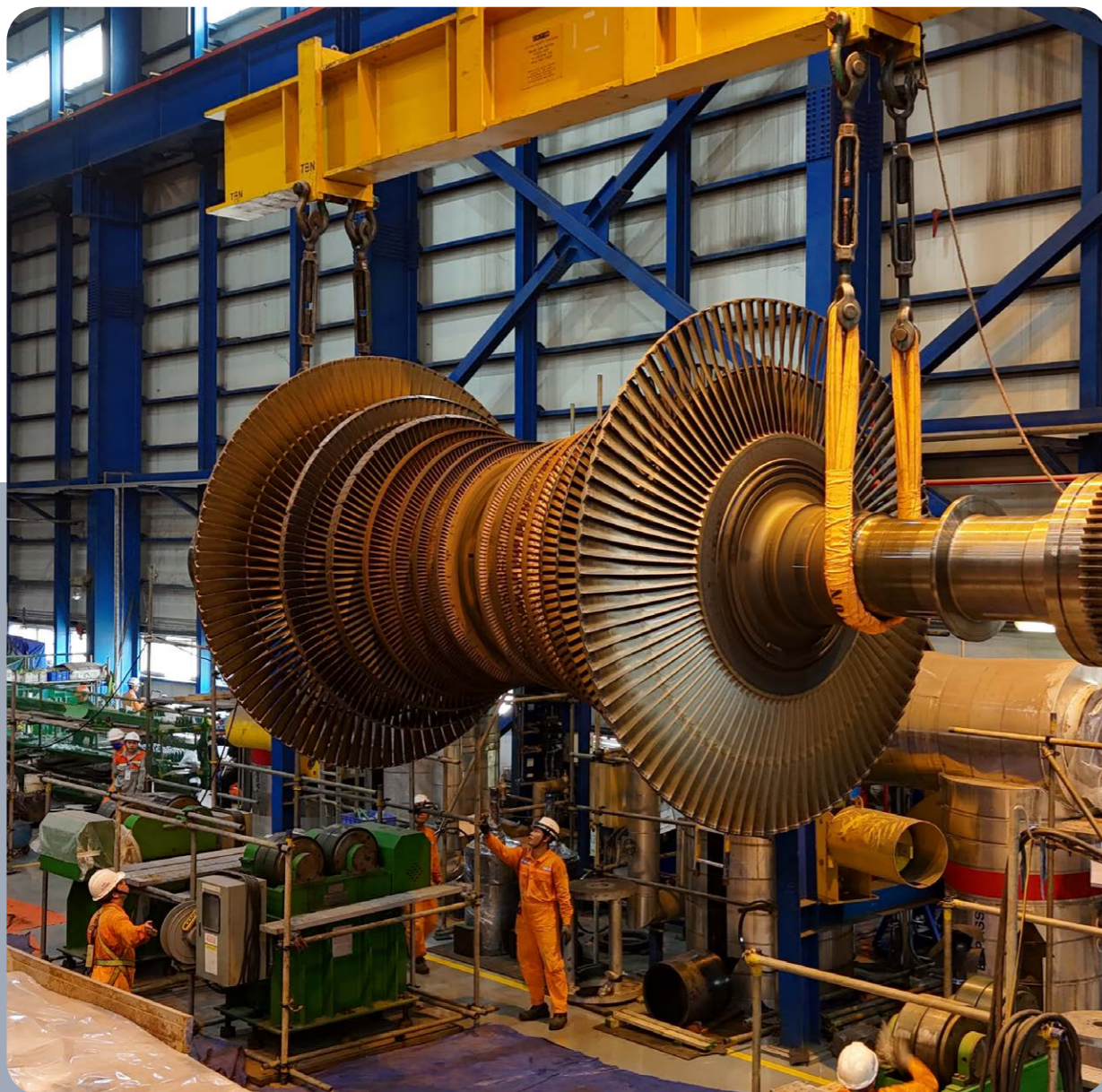
Nhà máy Thủy điện Srêpốk 3 có vai trò rất quan trọng, cung cấp nước ổn định cho phía hạ du, cắt lũ cho vùng hạ lưu sông Srêpốk.

Hệ thống điện mặt trời

Công suất: **301,4 kWp**

Cấp tự dùng cho các NMD CTTĐ Buôn Kuốp.





1.5. CÔNG TY DỊCH VỤ SỬA CHỮA CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN EVNGENCO3 (EPS)

Địa chỉ: 1228 Độc lập, phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH:

Công ty EPS là thương hiệu do Tổng Công ty Phát điện 3 xây dựng và phát triển trên nền tảng 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận hành và sửa chữa bảo dưỡng cho các nhà máy điện công suất lớn.

Hiện tại, EPS là một trong những đơn vị hàng đầu tại Việt Nam, phụ trách quản lý vận hành, sửa chữa tập trung cho các nhà máy điện chạy khí, than, điện mặt trời. Trung bình hàng năm, EPS thực hiện 15 công trình sửa chữa lớn.

CÁC DỊCH VỤ EPS CUNG CẤP:

Cung cấp các gói dịch vụ sửa chữa chất lượng cao cho nhà máy điện: Bảo trì tuabin khí, tuabin hơi Nhà máy nhiệt điện; Bảo dưỡng, sửa chữa lò hơi, lò thu hồi nhiệt (HRSG); Sửa chữa lớn máy phát điện.

Phục hồi vật tư thay thế, gia công chế tạo.

Tư vấn, thiết kế, lắp đặt các công trình điện và công nghiệp: nhà máy điện, trạm điện.

Đào tạo vận hành, sửa chữa, dịch vụ vận hành thuê nhà máy điện.

Các dịch vụ khác.



1.6. BQLDA NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN (BAN AVT)

Địa chỉ: Đại lộ Hùng Vương, khu phố 5, phường Phú Thủy, tỉnh Lâm Đồng

Hiện nay, Ban AVT đang thực hiện quyết toán các dự án trong Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân.



1.7. BQLDA NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH (BAN ATB)

Địa chỉ: Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên

Hiện nay, Ban ATB đang thực hiện quyết toán dự án NMNĐ Thái Bình.



1.8. BQLDA EVNGENCO3 (EVNGENCO3-PMB)

Địa chỉ: Số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Xây dựng công trình điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

CÁC CÔNG TY CON

2.1. CÔNG TY CP NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA (BTP)

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang,
phường Long Hương, Thành
phố Hồ Chí Minh

Công suất: **389 MW**

Nhiên liệu sử dụng: Khí thiên
nhiên

Vốn điều lệ: **604,86 tỷ đồng**

Vốn góp của EVNGENCO3:
481,24 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3:
79,56%



2.2. CÔNG TY CP NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH (NBP)

Địa chỉ: Số 01A đường Hoàng
Diệu, phường Hoa Lư, tỉnh
Ninh Bình

Công suất: **100 MW**

Nhiên liệu sử dụng: Than cám

Vốn điều lệ: **128,66 tỷ đồng**

Vốn góp của EVNGENCO3:
70,45 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3:
54,76%

CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, ĐẦU TƯ GÓP VỐN

3.1. CÔNG TY CP TĐ VĨNH SƠN - SÔNG HINH

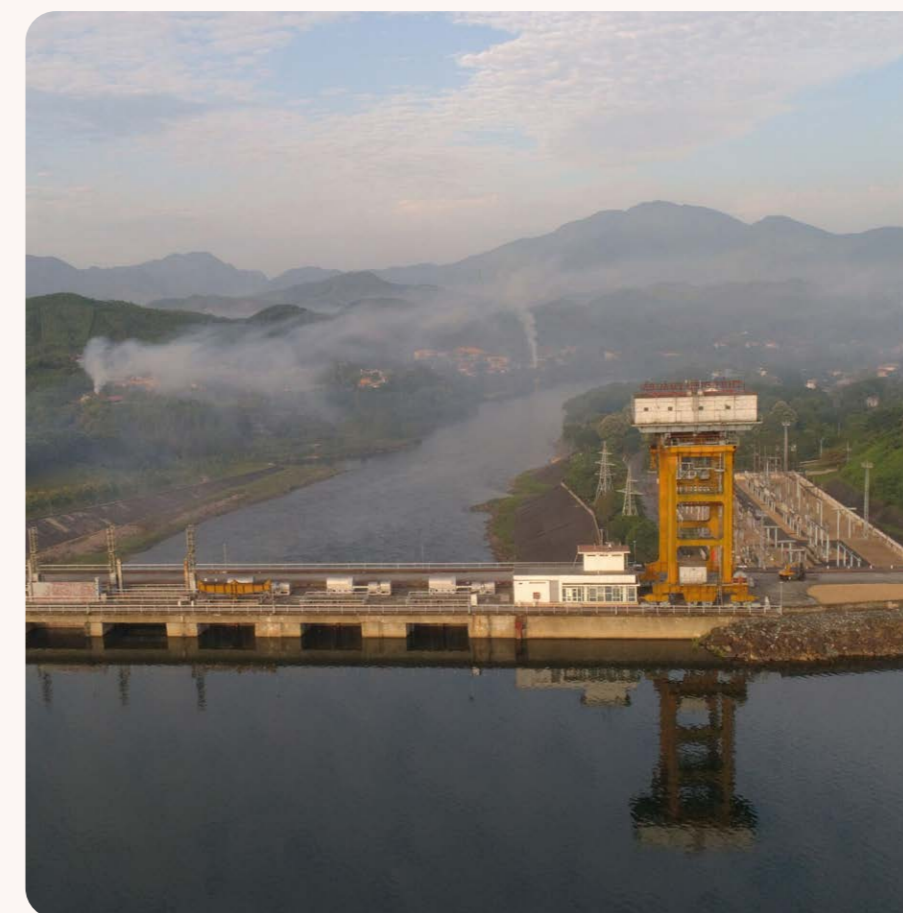
Địa chỉ: 21 Nguyễn Huệ,
phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai

Công suất: **356 MW**

Vốn điều lệ: **2.362,41 tỷ đồng**

Vốn góp của EVNGENCO3:
608,72 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3:
30,55%



3.2. CÔNG TY CP TĐ THÁC BÀ

Địa chỉ: Thôn 1, xã Thác Bà,
tỉnh Lào Cai

Công suất: **120 MW**

Vốn điều lệ: **635 tỷ đồng**

Vốn góp của EVNGENCO3:
190,50 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3:
30,00%

3.3. CÔNG TY CP ĐT&PT ĐIỆN SÊ SAN 3A

Địa chỉ: 96 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai

Công suất: **108 MW**

Vốn điều lệ: **280 tỷ đồng**

Vốn góp của EVNGENCO3: 84 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3: **30,00%**



3.5. CÔNG TY CP ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Địa chỉ: Xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai

Công suất: **750 MW**

Vốn điều lệ: **2.878,76 tỷ đồng**

Vốn góp của EVNGENCO3: 83,09 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3: **2,47%**



3.4. CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ NĂNG LƯỢNG GE-PMTP

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp dịch vụ sửa chữa tuabin khí cho các khách hàng trong nước và các nước trong khu vực

Vốn điều lệ: **501,70 tỷ đồng**

Vốn góp của EVNGENCO3: 74,46 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3: **15,00%**



3.6. CÔNG TY CP ĐIỆN VIỆT LÀO

Địa chỉ: Tầng 9 Tháp B Tòa nhà HH4, đường Phạm Hùng, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Công suất: **651 MW**

Vốn điều lệ: **4.815,29 tỷ đồng**

Vốn góp của EVNGENCO3: 19,60 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO3: **0,45%**

BAN LÃNH ĐẠO TỔNG CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG ĐINH QUỐC LÂM

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Hệ thống điện

Đại diện sở hữu: 445.769.198 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 54.155 cổ phần

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ 01/1996 - 01/2020: Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó Quản đốc, Quản đốc Phân xưởng Vận hành, Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ; Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc EVNGENCO3; Thành viên HĐQT thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT EVNGENCO3, Tổng Giám đốc EVNGENCO3

01/2020 - nay: Chủ tịch HĐQT EVNGENCO3

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không

ÔNG LÊ VĂN DANH

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Điện - Điện tử

Đại diện sở hữu: 334.326.898 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 12.600 cổ phần

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ 11/1996 - 01/2020: Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó Quản đốc, Phó Quản đốc phụ trách Phân xưởng vận hành 1, Trưởng Phòng Kế hoạch - Vật tư, Phó Giám đốc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ; Phó Tổng Giám đốc EVNGENCO3

01/2020 - nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc EVNGENCO3

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không





BÀ NGUYỄN THỊ HẢI YẾN

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kinh tế lao động

Đại diện sở hữu: 167.163.449 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 11.484 cổ phần

Quá trình công tác:

09/1994 - 06/2023: Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Tổ chức - Lao động Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ; kiêm nhiệm Thành viên HĐQT CTCP Nhiệt điện Ninh Bình; Trưởng Ban Tổ chức và Nhân sự EVNGENCO3

06/2023 - nay: Thành viên HĐQT chuyên trách EVNGENCO3

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không



ÔNG HỒ ANH TUẤN

Thành viên HĐQT

(bầu ngày 10/06/2025)

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật điện

Đại diện sở hữu: 167.163.449 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 6.000 cổ phần

Quá trình công tác:

08/1995 - nay: lần lượt trải qua các vị trí Nghiên cứu viên, Phòng Quy hoạch lưới điện, Viện năng lượng; Chuyên viên, Phó Trưởng ban, Trưởng ban Kế hoạch Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

6/2025 - nay: Thành viên HĐQT EVNGENCO3

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Trưởng ban Kế hoạch, Tập đoàn Điện lực Việt Nam



ÔNG ĐỖ MỘNG HÙNG

Thành viên độc lập HĐQT

Năm sinh: 1958

Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Nhiệt điện

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Quá trình công tác:

10/1981 - 04/2016: Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng Đo lường Tự động nhiệt, Trưởng phòng Kế hoạch, Trung tâm Thí nghiệm điện - Công ty Điện lực 1; Phó trưởng Ban, Trưởng Ban Kỹ thuật nguồn điện/Kỹ thuật sản xuất, Trưởng Ban An toàn Tập đoàn Điện lực Việt Nam; kiêm nhiệm các vị trí: Thành viên HĐQT Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh; Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng.

09/2018 - nay: Thành viên độc lập HĐQT EVNGENCO3

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không



ÔNG NGUYỄN MINH KHOA

Thành viên HĐQT

(miễn nhiệm ngày 10/06/2025)

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Luật, Cử nhân Tiếng Anh

Đại diện sở hữu: 167.163.449 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Quá trình công tác:

07/2001 - nay: Lần lượt nắm giữ các vị trí: Phó Trưởng ban Thanh tra Bảo vệ và Pháp chế, Phó Trưởng ban Pháp chế, Trưởng ban Pháp chế Tập đoàn Điện lực Việt Nam

01/2020 - nay: Trưởng ban Pháp chế Tập đoàn Điện lực Việt Nam kiêm Thành viên HĐQT (không chuyên trách) EVNGENCO3

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Trưởng Ban Pháp chế, Tập đoàn Điện lực Việt Nam

2. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG



ÔNG LÊ VĂN DANH

Tổng Giám đốc
(bổ nhiệm lại ngày 15/01/2025)

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Điện - Điện tử

Đại diện sở hữu: 334.326.898 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 12.600 cổ phần

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Từ 11/1996 - 01/2020: Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó Quản đốc, Phó Quản đốc phụ trách Phân xưởng vận hành 1, Trưởng Phòng Kế hoạch - Vật tư, Phó Giám đốc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ; Phó Tổng Giám đốc EVNGENCO3

01/2020 - nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc EVNGENCO3

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không



ÔNG TRẦN ĐÌNH ÂN

Phó Tổng Giám đốc
Kỹ thuật - Sản xuất

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Cơ Điện tử, Kỹ sư Hệ thống điện

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 7.420 cổ phần

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

10/2001 - 03/2023: Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ; Phó Trưởng Ban Kỹ thuật - Sản Xuất, Trưởng Ban Kế hoạch EVNGENCO3; kiêm nhiệm TV HĐTV Công ty TNHH Năng lượng GE-PMTP

03/2023 - nay: Phó Tổng Giám đốc EVNGENCO3

15/10/2024 - nay: kiêm nhiệm Giám đốc CTND Phú Mỹ

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không



ÔNG NGUYỄN THANH TRÙNG DƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc
Kinh doanh Thị trường điện

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Mạng và Hệ thống Điện, Kỹ sư Kỹ thuật Điện

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 16.170 cổ phần

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

07/1993 - 01/2013: Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Quản đốc Phân xưởng Điện - Tự động, Ban CBSX các NMTĐ trên sông Vu Gia - Thu Bồn, Quản đốc Phân xưởng Điện - Tự động kiêm Phó Trưởng Ban, Ban QLDA Thủy điện A Vương; Giám đốc Trung tâm bảo trì thủy điện và DVKT kiêm Phó trưởng Ban, Phó Tổng Giám đốc CTCP Thủy điện A Vương

01/2013 - nay: Phó Tổng Giám đốc EVNGENCO3

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Nhiệt điện Ninh Bình



ÔNG VÕ MINH THẮNG

Phó Tổng Giám đốc
Đầu tư - Xây dựng

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Điện - Điện tử

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 12.180 cổ phần

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

04/2001 - 04/2021: Lần lượt nắm giữ các vị trí: Phó Quản đốc, Quản đốc PXVH1 Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ; Phó Trưởng Ban phụ trách, Trưởng Ban Ban KD-TTĐ EVNGENCO3; Phó Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách, Giám đốc Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân

04/2021 - nay: Phó Tổng Giám đốc ĐT-XD EVNGENCO3 kiêm Giám đốc Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân

03/2025 - nay: Kiêm Giám đốc Ban QLDA EVNGENCO3

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không



BÀ NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc
Kinh tế - Tài Chính

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ - Tiếng Anh

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 10.080 cổ phần

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

08/2001 - 09/2018: Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng, Kế toán trưởng Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ; Kế toán trưởng EVNGENCO3.

10/2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc EVNGENCO3

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không



BÀ VŨ PHƯƠNG THẢO

Kế toán trưởng
(bổ nhiệm lại từ ngày 15/08/2025)

Năm sinh: 1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 945 cổ phần

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

12/2007 - 08/2020: Lần lượt giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ; Phó Trưởng Ban, Trưởng Ban Tài chính - Kế toán EVNGENCO3

08/2020 đến nay: Kế toán trưởng EVNGENCO3

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Không

3. BAN KIỂM SOÁT



ÔNG PHẠM HÙNG MINH

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế đối ngoại, Cử nhân Kế toán

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

10/2000 - 10/2018: Lần lượt nắm giữ các chức vụ: Phó phòng Tài chính kế toán, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa; Kiểm soát viên chuyên trách EVNGENCO3

10/2018 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát EVNGENCO3

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính, Tập đoàn Điện lực Việt Nam



ÔNG ĐẬU ĐỨC CHIẾN

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật điện

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

05/2002 - 09/2018: Trải qua các vị trí: Quản lý vận hành Trạm biến áp - Công ty Truyền tải điện 1; Chuyên viên Ban Quản lý Xây dựng, Tập đoàn Điện lực Việt Nam

09/2018 - nay: Chuyên viên Ban Quản lý Xây dựng kiêm Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách EVNGENCO3

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Chuyên viên Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng, Tập đoàn Điện lực Việt Nam



ÔNG NGUYỄN VĂN ĐÔNG

Thành viên Ban Kiểm soát
(bầu ngày 10/06/2025)

Năm sinh: 1982

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh doanh và Quản lý

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

12/2005 - nay: lần lượt trải qua các vị trí Chuyên viên, Tổ trưởng phòng Tài chính-Kế toán, Ban QLDA NMTĐ Sơn La; Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Ban quản lý dự án Điện 1; Chuyên viên Ban KTGS Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

06/2025 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát EVNGENCO3

Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác: Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính, Tập đoàn Điện lực Việt Nam



BÀ VŨ HẢI NGỌC

Thành viên Ban Kiểm soát
(miễn nhiệm ngày 10/06/2025)

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán doanh nghiệp

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

12/1992 - 06/2017: Trải qua các vị trí: Thu ngân viên, Nhân viên kinh doanh; nhân viên, Phó phòng Tài chính Kế toán, Công ty Điện lực Ba Đình, Tổng Công ty Điện lực TP. Hà Nội; Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính, Tập đoàn Điện lực Việt Nam

07/2017 - 10/6/2025: Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính Tập đoàn Điện lực Việt Nam kiêm Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách EVNGENCO3

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Đảm bảo kết quả SXKD hàng năm đạt và vượt kế hoạch giao.

Đảm bảo nhiên liệu cho sản xuất (than, khí). Xác lập định hướng mua sắm LNG tái hóa kết hợp giữa mua sắm theo chuyển (spot) tối ưu chi phí SXKD.

Đẩy mạnh tối đa công tác ĐTXD các dự án nguồn điện mới để duy trì và phát triển thị phần sản lượng điện của TCT trong Hệ thống điện.

Đẩy mạnh việc mở rộng lĩnh vực kinh doanh dịch vụ: DPPA, nhiên liệu, O&M, EPC.

Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực quốc tế, xây dựng mô hình tổ chức tối ưu, hiệu quả; bảo đảm hài hòa lợi ích, gia tăng giá trị bền vững cho cổ đông và nâng cao quyền lợi của người lao động.

Xây dựng, triển khai kế hoạch tái cơ cấu Tổng Công ty giai đoạn 2026 - 2030 theo hình thức phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

VỀ SẢN XUẤT ĐIỆN:

Chủ động các giải pháp đảm bảo nhiên liệu (than, khí) cho sản xuất điện. Chú trọng triển khai bổ sung LNG cho nhu cầu SXĐ các NMD TBK Phú Mỹ, Bà Rịa.

Đảm bảo các nhà máy điện vận hành ổn định, tin cậy và kinh tế; đáp ứng yêu cầu huy động của Hệ thống điện quốc gia.

Tuân thủ các quy định về môi trường, tài nguyên nước trong sản xuất. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiêu thụ tro xỉ.

VỀ QUẢN TRỊ:

Triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Rà soát hoàn thiện hệ thống quy chế nội bộ theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường hậu kiểm, kiểm soát bằng hệ thống và dữ liệu.

VỀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG:

Triển khai mạnh mẽ các dự án theo kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030.

Nghiên cứu đầu tư các dự án nguồn điện mới theo định hướng năng lượng sạch.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong toàn bộ quá trình đầu tư xây dựng, từ chuẩn bị đầu tư đến quản lý thi công, nghiệm thu và thanh quyết toán; chuẩn hóa, số hóa dữ liệu và tích hợp hệ thống quản lý nâng cao tính minh bạch, khả năng giám sát, phân tích và ra quyết định.

Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực làm công tác đầu tư xây dựng theo hướng vừa nâng cao chất lượng hiện tại, vừa tạo đội ngũ kế thừa; Tăng cường đào tạo chuyên sâu về chuyên môn và bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu công việc.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

VỀ MÔI TRƯỜNG

Tiếp tục đầu tư và hành động có chiều sâu trong sản xuất kinh doanh nhằm giảm thiểu tối đa tác động xấu đến môi trường. Chủ động chấp hành và tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn, không để xảy ra sự cố liên quan đến môi trường.

Hướng đến dịch vụ xanh, xây dựng môi trường làm việc xanh, sử dụng công nghệ xanh, phát triển các hệ thống thân thiện với môi trường, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và bền vững các nguồn tài nguyên, thích ứng và ngăn chặn biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính.

Triển khai các hoạt động thiết thực, cụ thể nhằm lan tỏa và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, chung tay hành động vì một Trái đất xanh hôm nay, bền vững cho mai sau.

VỀ KINH TẾ

Giữ vững mục tiêu hiệu quả kinh tế gắn liền với phát triển bền vững, gia tăng lợi ích, giá trị thiết thực cho các bên liên quan.

Cam kết sản xuất bền vững, cạnh tranh lành mạnh và đầu tư có trách nhiệm, thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, hoàn thành tốt nhiệm vụ cung ứng điện cho phát triển kinh tế - xã hội đất nước và nhu cầu của Nhân dân.

Tăng cường hợp tác đa phương trong nước và quốc tế, tạo ra nhiều giá trị thiết thực cho ngành điện Việt Nam và đồng hành cùng tương lai đất nước.

VỀ CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

Tiếp tục duy trì, kiến tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn thông qua việc thực hành các chính sách phúc lợi toàn diện, tạo điều kiện thu nhập và cơ hội phát triển công bằng cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế địa phương.

Hoàn thành tốt nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước; gia tăng phúc lợi và an sinh xã hội.

Tích cực tổ chức và tham gia các hoạt động thiện nguyện; thực thi trọn vẹn trách nhiệm xã hội, đồng hành bền vững cùng cộng đồng.



QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong những năm qua, EVNGENCO3 luôn nỗ lực thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu ĐHCĐ giao. Trong đó, công tác quản trị rủi ro đóng vai trò quan trọng và là một phần không thể thiếu trong quản trị Doanh nghiệp, công tác quản trị rủi ro luôn được EVNGENCO3 chú trọng nhằm sớm xác định các rủi ro tiềm ẩn, xây dựng các giải pháp quản trị rủi ro (phòng ngừa, giảm thiểu, né tránh, kiểm soát, chấp nhận rủi ro) từ đó giảm thiểu tối đa các tổn thất; tận dụng các cơ hội để thúc đẩy phát triển bền vững của Tổng Công ty.

Hàng năm, EVNGENCO3 xây dựng chương trình rủi ro tổng thể, ban hành danh mục rủi ro và xây dựng hồ sơ rủi ro trọng yếu (bao gồm phân tích các yếu tố tác động, khả năng/tần suất xảy ra, các giải pháp, phương pháp bổ sung cũng như ngưỡng chấp nhận rủi ro) nhằm kiểm soát chặt chẽ. Bên cạnh đó, EVNGENCO3 đã xây dựng rà soát, cập nhật hồ sơ rủi ro cấp quy trình nhằm đảm các quy trình trong EVNGENCO3/Đơn vị được thực hiện đúng quy định và giảm thiểu rủi ro.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2025 CỦA EVNGENCO3:

Hồ sơ rủi ro trọng yếu đã được các chủ rủi ro nhận diện đầy đủ nguyên nhân các yếu tố tác động; lượng hóa mức độ rủi ro và đưa ra 31 phương án để xử lý các rủi ro và xây dựng 24 ngưỡng/ hạn mức KRI để giám sát rủi ro. Xây dựng, rà soát, cập nhật 425 hồ sơ rủi ro cấp quy trình; Tổng Công ty/các Chủ rủi ro đã xây dựng các giải pháp quản trị nhằm kiểm soát chặt chẽ các yếu tố tác động/rủi ro tác động đến các hoạt động của Tổng Công ty, đề xuất các giải pháp, kiến nghị trong các Tờ trình/Báo cáo liên quan.

KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2026 CỦA EVNGENCO3:

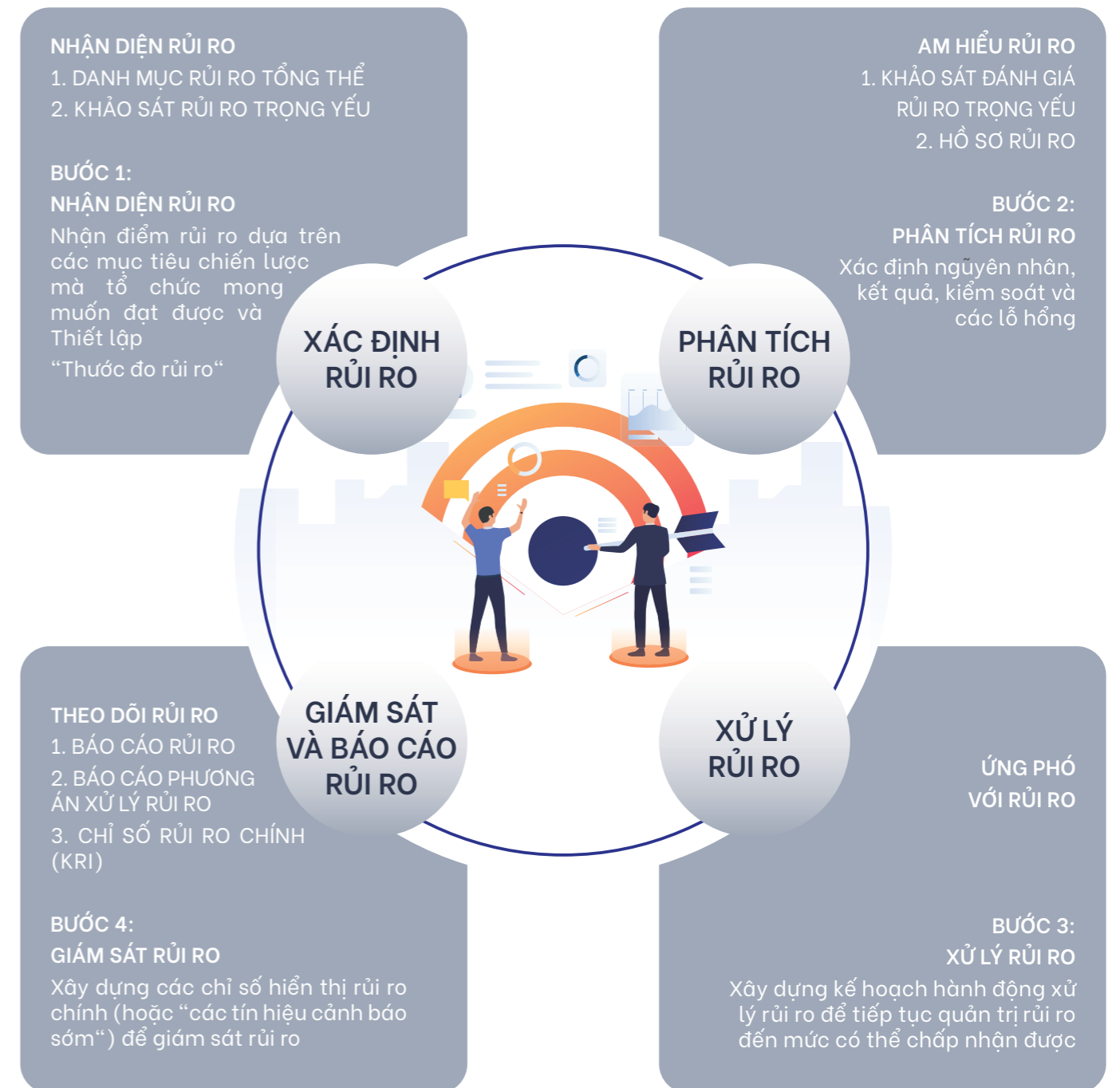
Trên cơ sở phân tích đánh giá các nhiệm vụ trọng tâm trong các lĩnh vực hoạt động của TCT trong năm 2026. Theo đó:

TCT tập trung quản trị đối với các rủi ro tác động/ảnh hưởng trực tiếp đến các nhiệm vụ của TCT trong năm 2026 gồm:

- (i) Công tác đảm bảo sản xuất kinh doanh điện - đặc biệt là công tác đảm bảo nhiên liệu (khí, than) cho SXĐ
- (ii) Các giải pháp tối ưu hóa chi phí, nâng cao năng lực tài chính của TCT
- (iii) Đầu tư các Dự án nguồn điện mới
- (iv) Công tác khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Thường xuyên rà soát cập nhật các hồ sơ rủi ro trọng yếu, hồ sơ rủi ro cấp quy trình theo tình hình thực hiện thực tế nhằm nâng cao chất lượng trong công tác quản trị rủi ro.

CÁC HỒ SƠ RỦI RO (BAO GỒM HỒ SƠ RỦI RO TRỌNG YẾU VÀ HỒ SƠ RỦI RO CẤP QUY TRÌNH) ĐƯỢC XÂY DỰNG VÀ KIỂM SOÁT THEO QUY TRÌNH SAU:





CHƯƠNG 3

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025

Bối cảnh chung	56
Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	60
Tổ chức và Nhân sự	66
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	68
Tình hình tài chính	72
Cơ cấu Cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	74

BỐI CẢNH CHUNG

1. KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM NĂM 2025

1.1. KINH TẾ THẾ GIỚI

Năm 2025, kinh tế thế giới ghi nhận xu hướng phục hồi tích cực, song vẫn chịu nhiều sức ép từ căng thẳng thương mại, bất ổn địa chính trị, biến động giá năng lượng và tác động ngày càng rõ nét của biến đổi khí hậu. Theo số liệu của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2025 đạt khoảng 3,2%, trong khi lạm phát toàn cầu duy trì ở mức khoảng 4,2%, phản ánh quá trình điều chỉnh chính sách tiền tệ và phục hồi kinh tế không đồng đều giữa các khu vực.

Bên cạnh các thách thức, sự phát triển của các lĩnh vực công nghệ cao như trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học và năng lượng sạch đã tạo ra những động lực tăng trưởng mới, góp phần nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và mở ra các giải pháp bền vững cho những vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng và thương mại quốc tế.

1.2. KINH TẾ VIỆT NAM

Bất chấp những biến động phức tạp của bối cảnh kinh tế toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam năm 2025 ghi nhận mức tăng trưởng tích cực với GDP tăng 8,02%, thuộc nhóm cao nhất trong khu vực ASEAN và thế giới, tiếp tục khẳng định vai trò là điểm sáng tăng trưởng của khu vực.

Trong năm, kinh tế vĩ mô tiếp tục được giữ ổn định; lạm phát được kiểm soát; các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo. Các chỉ tiêu về nợ công, bội chi ngân sách nhà nước được kiểm soát ở mức an toàn, thấp hơn đáng kể so với ngưỡng cho phép. Đồng thời, việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững.

Hoạt động thương mại quốc tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 930 tỷ USD, thuộc nhóm 15 quốc gia có quy mô thương mại lớn nhất thế giới; cán cân thương mại tiếp tục duy trì trạng thái xuất siêu. Môi trường đầu tư - kinh doanh tiếp tục được cải thiện, các rào cản thể chế từng bước được tháo gỡ, góp phần tạo động lực phục hồi và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp.

Song song với mục tiêu tăng trưởng kinh tế, Việt Nam tiếp tục thúc đẩy mô hình phát triển theo hướng xanh - bền vững - bao trùm, đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế, hoàn thiện thể chế, tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước. Đây là những nền tảng quan trọng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn.

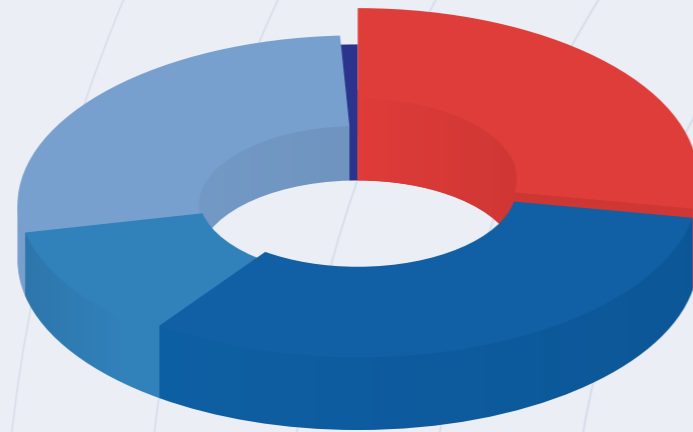


2. TÌNH HÌNH NGÀNH ĐIỆN NĂM 2025

CƠ CẤU NGUỒN ĐIỆN

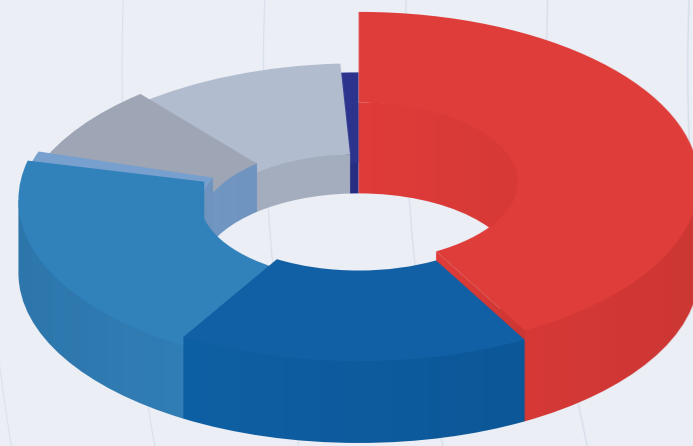
1 Theo loại hình nguồn điện

■ NĐ Than	32,1%
■ Thủy điện	28,1%
■ TBK + Dầu	11,7%
■ NLTT (ĐG+ĐMT)	27,9%
■ Nhập khẩu + Khác	0,2%



2 Theo chủ sở hữu

■ Nguồn IPP	42,4%
■ Công ty mẹ - EVN	16,3%
■ GENCOs	20,5%
■ TKV	1,9%
■ PVN	8,7%
■ BOT	10,1%
■ Nhập khẩu	0,1%



Đến cuối năm 2025
tổng công suất đặt nguồn điện
(đã có COD) toàn hệ thống đạt

~87.600 MW
tăng ~6.400 MW
so với năm 2024.

Công suất phụ tải cực đại
toàn hệ thống Pmax:

54.370 MW
tăng 11,1% so với năm 2024

Điện sản xuất
toàn hệ thống năm 2025:

322,8 tỷ kWh
tăng 4,6% so với năm 2024

Quy mô Hệ thống điện Việt Nam
đứng thứ 2 khu vực ASEAN
về công suất điện

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. CÔNG TÁC SẢN XUẤT ĐIỆN

Sản lượng điện sản xuất năm 2025 của EVNGENCO3 (bao gồm các đơn vị HTPT, công ty cổ phần) đạt 26,754 tỷ kWh, đạt 93,72% KH được ĐHĐCĐ thường niên thông qua; đạt 105,84% KH EVN/Bộ Công Thương giao, trong đó:

Các đơn vị HTPT:

23,220 tỷ kWh, đạt 91,5% KH ĐHĐCĐ (104,0% KH EVN)

Các CTCP:

3,534 tỷ kWh, đạt 111,4% KH ĐHĐCĐ (120,1% KH BCT)

Chi tiết sản lượng điện sản xuất của các đơn vị như sau:

Đơn vị: triệu kWh

Stt	Đơn vị	KH 2025	TH 2025	So sánh (%)	
				Cùng kỳ	KH năm
	EVNGENCO3	28.547	26.754	101,20	93,72
I.	Công ty mẹ	25.374	23.220	99,41	91,51
1	CTNĐ Phú Mỹ	7.703	7.610	108,49	98,79
2	CTNĐ Vĩnh Tân	8.070	6.897	92,64	85,46
2.1	NMĐ Vĩnh Tân 2	8.008	6.839	92,64	85,40
2.2	ĐMT Vĩnh Tân 2	62	58	93,36	92,91
3	CTNĐ Mông Dương	6.737	5.576	88,08	82,76
4	CTTĐ Buôn Kuốp	2.863	3.137	122,19	109,58
II.	Công ty cổ phần	3.173	3.534	114,74	111,38
1	CTCP NĐ Bà Rịa	85	14	18,53	16,13
2	CTCP NĐ Ninh Bình	340	88	18,29	25,97
3	CTCP TĐ Vĩnh Sơn-Sông Hình	1.945	2.406	139,96	123,70
4	CTCP TĐ Thác Bà	375	484	117,03	129,08
5	CTCP ĐT&PT Điện Sê San 3A	428	542	138,70	126,61

Ghi chú: Sản lượng điện kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

Sản lượng điện của các đơn vị HTPT năm 2025

TH 2024

KH 2025

TH 2025

Đơn vị tính: Triệu kWh



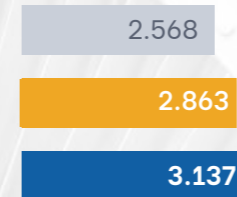
NHIỆT ĐIỆN KHÍ



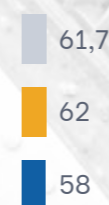
NHIỆT ĐIỆN THAN



THỦY ĐIỆN



ĐIỆN MẶT TRỜI



Nhận xét:

- » Năm 2025, các nhà máy của TCT đảm bảo vận hành ổn định, đáp ứng nhu cầu huy động của HTĐ (SLĐ đạt 105,8% KH EVN/Bộ Công Thương giao). Đặc biệt, với bối cảnh nguồn NLTT (điện mặt trời, điện gió) chiếm tỷ trọng cao như hiện nay, các tổ máy tuabin khí (Phú Mỹ) đã đáp ứng rất hiệu quả cho nhu cầu phụ tải trong giờ cao điểm khi nguồn NLTT giảm phát, cũng như đáp ứng tốt yêu cầu huy động phủ đỉnh phụ tải bằng khí LNG tái hóa (sản lượng điện vận hành LNG của các NMĐ Phú Mỹ năm 2025 ~245 triệu kWh).
- » Tuy nhiên, do tình hình thủy văn thuận lợi, HTĐ huy động cao nguồn thủy điện và huy động thấp nguồn nhiệt điện, dẫn đến SLĐ của Công ty mẹ - TCT (với nguồn nhiệt điện chiếm ~90% công suất đặt) đạt 91,51% KH ĐHĐCĐ giao.

2. ĐẢM BẢO NHIÊN LIỆU SẢN XUẤT ĐIỆN

2.1. NHIÊN LIỆU KHÍ

Khí nội địa:

Khả năng cấp khí ĐNB năm 2025 khoảng 2,6 tỷ m³, tương đương 6,0 – 8,5 triệu m³/ngày.

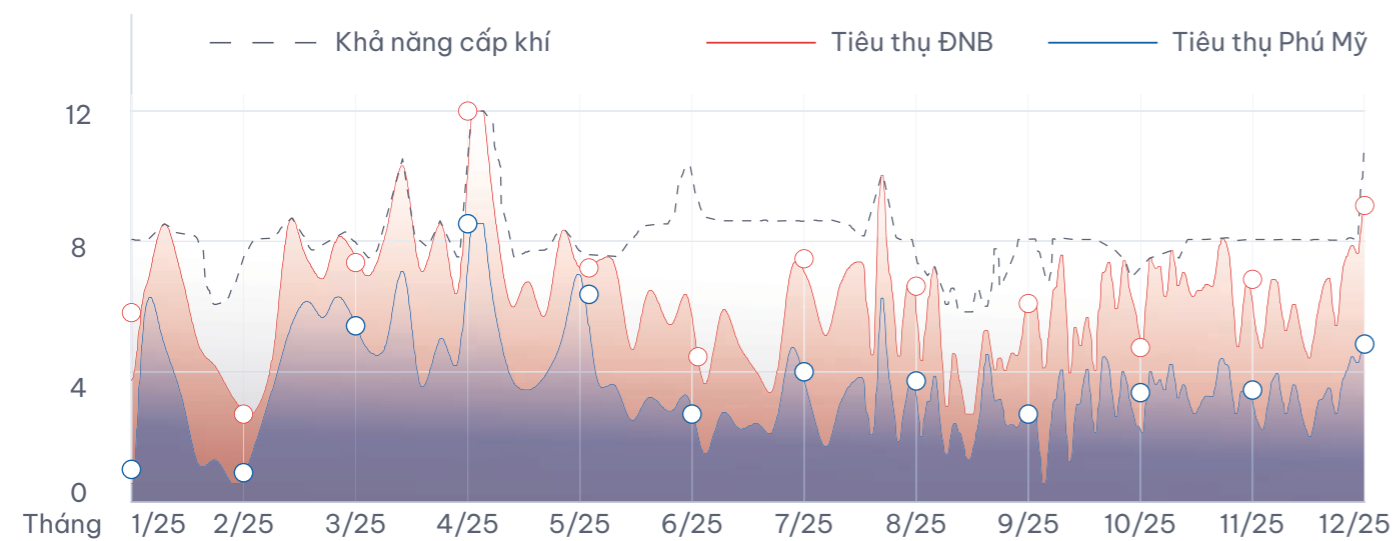
Các NMĐ khu vực ĐNB tiêu thụ trong năm 2025 khoảng 2,32 tỷ m³, trung bình ~6,35 triệu m³/ngày, các NMĐ Phú Mỹ/EVNGENCO3 tiêu thụ ~1,43 tỷ m³, trung bình ~3,9 triệu m³/ngày.

Khí LNG:

Hợp đồng mua khí LNG năm 2025 giữa ba Bên (EVN, EVNGENCO3 và PVGAS) là 04 tàu, khoảng 364 triệu m³.

Tổng lượng LNG tái hóa tiêu thụ trong năm 2025 của các NMĐ tại TTDL Phú Mỹ là ~ 275,5 triệu m³, trong đó: NMĐ Phú Mỹ 3: ~105,3 triệu m³, NMĐ Phú Mỹ 2.2: ~123,2 triệu m³, các NMĐ Phú Mỹ/EVNGENCO3: ~47 triệu m³.

Tình hình cung ứng, tiêu thụ khí năm 2025 (triệu m³/ngày)



Giá khí:

Giá khí bình quân năm 2025 là 8,327 USD/mmBTU, giảm 2,90% so với năm 2024.



2.2. NHIÊN LIỆU THAN

Năm 2025, TCT đảm bảo nhiên liệu than cho sản xuất điện, cụ thể như sau:

Đơn vị: nghìn tấn

Nhà máy	Tình hình giao nhận năm 2025			Tiêu Thụ	Tồn kho 31/12
	Kế hoạch	Thực hiện	TH/ KH		
Vĩnh Tân 2	3.320	3.513	103,2%	3.397	296,13
Mông Dương 1	3.450	2.750	99,87%	2.680	169,72
Ninh Bình	450	31,79	77,55%	66,21	28,20

Than tồn kho của NMĐ Vĩnh Tân 2 trong năm 2025 (tấn)



Than tồn kho của NMĐ Mông Dương 1 trong năm 2025 (tấn)



Nhận xét:

Trong năm 2025 các NMĐ than đảm bảo nhiên liệu cho sản xuất điện.

2.3. TÌNH HÌNH THỦY VĂN

Tình hình thủy văn trong năm tương đối thuận lợi đối với công tác sản xuất điện và vận hành các hồ chứa thủy điện thuộc Công ty Thủy điện Buôn Kuốp. Năm 2025, lưu lượng nước trung bình về hồ Buôn Tua Srah, Buôn Kuốp và Srêpốk 3 đều cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN; cụ thể như sau:

Hồ	Lưu lượng TB năm 2025 (m ³ /s)	So với 2024	So với 15 năm vận hành	So với TBNN
Buôn Tua Srah	124,4	134,4%	137,7%	129,2%
Buôn Kuốp	288,6	170,1%	162,7%	140,9%
Srêpốk 3	343,2	164,1%	147,2%	140,6%

3. CÔNG TÁC SỬA CHỮA

Công ty EPS phối hợp với các ĐVPD đảm bảo công tác sửa chữa thường xuyên, sửa chữa đột xuất cho các NMD. Năm 2025, các đơn vị HTPT trong EVNGENCO3 hoàn thành đảm bảo chất lượng, tiến độ 05 công trình SCL, rút ngắn 13 ngày so với kế hoạch.

Nhà máy	Hạng mục	Bắt đầu	Kết thúc	So KH
Phú Mỹ 1	Đại tu GT13	20/11/2024	06/01/2025	Vượt 04 ngày
	Trung tu ST14	12/12/2024	10/01/2025	Đạt tiến độ
	Đại tu GT12	03/11/2025	24/12/2025	Vượt 07 ngày
Buôn Kuốp	Đại tu H2	30/03/2025	26/04/2025	Vượt 02 ngày
Mông Dương 1	Đại tu S1	01/08/2025	29/09/2025	Đạt tiến độ

4. CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT

Năm 2025, TCT đã thực hiện tốt các chỉ tiêu KTKT, đạt 10/10 chỉ tiêu theo kế hoạch EVN giao, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025	TH 2025	Đánh giá	
1	Tỷ lệ điện tự dùng					
		Nhiệt điện khí	%	1,82	1,81	Đạt
		Nhiệt điện than	%	8,82	7,69	Đạt
	Thủy điện	%	0,64	0,54	Đạt	
2	Hệ số khả dụng					
		Thủy điện	%	95,15	96,10	Đạt
3	Hệ số đáp ứng					
		Nhiệt điện khí	%	95,90	99,38	Đạt
		Nhiệt điện than	%	94,91	97,66	Đạt

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025	TH 2025	Đánh giá	
4	Suất hao nhiệt					
		Nhiệt điện khí	BTU/kWh	7.407	7.105	Đạt
	Nhiệt điện than	kJ/kWh	10.308	10.114	Đạt	
5	Suất sự cố (bao gồm NMNĐ Bà Rịa và Ninh Bình)					
		Nhiệt điện khí		0,39	0,11	Đạt
		Nhiệt điện than		0,89	0,67	Đạt

Nhận xét:

Nhờ triển khai đồng bộ các đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành, đề án giảm sự cố, triển khai các giải pháp giảm suất hao nhiệt, nâng cao hệ số khả dụng của thủy điện, giảm tỷ lệ điện tự dùng nhiệt điện than và thủy điện, ... nên Tổng Công ty đã đạt được 10/10 chỉ tiêu EVN giao.

5. CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ

TCT đã hoàn thành công tác triển khai Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2023 - 2025 với kết quả đạt 27/33 nhiệm vụ, trong đó gồm 16/16 nhiệm vụ theo kế hoạch EVN giao và 11/17 nhiệm vụ chuyển đổi số nội bộ của EVNGENCO3.

Tổng Công ty đã ứng dụng mạnh mẽ các giải pháp chuyển đổi số trên các lĩnh vực như: Hệ thống Workflow, Hệ thống Văn phòng số, Hệ thống báo cáo quản trị thông minh - Tableau BI, Hệ thống Cảnh báo sớm và giám sát sửa chữa bảo dưỡng online - RMS, Nhà máy điện số thông minh - IDPP, v.v.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

1.1. BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

TT	Thành viên BDH	Chức danh	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)
1	Ông Lê Văn Danh	Tổng Giám đốc	12.600	0,001
2	Ông Trần Đình Ân	Phó Tổng Giám đốc	7.420	0,0006
3	Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc	16.170	0,001
4	Ông Võ Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	12.180	0,001
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc	10.080	0,001
6	Bà Vũ Phương Thảo	Kế toán trưởng	945	0,0001

1.2. NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2025, EVNGENCO3 đã bổ nhiệm lại bà Vũ Phương Thảo giữ chức vụ Kế toán trưởng từ ngày 15/08/2025 và bổ nhiệm lại Ông Lê Văn Danh giữ chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 15/01/2025.

2. TỔNG QUAN LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG NĂM 2025

EVNGENCO3 luôn đề cao sức mạnh của nguồn nhân lực, coi đó là yếu tố then chốt mang tính quyết định đối với sự phát triển bền vững của Tổng Công ty. Trong những năm qua, EVNGENCO3 không ngừng hoàn thiện mô hình quản trị, xây dựng và vun đắp văn hóa doanh nghiệp; tập trung đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo động lực cho nhân viên phát huy năng lực và gắn bó lâu dài với Tổng Công ty.

2.1. SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU NGUỒN NHÂN LỰC

Tại thời điểm 31/12/2025, số lao động cơ quan TCT và các đơn vị trực thuộc là **2.215 người**.

Cơ cấu nhân sự theo trình độ:

Cơ cấu lao động theo trình độ	Số lượng	Tỷ trọng (%)
Đại học trở lên	1.177	53,04
Cao đẳng, trung cấp, trung học	949	42,54
Sơ cấp, lao động phổ thông	89	4,42
Tổng cộng	2.215	100

Năng suất lao động đạt kế hoạch được giao:

STT	Chỉ tiêu năng suất lao động TCT	ĐVT	KH 2025	TH 2025
1	Điện sản xuất/ lao động	Tr.kWh/người	11,46	11,97
2	Số lao động/đơn vị công suất lắp đặt	Người/MW	0,34	0,33

2.2. CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

2.2.1. CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

Hiện nay, chế độ làm việc tại EVNGENCO3 là 8h/ngày. Ngoài ra EVNGENCO3 có chính sách làm việc linh hoạt. Mỗi tuần người lao động được nghỉ ít nhất 48h liên tục. Tất cả cán bộ, công nhân viên được hưởng chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo quy định của Luật Lao động.

Chế độ lương thưởng cho người lao động tương ứng với mức độ, tính chất công việc; đảm bảo trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể người lao động.

EVNGENCO3 đã ban hành các quy chế, quy định liên quan đến công tác lao động, tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng... vừa phù hợp các quy định của Nhà nước vừa mang đặc thù riêng của Tổng Công ty nhằm tạo động lực cho các CBCNV làm việc hiệu suất cao, tinh gắn kết lớn, cùng hướng đến những mục tiêu, giá trị mang tính bền vững của Tổng Công ty.

2.2.2. CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE VÀ PHÚC LỢI XÃ HỘI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Bên cạnh lương thưởng, EVNGENCO3 thực hiện nhiều chương trình phúc lợi cho CBCNV như: Khám sức khỏe định kỳ, Khám sức khỏe chuyên sâu cho CBCNV nữ, Khám bệnh nghề nghiệp, các chương trình bảo hiểm... mang lại sự chăm sóc toàn diện cho các CBCNV, tạo động lực cho CBCNV tiếp tục phấn đấu, tận tâm cống hiến và phát huy tối đa tiềm lực của bản thân.

EVNGENCO3 thường xuyên rà soát, điều chỉnh chính sách phúc lợi, tạo thêm nhiều ưu đãi thiết thực để đảm bảo an sinh cho toàn thể cán bộ nhân viên.

2.2.3. CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Tập trung phát triển nguồn nhân lực là một trong những ưu tiên hàng đầu của doanh nghiệp. Do đó, EVNGENCO3 luôn chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức cho đội ngũ CBCNV nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của thị trường, phù hợp với xu thế hội nhập và xu hướng chuyển dịch năng lượng trong bối cảnh mới như hiện nay.

Trên thực tế, EVNGENCO3 thường xuyên tổ chức các nội dung đào tạo gắn với nhiệm vụ SXKD, đào tạo cán bộ quản trị doanh nghiệp, quản lý chuyên nghiệp, hiện đại, đảm bảo hằng năm, lực lượng cán bộ quản lý luôn được tham gia các khóa đào tạo nâng cao về chuyên môn và kỹ năng quản trị. EVNGENCO3 luôn chú trọng triển khai chương trình đào tạo chuyên gia nhằm từng bước thay thế chuyên gia nước ngoài trong các công trình sửa chữa lớn và tiến đến làm chủ hoàn toàn công nghệ sửa chữa các tổ máy. Do đó đội ngũ cán bộ quản lý kỹ thuật, công nhân giỏi chuyên môn nghiệp vụ, có tay nghề cao của EVNGENCO3 đã dần thay thế các chuyên gia nước ngoài trong các kỳ sửa chữa lớn và nay đã trở thành đối tác tin tưởng để chia sẻ kinh nghiệm, cung cấp dịch vụ vận hành sửa chữa nhà máy điện cho các đơn vị.

Trong năm 2025, EVNGENCO3 đã thực hiện đào tạo với hơn 13.321 lượt tham gia. Trong đó có các khóa đào tạo chuyên sâu nước ngoài tập trung nâng cao kiến thức về công nghệ RLA, hệ thống AVR, sửa chữa NMD...

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐTXD NĂM 2025

1.1. DỰ ÁN MỞ RỘNG MÁI KHO THAN NMNĐ VĨNH TÂN 2 (GIAI ĐOẠN 2)

Hoàn thành đưa vào sử dụng và phê duyệt quyết toán vốn hoàn thành dự án Mở rộng mái kho than NMNĐ Vĩnh Tân 2 - Giai đoạn 2 trong năm 2025.

1.2. DỰ ÁN NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH

Ngày 09/07/2024, EVN đã trình BCT thẩm tra, phê duyệt quyết toán giai đoạn 1 với giá trị 24.307 tỷ đồng. TCT/Ban ATB triển khai thực hiện công việc còn lại theo Kết luận của KTNN và nội dung theo chỉ đạo của EVN.

Năm 2025, Tiếp tục đôn đốc Bộ Công Thương phê duyệt quyết toán vốn giai đoạn 1 và thực hiện hồ sơ quyết toán giai đoạn 2 dự án NMNĐ Thái Bình.

1.3. DỰ ÁN NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN 4 VÀ VĨNH TÂN 4 MR

Đã hoàn thành công tác kiểm toán vốn đầu tư Dự án Vĩnh Tân 4 Mở rộng; hoàn thành xử lý tồn tại tài chính và đang triển khai hồ sơ quyết toán vốn các dự án NMNĐ Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 MR theo tiến độ.

1.4. DỰ ÁN CẢNG NHẬP THAN TTĐL VĨNH TÂN

Hiện UBND tỉnh Lâm Đồng đang xem xét phương án điều chỉnh quy hoạch Hòn Cau và giao khu vực biển trên cơ sở đề xuất của TCT tại văn bản số 2489/BC-GENCO3 ngày 31/7/2025 và Sở NN&MT tại văn bản số 2607/SNNMT-CCTS&BD ngày 10/9/2025 để tiếp tục thi công.

1.5. TRỤ SỞ VĂN PHÒNG EVNGENCO3

Ngày 21/4/2025 đã diễn ra Lễ khởi công công trình Trụ sở Văn phòng EVNGENCO3 tại số 164 Trần Nãi, P. An Khánh, TP.HCM. Công trình đang được thi công, phần đầu đưa vào hoạt động trong đầu năm 2027.

1.6. ĐIỆN MẶT TRỜI CẤP TỰ DÙNG TẠI CÁC ĐƠN VỊ

Hoàn thành thi công và đưa vào sử dụng các công trình ĐMT cấp tự dùng tại CTNĐ Phú Mỹ, Vĩnh Tân, Công ty EPS với tổng công suất ~13,27 MWp.

Tiếp tục triển khai lắp đặt các công trình ĐMT cấp tự dùng tại CTNĐ Phú Mỹ, Vĩnh Tân, với tổng công suất ~11,26 MWp.

2. GIÁ TRỊ THỰC HIỆN VÀ TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN NĂM 2025

Tổng giá trị ĐTXD thực hiện năm 2025 đạt 97,21% so với KH, trong đó các dự án TCT làm chủ đầu tư đạt 97,66% so với KH, cụ thể:

ĐVT: tỷ đồng

TT	Hạng mục	KH 2025	Thực hiện		Giải ngân	
			Giá trị	% KH	Giá trị	% KH
	TỔNG ĐẦU TƯ	5.633,61	5.629,03	99,92	5.476,23	97,21
I	EVN là CĐT	31,56	187,57	594,29	5,27	16,71
II	GENCO3 là CĐT	5.602,05	5.441,46	97,13	5.470,95	97,66
1	Trả gốc vay	5.318,98	5.325,76	100,13	5.325,76	100,13
2	Đầu tư thuần	283,07	115,70	40,87	145,19	51,29
2.1	Nguồn điện mới	60,00	11,90	19,83	5,44	9,06
2.2	Công trình phục vụ SXKD	223,07	103,80	46,53	139,76	62,65

3. CÁC DỰ ÁN XÚC TIẾN ĐẦU TƯ

3.1. DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN LINH HOẠT NINH BÌNH

Ngày 28/12/2024, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt bổ sung dự án NMĐ linh hoạt Ninh Bình quy mô 300 MW vào Kế hoạch thực hiện QHĐ VIII (lần 2) tại Quyết định số 1682/QĐ-TTg phê duyệt bổ sung, cập nhật Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngày 20/12/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình có Quyết định số 1929/QĐ-UBND về việc Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Nhà máy điện linh hoạt Ninh Bình.

Hiện nay, tỉnh Ninh Bình đang triển khai thủ tục mời quan tâm để lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án. Tổng Công ty đang chuẩn bị hồ sơ đăng ký thực hiện dự án để được giao nhà đầu tư.



3.3. DỰ ÁN THỦY ĐIỆN SRÉPỐC 3 VÀ BUÔN KUỐP MỞ RỘNG

Các dự án đã được Thủ tướng phê duyệt trong Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 768/QĐ-TTg và Bộ Công Thương phê duyệt trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 điều chỉnh tại Quyết định số 1509/QĐ-BCT.

Dự án đang triển khai công tác phê duyệt chủ trương đầu tư.



3.2. DỰ ÁN ĐMT NỔI TRÊN HỒ THỦY ĐIỆN SRÉPỐC 3 VÀ BUÔN KUỐP

Các dự án đã được Thủ tướng phê duyệt trong Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 768/QĐ-TTg và Bộ Công Thương phê duyệt trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 điều chỉnh tại Quyết định số 1509/QĐ-BCT.

Địa phương đang triển khai công tác phê duyệt chủ trương đầu tư và lựa chọn Chủ đầu tư dự án.



3.4. DỰ ÁN NMĐ LNG LONG SƠN

Dự án đã được Thủ tướng phê duyệt trong Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 768/QĐ-TTg và Bộ Công Thương phê duyệt trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 điều chỉnh tại Quyết định số 1509/QĐ-BCT.

Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh có Quyết định số 1702/QĐ-UBND về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Nhà máy điện LNG Long Sơn và đang triển khai lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án.

TCT phối hợp Tổ hợp nhà đầu tư triển khai chuẩn bị hồ sơ đăng ký thực hiện dự án để được giao nhà đầu tư.

4. BÁO CÁO TÓM TẮT VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT - KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÁC CÔNG TY CON, LIÊN KẾT, ĐẦU TƯ GÓP VỐN

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 của các công ty con, liên kết và đầu tư góp vốn như sau:

Đơn vị	ĐVT	KH 2025	TH 2025	TH/KH (%)
Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa				
Sản lượng điện	Tr. kWh	85,00	13,71	16,13
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	442,82	311,93	70,44
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	31,50	42,57	135,16
ROE	%		3,98	
Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình				
Sản lượng điện	Tr. kWh	340,00	88,23	25,95
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	866,72	359,66	41,50
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,47	5,51	223,01
ROE	%		2,39	
Công ty CP TD Vĩnh Sơn - Sông Hình				
Sản lượng điện	Tr. kWh	1.944,67	2.405,61	123,70
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.865,24	2.349,31	125,95
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	541,16	862,61	159,40
ROE	%		17,91	
Công ty CP TD Thác Bà				
Sản lượng điện	Tr. kWh	375,00	484,03	129,08
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	500,66	578,91	115,63
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	198,45	182,78	128,73
ROE	%		16,87	

Đơn vị	ĐVT	KH 2025	TH 2025	TH/KH (%)
Công ty CP ĐT&PT điện Sê San 3A				
Sản lượng điện	Tr. kWh	428,40	542,40	126,61
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	359,93	459,83	127,76
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	109,19	168,14	153,98
ROE	%		30,90	
Công ty CP DL Dầu khí Nhơn Trạch 2				
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8.212,00	8.132,85	99,04
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	279,00	1.130,28	405,12
ROE	%		24,98	
Công ty CP Điện Việt Lào				
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.788,03	5.549,67	146,51
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.316,72	2.695,91	204,74
ROE	%		33,07	
Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE-PMTP				
Tổng doanh thu	Tỷ đồng		334,35	
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng		43,19	
ROE	%		7,92	



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả SXKD hợp nhất năm 2025 của TCT như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025	TH 2025
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	44.162	44.130
2	Tổng chi phí	tỷ đồng	43.516	40.397
3	Lợi nhuận trước thuế (không bao gồm CLTG đánh giá lại)	tỷ đồng	646	5.088
4	Lợi nhuận sau thuế (không bao gồm CLTG đánh giá lại)	tỷ đồng	546	4.523

Ghi chú: Số liệu kế hoạch năm 2025 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Công ty mẹ và công ty con, chỉ tiêu lợi nhuận không bao gồm CLTG đánh giá lại.

Nhận xét:

Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2025 (không bao gồm lỗ CLTG đánh giá lại) đạt 4.523 tỷ đồng, cao hơn so với KH chủ yếu là do năm 2025 Tổng Công ty ghi nhận doanh thu chênh lệch tỷ giá với số tiền 1.530 tỷ đồng.

Trong năm 2025 đã thực hiện tái cấu trúc khoản vay KEXIM dự án NMDM Đông Dương 1 (40,75 triệu USD) bằng vốn vay thương mại trong nước, góp phần tiết giảm chi phí tài chính.

2. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	TH 2025	TH 2024	Tăng giảm (+/-)
1	Khả năng thanh khoản				
	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,45	1,22	0,23
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,29	1,04	0,25
2	Cơ cấu tài sản				
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	37,89	30,44	7,45
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	62,11	69,56	(7,45)
3	Cơ cấu nguồn vốn				
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	67,47	73,64	(6,17)
	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	32,53	26,36	6,17
	Hệ số Nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu	Lần	2,07	2,79	(0,72)
4	Năng lực hoạt động				
	Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,79	0,71	0,08
	Vòng quay tài sản cố định	Lần	1,40	1,16	0,24
5	Khả năng sinh lời				
	Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1	1	
	Tỷ suất sinh lời của Tổng tài sản (ROA)	%	6,77		
	Tỷ suất sinh lời Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	22,99		

NHẬN XÉT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2025

Về khả năng thanh toán: Năm 2025, hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn của EVNGENCO3 là 1,45 lần, hệ số khả năng thanh toán nhanh là 1,29 lần, tăng so với năm 2024. Các năm vừa qua, EVNGENCO3 luôn duy trì các hệ số tỷ suất thanh toán ngắn hạn và tỷ suất thanh toán nhanh đều > 1 cho thấy khả năng đảm bảo thanh toán các khoản nợ đến hạn của EVNGENCO3.

Về cơ cấu vốn: EVNGENCO3 hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện, đặc thù tài chính của các nhà máy điện là cơ cấu nợ tương đối cao. Năm 2025, nợ phải trả chiếm 67,47% trên tổng nguồn vốn của Tổng Công ty, giảm 6,17% so với năm 2024. EVNGENCO3 có nguồn thu ổn định từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện, Tổng Công ty xây dựng lộ trình trả nợ dài hạn đều đặn, nợ vay giảm dần qua các năm. Cấu trúc vốn của EVNGENCO3 đang dần trở nên lành mạnh hơn, đòn bẩy tài chính giảm dần qua các năm. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm từ 2,79 lần (31/12/2024) xuống còn 2,07 lần (31/12/2025), đảm bảo an toàn tài chính.

Về năng lực hoạt động: Hệ số vòng quay tổng tài sản và vòng quay tài sản cố định tăng tương ứng 0,08 lần và 0,24 lần so với năm 2024 cho thấy hiệu quả của việc sử dụng tài sản ngày càng tăng. Với đặc thù hoạt động kinh doanh có sử dụng tài sản cố định lớn, EVNGENCO3 luôn chú trọng đến việc quản trị chi phí hoạt động nhằm tăng hiệu quả hoạt động của tài sản. Đồng thời, các hoạt động bảo dưỡng sửa chữa tài sản cố định luôn được EVNGENCO3 chú trọng trong những năm qua.

Kết luận: Nhìn chung, EVNGENCO3 đã ghi nhận một năm 2025 đảm bảo sản xuất điện ổn định. Ngoài việc cải thiện đáng kể hệ số nợ, EVNGENCO3 còn duy trì được khả năng sinh lời cho đến hiệu quả sử dụng tài sản - nguồn vốn của chủ sở hữu.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành	1.123.468.046
Loại cổ phần đang lưu hành	Phổ thông
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	1.123.399.813
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	68.233

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2025

STT	Tiêu chí	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
1. Tỷ lệ sở hữu				
	Cổ đông lớn	1.114.422.994	99,19	1
	Cổ đông nhỏ	9.045.052	0,81	2.019
2. Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân				
	Cổ đông tổ chức	1.114.589.585	99,21	17
	Cổ đông cá nhân	8.878.461	0,79	2.003
3. Cổ đông trong nước và nước ngoài				
	Cổ đông trong nước	1.123.256.245	99,98	1.979
	Cổ đông nước ngoài	211.801	0,02	41
4. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa			50	

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu
- Trong năm 2025, Tổng Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ

Các chứng khoán khác: Không có.

Công tác quyết toán cổ phần hóa: Ngày 18/02/2025, đã ký biên bản bàn giao, doanh nghiệp CPH sang công ty cổ phần, hoàn thành đầy đủ các bước trong quá trình chuyển đổi sang công ty cổ phần.





CHƯƠNG 4

**BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA
TỔNG CÔNG TY**

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

78

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động
của Tổng Công ty

87

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHUNG

Trong năm 2025, các nhà máy của TCT vận hành ổn định, đáp ứng nhu cầu huy động của HTĐ.

Kết quả sản xuất – kinh doanh ghi nhận **lợi nhuận đạt và vượt kế hoạch được giao**, phản ánh hiệu quả trong công tác quản trị chi phí, tối ưu vận hành. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu tiếp tục được cải thiện, góp phần củng cố nền tảng tài chính và nâng cao giá trị doanh nghiệp.

Năm 2025, TCT đã cơ bản hoàn thành tốt các nhiệm vụ kế hoạch được giao, cụ thể như sau:

1.1. CÔNG TÁC SẢN XUẤT ĐIỆN

Sản lượng điện sản xuất của toàn Tổng Công ty năm 2025 đạt 26,754 tỷ kWh, tương đương 93,72% kế hoạch ĐHĐCĐ và đạt 105,84% kế hoạch EVN/Bộ Công thương giao.

Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật đạt: 10/10 chỉ tiêu EVN giao, đặc biệt TCT đạt chỉ tiêu hệ số đáp ứng nhiệt điện than nhờ xử lý triệt để sự cố lủng ống lò tại nhà máy nhiệt điện Mông Dương.

1.2. CÔNG TÁC SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Công tác sửa chữa bảo dưỡng đã hoàn thành an toàn, đạt chất lượng, đúng tiến độ, góp phần đảm bảo công tác sản xuất điện. Trong năm, EVNGENCO3 đã thực hiện 05 công trình sửa chữa lớn, tổng thời gian vượt tiến độ 13 ngày.

Từ ngày 04/02/2025, TCT tiếp nhận quản lý vận hành và bảo dưỡng sửa chữa NMNĐ Phú Mỹ 2.2 theo Hợp đồng Dịch vụ quản lý vận hành và bảo dưỡng sửa chữa (O&M) với EVN.

EVNGENCO3 cũng đẩy mạnh phát triển thị trường cung ứng dịch vụ SCBD với doanh thu đạt 129,5 tỷ đồng (không bao gồm các hợp đồng với EVN), lợi nhuận cao hơn kế hoạch 6%.

Bên cạnh đó, các dịch vụ EPC và DPPA được Tổng Công ty tập trung triển khai, từng bước mở rộng chuỗi giá trị trong lĩnh vực năng lượng.

- Dịch vụ EPC: Trong năm 2025, EVNGENCO3 đã tham gia liên danh và ký kết hợp đồng dự án Thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình chuyển đổi nhiên liệu Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn I sang sử dụng khí Lô B, khẳng định năng lực kỹ thuật và kinh nghiệm triển khai dự án quy mô lớn.
- Dịch vụ DPPA: Tổng Công ty đã ký kết Hợp đồng mua bán điện trực tiếp với Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE-PMTP (điện mặt trời mái nhà), đồng thời ký 01 hợp đồng tư vấn dịch vụ DPPA.

1.3. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

EVNGENCO3 tiếp tục đẩy mạnh công tác đầu tư xây dựng, đặc biệt tập trung mạnh mẽ cho công tác đầu tư các dự án nguồn điện mới. Giai đoạn 2025 - 2035, các dự án của EVNGENCO3 nghiên cứu đề xuất được phê duyệt trong Quy hoạch điện VIII và Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, tổng công suất khoảng 6.327 MW.

Tổng giá trị đầu tư thuần và trả gốc vay của Tổng Công ty trong năm 2025 là 5.471 tỷ đồng đạt 97,66% kế hoạch.

1.4. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH

EVNGENCO3 không ngừng nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo việc huy động, quản lý, sử dụng vốn an toàn, hiệu quả, linh hoạt và đúng mục đích; thường xuyên giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn của Tổng Công ty. Trong năm 2025, TCT đã thực hiện tái cấu trúc phần còn lại khoản vay KEXIM dự án NMĐ Mông Dương 1 (40,7 triệu USD) bằng vốn vay thương mại trong nước, góp phần tiết giảm chi phí tài chính.

1.5. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Công tác quản trị doanh nghiệp của EVNGENCO3 ngày càng chuẩn mực, hiện đại. Năm 2025, EVNGENCO3 đã hoàn tất công tác sắp xếp, tổ chức bộ của TCT và các đơn vị thành viên; Sắp xếp nâng cao năng lực các Ban QLDA: thành lập Ban QLDA EVNGENCO3 và chấm dứt hoạt động Ban QLDA Nhiệt điện 1; Thành lập các Trung tâm dịch vụ: vận hành, năng lượng, CNTT.

Giải thưởng Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất nhóm ngành phi tài chính năm 2025 là sự ghi nhận những nỗ lực của TCT trong việc áp dụng các chuẩn mực tiên tiến về quản trị doanh nghiệp, công khai minh bạch trong hoạt động kinh doanh theo những thông lệ quốc tế tốt nhất tại Việt Nam.



1.6. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ XÂY DỰNG VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Với triết lý “**Lấy con người là trọng tâm**” EVNGENCO3 chú trọng công tác xây dựng và đào tạo nhân sự, nỗ lực mang lại sự chăm sóc toàn diện, tạo điều kiện cho CBCNV yên tâm phấn đấu, toàn tâm toàn lực gắn bó, từ đó hình thành đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao, phẩm chất tốt, là gốc rễ cho mọi sự phát triển TCT.

EVNGENCO3 tăng cường phát triển và nâng cao hiệu quả thực thi văn hóa doanh nghiệp, kiến tạo những giá trị mới để ngày càng phát triển nâng tầm thương hiệu trong tương lai.

1.7. ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

EVNGENCO3 tập trung thực hiện kế hoạch chuyển đổi số trên các lĩnh vực quản trị, quản lý kỹ thuật, đầu tư xây dựng, quản lý dự án, công nghệ thông tin và viễn thông, tiêu biểu như xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống E-Office phiên bản mới, tích hợp chatbot AI, thành lập Trung tâm giám sát, chẩn đoán, hỗ trợ bảo dưỡng sửa chữa online (RMS), v.v.

TCT đã hoàn thành công tác triển khai Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2023-2025 với kết quả đạt 27/33 nhiệm vụ, trong đó có 16/16 nhiệm vụ theo kế hoạch EVN giao và 11/17 nhiệm vụ chuyển đổi số nội bộ của TCT.

1.8. HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

Năm 2025, TCT tiếp tục thúc đẩy các hoạt động hợp tác với các nhóm đối tác quốc tế tìm kiếm cơ hội hợp tác phát triển trong các mặt hoạt động của TCT:

- Tăng cường hợp tác với các cơ quan đại diện ngoại giao, thương mại các nước tại Việt Nam như: Lãnh sự quán Hòa Kỳ tại Tp.HCM, Đại sứ quán Australia, Đại sứ quán Phần Lan.
- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm và tìm hiểu về công nghệ, kỹ thuật, luật pháp tại Tập đoàn Điện lực trong khu vực và tại chương trình quốc tế như: gặp gỡ Đoàn doanh nghiệp Hàn Quốc làm việc tại Việt Nam, Hội nghị Triển lãm kỹ thuật quốc tế (BIXPO) tại Hàn Quốc, Triển lãm GASTECH 2025 tại Italia, làm việc với các chủ mỏ than tại Australia...

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

2.1. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tổng doanh thu hợp nhất năm 2025 của EVNGENCO3 đạt 44.130 tỷ đồng, tăng 7,22% so với cùng kỳ năm 2024.

Lợi nhuận sau thuế (không bao gồm CLTG đánh giá lại) đạt 4.523 tỷ đồng.

2.2. TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tại thời điểm 31/12/2025, quy mô tài sản của EVNGENCO3 đạt 55.032 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 20.852 tỷ đồng, tài sản dài hạn là 34.180 tỷ đồng, chiếm 62,11% trong tổng tài sản, trong đó, chủ yếu là tài sản cố định với giá trị còn lại là 29.297 tỷ đồng, do EVNGENCO3 là Công ty sản xuất điện, nên TSCĐ chiếm tỷ trọng lớn.

2.3. TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả tại 31/12/2025 là 37.128 tỷ đồng gồm: nợ ngắn hạn là 14.370 tỷ đồng, nợ dài hạn là 22.759 tỷ đồng, chiếm 61,3% trong cơ cấu nợ phải trả. Trong đó, riêng nợ vay là 27.379 tỷ đồng, giảm 4.516 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Liên tục trong các năm vừa qua, EVNGENCO3 nỗ lực giảm các khoản nợ vay, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tại 31/12/2025 là 2,07 lần (< 3 lần so với quy định).

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2025, EVNGENCO3 đã hoàn tất quá trình cổ phần hóa, thành lập các trung tâm dịch vụ trên cơ sở phát huy nguồn nhân lực và thế mạnh sẵn có, đảm bảo nguyên tắc tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của TCT.

TCT ban hành lại Thỏa ước lao động tập thể trong đó bổ sung thêm 03 điểm có lợi cho NLD, tích cực xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, thân thiện và đảm bảo chế độ, quyền lợi xứng đáng cho CBCNV.



4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN 2026

4.1. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

4.1.1. TÌNH HÌNH NĂM 2026

Năm 2026 có ý nghĩa quan trọng, là năm đầu tiên triển khai Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội giai đoạn 2026 - 2030, bước vào kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc với mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số. Đối với EVNGENCO3, đây cũng là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch SXKD - ĐTP 5 năm với nhiệm vụ trọng tâm là góp phần đảm bảo cung ứng điện phục vụ phát triển Kinh tế - Xã hội của đất nước. Các thuận lợi và khó khăn chủ yếu như sau:

Dự kiến
tăng trưởng
phụ tải
trên **8,5%**

Thuận lợi:

- Dự kiến tăng trưởng phụ tải cao (từ 8,5% trở lên), các NMD được huy động ở mức cao.
- Nhiên liệu (than, khí, dầu) cho sản xuất điện của các NMD thuộc EVNGENCO3 được bảo đảm, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu huy động.
- Các tổ máy nhiệt điện không có kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng vào mùa khô, sẵn sàng vận hành theo huy động của Hệ thống điện.

Khó khăn:

- Các NMD BOT và nguồn năng lượng tái tạo được ưu tiên huy động, cạnh tranh phát điện với các nguồn điện truyền thống như nhiệt điện than, tuabin khí (nguồn nhiệt điện chiếm ~90% công suất đặt của Công ty mẹ - EVNGENCO3).
- Tình hình địa chính trị thế giới diễn biến phức tạp, đặc biệt xung đột khu vực Trung Đông làm gia tăng rủi ro nguồn cung năng lượng, kéo theo giá nhiên liệu đầu vào cho các nhà máy điện khí, LNG, than... duy trì ở mức cao, ảnh hưởng đến kết quả SXKD của TCT.

4.1.2. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT ĐIỆN

SLĐ kế hoạch năm 2026 của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở Quyết định số 3477/QĐ-BCT ngày 28/11/2025 của Bộ Công Thương phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2026 và tình hình thực tế của EVNGENCO3, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu kWh

TT	Đơn vị	KH 2026	TT	Đơn vị	KH 2026
	EVNGENCO3	30.662	II	Công ty cổ phần	2.998
I	Các đơn vị HTPT	27.664	1	CTCP Nhiệt điện Bà Rịa	85
1	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	10.016	2	CTCP Nhiệt điện Ninh Bình	136
2	Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	2.772	3	CTCP Thủy điện Thác Bà	400
3	NMD Vĩnh Tân 2	7.686	4	CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	1.949
4	Công ty Nhiệt điện Mông Dương	7.130	5	CTCP ĐT & PT Điện Sê San 3A	428
5	ĐMT Vĩnh Tân 2	60			

4.2. CÔNG TÁC QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Tăng cường kỹ cương, kỷ luật trong lực lượng vận hành, sửa chữa và quản lý kỹ thuật, không để xảy ra sự cố chủ quan, sự cố lặp lại.

Triển khai đề án thực hiện chỉ tiêu quản lý kỹ thuật nguồn điện giai đoạn 2026 – 2030 của các Đơn vị trong TCT.

Tiếp tục triển khai các giải pháp giảm suất hao nhiệt, mục tiêu giảm suất hao nhiệt của NMNĐ Vĩnh Tân 2 và Mông Dương 1 về giá trị PPA trong năm 2026 và giảm thấp hơn giá trị theo PPA vào các năm tiếp theo.

Thực hiện chương trình phục hồi công suất, hiệu suất các tuabin hơi, lò thu hồi nhiệt của CTNĐ Phú Mỹ.

Triển khai chương trình sửa chữa theo hướng Non-OEM, đẩy mạnh gia công phục hồi nhằm giảm chi phí và sự phụ thuộc vào nhà chế tạo chính hãng, tạo ưu thế cạnh tranh với các nhà máy điện khác.

Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống tài liệu phục vụ cho công tác QLKT: Quy trình (chức năng nhiệm vụ vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, xử lý sự cố thiết bị), quy chế, quy định, tài liệu hướng dẫn kỹ thuật,...

4.3. CÔNG TÁC SỬ CHỮA BẢO DƯỠNG

Đẩy mạnh công tác SCBD theo tình trạng thiết bị, SCBD tập trung nâng cao độ tin cậy (RCM).

Năm 2026, các đơn vị HTPT trong EVNGENCO3 dự kiến thực hiện 08 công trình SCL và một số công trình sửa chữa phụ trợ.

4.4. CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

Điều hành và kiểm soát tốt công tác chào giá, phối hợp với công tác vận hành, sửa chữa để tham gia thị trường điện đạt hiệu quả.

Ký kết Hợp đồng mua bán điện NMNĐ Phú Mỹ 2.1 & 2.1 MR với giá điện áp dụng từ năm 2026; Hợp đồng cung cấp DVPT năm 2026 của các NMNĐ Bà Rịa, Ninh Bình.

Xây dựng và đàm phán Phương án giá điện NMNĐ Phú Mỹ 1 sau khi hết đời sống kinh tế (áp dụng từ 01/01/2027).

Rà soát, ký kết các Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng mua bán điện của các NMD phù hợp với quy định TTD hiện hành.

Làm việc với các Đơn vị phát điện NLTT, Khách hàng sử dụng điện lớn về việc tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp.

Rà soát các bất cập, vướng mắc trong quy định TTD hiện tại để đề xuất, tham gia góp ý sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền.

4.5. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

4.5.1. CÁC DỰ ÁN ĐANG THỰC HIỆN

Tập trung quản lý điều hành, giám sát chặt chẽ việc thi công của các nhà thầu; kịp thời nghiên cứu đề xuất với cấp có thẩm quyền giải quyết, tháo gỡ khó khăn vướng mắc để đảm bảo tiến độ, khối lượng, chất lượng và thanh quyết toán các dự án đúng thời hạn quy định, cụ thể:

- Dự án xây dựng trụ sở TCT tại TP. HCM: Phấn đấu hoàn thành xây dựng quý IV/2026.
- Dự án Mở rộng mái che kho than NMNĐ Vĩnh Tân 2 (giai đoạn 3): Hoàn thành thi công xây dựng đưa vào sử dụng trong năm 2026.
- Dự án Cảng nhập than TTĐL Vĩnh Tân: Bám sát đơn đốc tỉnh Lâm Đồng sớm phê duyệt điều chỉnh quy hoạch Hòn Cau và giao khu vực mặt biển để triển khai công tác thi công xây dựng đáp ứng tàu 100.000 DWT.
- Hoàn thành quyết toán vốn hoàn thành toàn bộ dự án đối với các dự án NMNĐ Thái Bình, Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 mở rộng của EVN.

4.5.2. CÁC DỰ ÁN XÚC TIẾN ĐẦU TƯ

Chủ động triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư các dự án. Tiếp tục thúc đẩy triển khai công tác nghiên cứu tìm kiếm cơ hội hợp tác phát triển dự án, tham gia góp vốn và thực hiện đầu tư các dự án nguồn điện mới theo Quy hoạch điện lực quốc gia, với kế hoạch năm 2026, cụ thể như sau:

- Dự án ĐMT nổi trên hồ thủy điện Buôn Kuốp và Srêpôk 3: Bám sát, đơn đốc, phối hợp UBND tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng phê duyệt chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư và khởi công dự án năm 2026.
- Dự án Thủy điện Srêpôk 3 mở rộng và Buôn Kuốp mở rộng: Bám sát, đơn đốc, phối hợp UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư và khởi công dự án năm 2026.
- Dự án NMNĐ linh hoạt Ninh Bình: Triển khai thủ tục làm chủ đầu tư dự án; phê duyệt BCNCKT và khởi công trong năm 2026.
- Dự án NMD LNG Long Sơn: TCT phối hợp Tổ hợp nhà đầu tư triển khai chuẩn bị hồ sơ đăng ký thực hiện dự án để được giao Nhà đầu tư.

4.6. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên, nhiên liệu đầu vào, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn năng lượng, tài nguyên nước.

Đảm bảo vận hành tin cậy, ổn định các công trình xử lý môi trường, thiết bị quan trắc, giám sát môi trường tự động, liên tục và truyền số liệu của các NMND về Sở NN&MT địa phương.

Tăng cường kiểm tra, giám sát các nguồn thải thông qua hệ thống quan trắc, giám sát tự động, liên tục và định kỳ, thực hiện báo cáo đầy đủ theo quy định; tổ chức phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định.

Thực hiện biện pháp giảm nhẹ phát thải KNK theo kế hoạch đã được phê duyệt; đảm bảo đủ điều kiện để tham gia thị trường carbon, trao đổi hạn ngạch phát thải KNK và tín chỉ carbon trên sàn giao dịch.

Lập, phê duyệt dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý bụi, khí thải cho NMND Vĩnh Tân 2 và NMND Mông Dương 1 đáp ứng yêu cầu phát thải theo đúng lộ trình quy định tại Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2024/BTNMT từ ngày 01/01/2032.

4.7. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Xây dựng và triển khai kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2026 - 2030 theo phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để đảm bảo nguồn lực cho nhu cầu đầu tư phát triển.

Đẩy mạnh công tác đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực, hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút và giữ chân nhân lực chất lượng cao, bảo đảm TCT có đội ngũ đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

Tích cực thực hiện công tác ASXH tại địa phương nơi có đơn vị của TCT đang hoạt động, đặc biệt triển khai các chương trình ý nghĩa, kịp thời, thiết thực hỗ trợ người dân các tỉnh bị thiên tai.

Tăng cường truyền thông trên các phương tiện truyền thông đại chúng, truyền thông nội bộ, đẩy mạnh thực hiện đăng tin bài về hoạt động của TCT trên mạng xã hội, các trang thông tin điện tử, MXH của EVN.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Tăng cường thực thi văn hóa doanh nghiệp, đẩy mạnh công tác thi đua khen thưởng, phát động các phong trào thi đua với các chỉ tiêu cụ thể, thiết thực, đảm bảo hoàn thành tốt công tác SXKD năm 2026; Tổ chức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích cao để lan tỏa và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến trong TCT.



4.8. ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Tiếp tục nghiên cứu, lập chương trình triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 và nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo theo chỉ đạo của EVN.

Nghiên cứu và ứng dụng hiệu quả các giải pháp công nghệ số như: AI, Big Data, nhà máy điện số thông minh...

Nghiên cứu, triển khai nâng cấp hệ thống ERP của TCT, xây dựng Kho dữ liệu dùng chung TCT, trung tâm điều hành tập trung các NMĐ (OCC)...

Đẩy mạnh phát triển mô phỏng, hiệu chỉnh CFD để tối ưu quá trình cháy, nâng cao hiệu suất lò hơi cho NMĐ than; khai thác hiệu quả trung tâm M&D để giám sát từ xa, chẩn đoán sớm các sự kiện bất thường; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ đánh giá tuổi thọ thiết bị cho các NMĐ (RLA/FEA).

4.9 KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - GIÁ THÀNH

Đảm bảo đủ vốn đáp ứng cho sản xuất kinh doanh và nhu cầu đầu tư của EVNGENCO3 năm 2026.

Thực hiện công tác thị trường điện đúng quy định, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.



5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN: Không có**6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY****6.1. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG**

Bảng thông số các chỉ tiêu môi trường của Tổng Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị	Khối lượng
Nước sạch tiêu thụ	m ³	2.912.552
Nước mặt làm mát	m ³	2.537.431.889
Tổng lượng khí thải	triệu m ³	126.972,37
Tổng lượng nước thải	m ³	1.187.369 (trong đó có 343.889 được tuần hoàn tái sử dụng, không xả ra môi trường)
Chất thải rắn thông thường	tấn	249,70
Tro xỉ nhiệt điện than	tấn	tiêu thụ 2.168.435 (trong đó 100% lượng tro xỉ phát sinh và hơn 300.000 m ³ trên bãi xỉ được tiêu thụ)
Chất thải nguy hại	tấn	470,41

Các nhà máy điện của EVNGENCO3 tuân thủ nghiêm các tiêu chuẩn về an toàn, sức khỏe cũng như các quy định và yêu cầu của cơ quan chức năng về công tác bảo vệ môi trường, không để xảy ra sự cố có liên quan đến môi trường hay có các hành vi vi phạm về môi trường dẫn đến bị xử phạt hành chính. Tổng Công ty đã và đang ưu tiên đầu tư các công nghệ mới góp phần sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; có các biện pháp xử lý, tái sử dụng chất thải, giảm thiểu tác động đến môi trường.

Tổng Công ty luôn kiểm soát chặt chẽ các khâu xử lý nước thải, chất thải, các chỉ số quan trắc đều trong giới hạn tiêu chuẩn. Tháng 05/2025, NMNĐ Vĩnh Tân 2 hoàn thành đưa vào vận hành hạng mục Dây chuyền xử lý tro xỉ trên bãi xỉ công suất 700.000 m³/năm. Kết quả tiêu thụ tro, xỉ tại các NMNĐ than trong năm 2025 đều đạt và vượt 100% tro xỉ phát sinh, đặc biệt NMNĐ Vĩnh Tân 2 tiêu thụ thêm được 300.000 m³ tro xỉ trên bãi xỉ.

6.2. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nguồn nhân lực được xác định là nền tảng tạo nên sự thành công của EVNGENCO3 đồng thời là bộ phận để tập thể EVNGENCO3 cùng nhau tạo nên những giá trị mới và khác biệt trên hành trình phát triển bền vững.

EVNGENCO3 luôn thực hiện đầy đủ các chính sách nhân sự, công tác quản lý lương, thưởng và chế độ phúc lợi được tuân thủ đúng quy định của Pháp luật và phù hợp với đặc trưng của Tổng Công ty.

Bên cạnh đó, công tác đào tạo và bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cũng là một trong những ưu tiên hàng đầu của doanh nghiệp. Năm 2025, TCT đã triển khai 13.321 lượt đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, hoàn thành 106% kế hoạch EVN giao.

Tổng Công ty đã tổ chức phát động triển khai các phong trào thi đua chuyên đề, như “Phong trào thi đua Lao động sáng tạo” và thực hiện Chương trình “480 sáng kiến, giải pháp ĐMST, đề tài KHCN” trong Tổng Công ty nhằm đóng góp vào Chương trình “10.000 sáng kiến giai đoạn 2025 - 2028” của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

6.3. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

EVNGENCO3 ý thức sâu sắc sự phát triển bền vững của Tổng Công ty phải gắn liền với lợi ích của xã hội. Trong suốt quá trình hoạt động TCT, EVNGENCO3 luôn thực hiện đầy đủ trách nhiệm với xã hội và cộng đồng thông qua tạo việc làm ổn định, bền vững cho người lao động; góp phần phát triển kinh tế địa phương; hoàn thành tốt nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước; đồng hành với địa phương thực hiện tốt công tác an sinh xã hội với tinh thần trách nhiệm rất cao.

TCT đã tích cực, chủ động trong việc triển khai các hoạt động an sinh xã hội, tập trung vào các hoạt động hỗ trợ giáo dục như xây dựng, sửa chữa, ủng hộ kinh phí cho trường học; hỗ trợ xây nhà tình nghĩa/ nhà Đại đoàn kết. Tổng kinh phí thực hiện ASXH của Tổng Công ty đạt 17,8 tỷ đồng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

Trên cơ sở Nghị quyết số 72/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/06/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của EVNGENCO3, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Điều hành triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025, ghi nhận những bước chuyển biến rõ nét trong quá trình hoạt động của TCT, bao gồm:

1.1. SẢN XUẤT - KINH DOANH

Tính chung toàn Tổng Công ty, sản lượng điện sản xuất năm 2025 đạt 26,754 tỷ kWh hoàn thành 105,84% kế hoạch EVN/Bộ Công Thương giao.

Công tác sản xuất điện đảm bảo các nhà máy vận hành an toàn, ổn định, đáp ứng tốt yêu cầu huy động của Hệ thống điện quốc gia.

Công tác bảo dưỡng, sửa chữa được triển khai quyết liệt, đúng tiến độ. Đối với các nhà máy nhiệt điện, công tác cung ứng nhiên liệu đảm bảo cho hoạt động.

Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật được kiểm soát chặt chẽ, hoàn thành 10/10 chỉ tiêu theo kế hoạch. TCT triển khai thực hiện đồng bộ và linh hoạt các giải pháp tối ưu tiết kiệm năng lượng và nâng cao hiệu suất của nhà máy.

1.2. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

EVNGENCO3 luôn tích cực tăng cường, củng cố năng lực quản trị và hiệu quả điều hành doanh nghiệp, hướng đến mô hình Tổng Công ty phát điện hiện đại, bền vững.

Năm 2025, EVNGENCO3 đảm bảo công tác quản trị công ty cổ phần đại chúng, hoàn thành trọn vẹn công tác cổ phần hóa TCT, hoàn thành sắp xếp mô hình tổ chức TCT theo hướng tối ưu.

Công tác tài chính được quản lý, thực hiện minh bạch, nghiêm túc, đảm bảo nguồn vốn được sử dụng an toàn, linh hoạt, đúng mục đích.

Công tác đầu tư xây dựng có sự đột phá với những bước tiến đáng kể. Trong vai trò đầu tư, EVNGENCO3 đang trực tiếp triển khai danh mục các dự án với tổng công suất 350 MW. Dưới hình thức hợp tác đầu tư, TCT tham gia vào các dự án có tổng công suất 5.977 MW. Bên cạnh đầu tư nguồn điện, TCT cũng chú trọng phát triển hạ tầng phục vụ quản trị và điều hành.

Trong bối cảnh chuyển dịch năng lượng diễn ra mạnh mẽ tại Việt Nam và trên thế giới, EVNGENCO3 tăng cường hợp tác đa kênh với các khách hàng trong và ngoài nước, đón đầu xu hướng sử dụng điện xanh của các doanh nghiệp, đón bắt nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường.

Năm 2025 cũng ghi dấu bước chuyển đột phá của TCT trong công nghệ và chuyển đổi số, hoàn thành 16/16 nhiệm vụ theo kế hoạch. Các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất được đẩy mạnh và ứng dụng sâu rộng trong thực tiễn, thể hiện tầm nhìn và quyết tâm hoà nhịp làn sóng đổi mới của TCT, sẵn sàng cho giai đoạn khoa học công nghệ trở thành trụ cột của an ninh năng lượng quốc gia.

Cùng với đó, EVNGENCO3 phát huy các giá trị cốt lõi của TCT, thúc đẩy xây dựng văn hóa doanh nghiệp và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, kiến tạo môi trường làm việc văn minh, hạnh phúc, góp phần đưa TCT ngày càng vươn xa và gia tăng giá trị thương hiệu EVNGENCO3, khẳng định vị thế là một trong những Tổng Công ty phát điện hàng đầu Việt Nam.

1.3. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

EVNGENCO3 luôn tuân thủ và chấp hành nghiêm túc, đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của TCT. Năm 2025 không có sự cố nào liên quan đến môi trường xảy ra trong TCT.

Tại các nhà máy điện, công tác bảo vệ môi trường được đảm bảo và kiểm soát tốt, kết quả quan trắc định kỳ khí thải, nước thải, nước làm mát và môi trường xung quanh đều nằm trong giới hạn cho phép của các quy chuẩn hiện hành.

Mặt khác, TCT cũng đang đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp năng lượng sạch, bền vững cho các nhà máy, góp phần xây dựng môi trường xanh, sạch, bền vững.

Song hành với bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội cũng là một trong những trọng tâm phát triển của EVNGENCO3. Trong năm, EVNGENCO3 tích cực thực hiện nhiều chương trình an sinh xã hội với tổng giá trị thực hiện 17,8 tỷ đồng.

1.4 CÔNG TÁC QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Tổng Công ty thực hiện đạt tất cả các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật theo kế hoạch EVN trong đó nhiều chỉ tiêu đã có cải thiện rất tốt như: tỷ lệ điện tự dùng, suất hao nhiên liệu, suất sự cố, hệ số đáp ứng.

Các nhà máy điện của Tổng Công ty vận hành an toàn, ổn định trong năm 2025. Năng lực sửa chữa, chế tạo, gia công phục hồi, thí nghiệm điện chuyên sâu tiếp tục được nâng cao, góp phần đảm bảo các tổ máy của TCT vận hành tin cậy.

TCT đã triển khai thực hiện đồng bộ và linh hoạt các giải pháp tối ưu tiết kiệm năng lượng và nâng cao hiệu suất của nhà máy đặc biệt đối với nhà máy Nhiệt điện than.

Các đề án giảm suất hao nhiệt, đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành các nhà máy điện giai đoạn 2021-2025 mang lại hiệu quả rõ rệt, giảm sâu suất tiêu hao than, giảm tỉ lệ điện tự dùng, tỷ lệ ngừng máy sự cố và suất sự cố.

1.5. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH

EVNGENCO3 không ngừng nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo việc huy động, quản lý, sử dụng vốn an toàn, hiệu quả, linh hoạt và đúng mục đích; thường xuyên giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn của Tổng Công ty.

Trong năm 2025, TCT tiếp tục thực hiện tái cấu trúc một phần khoản vay KEXIM dự án NMD Mông Dương 1 (40,7 triệu USD) bằng vốn vay thương mại trong nước, góp phần tiết giảm chi phí tài chính. Bên cạnh đó, Tổng Công ty đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện tiết kiệm, tối ưu chi phí trong năm đảm bảo hoàn thành kế hoạch ĐHCĐ giao.

1.6. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Công tác đầu tư xây dựng có sự đột phá, chuyển biến tích cực. Các dự án của TCT nghiên cứu để xuất được phê duyệt trong Quy hoạch Điện VIII điều chỉnh.

Tổng Công ty tiếp tục hướng đến đầu tư năng lượng sạch, bao gồm tìm kiếm cơ hội hợp tác nhiên liệu khí hóa lỏng - LNG cho vận hành các nhà máy điện tuabin khí; chuyển đổi nhiên liệu thân thiện với môi trường cho các nhà máy điện; tập trung quản lý điều hành, giám sát chặt chẽ việc thi công của các nhà thầu; kịp thời nghiên cứu đề xuất với cấp có thẩm quyền giải quyết, tháo gỡ khó khăn vướng mắc để đảm bảo tiến độ, khối lượng, chất lượng và thanh quyết toán các dự án đúng thời hạn quy định.



1.7. CÔNG TÁC TỔ CHỨC NHÂN SỰ, ĐÀO TẠO, LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là một trọng những ưu tiên trọng tâm của EVNGENCO3 nhằm phát huy nội lực và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững. Tổng Công ty thường xuyên nâng cao năng lực cho người lao động thông qua các chương trình đào tạo gắn với nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh, đẩy mạnh đào tạo nội bộ, đặc biệt là chia sẻ kiến thức các chương trình đào tạo ở nước ngoài. Năm 2025, công tác đào tạo được triển khai vượt kế hoạch, đạt 106% (13.321/12.624 lượt người), góp phần nâng cao năng lực tự chủ và không ngừng vươn xa của EVNGENCO3.

Công tác quản lý lương, thưởng và chế độ chính sách được thực hiện theo đúng quy định. Tổng công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc ngày càng văn minh, hiện đại, tiếp tục nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, đem lại sự chăm sóc toàn diện cho tập thể CBCNV.

1.8. CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ

EVNGENCO3 tập trung thực hiện kế hoạch chuyển đổi số trên các lĩnh vực quản trị, quản lý kỹ thuật, đầu tư xây dựng, quản lý dự án, công nghệ thông tin và viễn thông. Tiêu biểu như ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để khai thác kho dữ liệu tập trung, phân tích trích xuất thông tin tự động; Xây dựng hệ thống quản lý công tác vận hành – sửa chữa các Nhà máy điện trên thiết bị Mobile; Hoàn thiện hệ thống quan trắc thủy văn, kết hợp bản tin dự báo thời tiết các lưu vực và ứng dụng ML (Machine Learning) phục vụ cho công tác quản lý vận hành các hồ chứa, nhà máy và cảnh báo lũ cho vùng hạ du các Nhà máy Thủy điện. Đồng thời, tăng cường các giải pháp an ninh bảo mật trong điều kiện các hoạt động công tác của Tổng Công ty diễn ra trên môi trường mạng...

Các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất được đẩy mạnh và ứng dụng có hiệu quả trong thực tiễn sản xuất.

1.9. CÔNG TÁC AN TOÀN LAO ĐỘNG

EVNGENCO3 nghiêm túc chấp hành các quy định của Nhà nước, các Bộ, ngành, EVN về việc quan trắc môi trường lao động, định kỳ đo kiểm và đánh giá, kết quả các chỉ số đều trong tiêu chuẩn cho phép; định kỳ quản lý, chăm sóc sức khỏe người lao động.

EVNGENCO3 đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các đợt tập huấn, nâng cao kiến thức về an toàn, vệ sinh lao động, thường xuyên phổ biến, tuyên truyền về công tác an toàn, vệ sinh lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong Tổng Công ty.

EVNGENCO3 thực hiện nghiêm túc, đầy đủ công tác PCTT&TKCN, trong năm 2025 công tác chuẩn bị, công tác ứng phó với các sự kiện thiên tai xảy ra trong năm đã giảm thiểu thiệt hại do ảnh hưởng của thiên tai, mưa lũ; tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn vùng hạ du trong công tác vận hành điều tiết, xả lũ các hồ chứa. Kết quả, công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn không có thiệt hại, không có sự cố.

EVNGENCO3 tăng cường kiểm tra công tác đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất (các đợt vận hành cao điểm mùa khô, trước và trong các đợt SCL...).

1.10. HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

Năm 2025, TCT tiếp tục thúc đẩy các hoạt động hợp tác với các nhóm đối tác quốc tế tìm kiếm cơ hội hợp tác phát triển trong các mặt hoạt động của TCT.

Tăng cường hợp tác với các cơ quan đại diện ngoại giao, thương mại các nước tại Việt Nam như: Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại TP.HCM, Đại sứ quán Australia, Đại sứ quán Phần Lan.

Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm và tìm hiểu về công nghệ, kỹ thuật, luật pháp tại Tập đoàn Điện lực trong khu vực và tại chương trình quốc tế như: gặp gỡ Đoàn doanh nghiệp Hàn Quốc làm việc tại Việt Nam, Hội nghị Triển lãm kỹ thuật quốc tế (BIXPO) tại Hàn Quốc, Triển lãm GASTECH 2025 tại Italia, làm việc với các chủ mỏ than tại Australia...

Duy trì mối quan hệ, hợp tác với các đối tác quốc tế trong các lĩnh vực: Nghiên cứu đầu tư phát triển dự án NMD linh hoạt Ninh Bình (Wartsila, ...); tiếp tục nghiên cứu các giải pháp tối ưu vận hành các NMD (Mitsubishi, GE, Siemens,...); nghiên cứu ứng dụng giải pháp NMD số IDPP (KEPCO); nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ đốt trộn than, biomass (Doosan Enerbility); nghiên cứu trao đổi khả năng hợp tác, cung cấp nguồn nhiên liệu cho NMD (Qatar Gas, Exxon Mobil, Woodside Energy,...).

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT định hướng các nhiệm vụ trọng tâm, các chủ trương lớn trong mọi hoạt động của Tổng Công ty, đồng thời quyết liệt trong chỉ đạo, kịp thời giải quyết những nội dung trọng tâm, nhiệm vụ cấp bách cũng như có định hướng dài hạn để đảm bảo các hoạt động TCT; thực hiện nhiệm vụ một cách cẩn trọng, các nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua và ban hành đều trên cơ sở thống nhất cao (tỷ lệ 100%) của các thành viên HĐQT; thường xuyên duy trì việc kiểm tra, kiểm toán, giám sát đối với các hoạt động của Ban Điều hành, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao.

HĐQT đã sử dụng bộ máy tham mưu giúp việc trong Tổng Công ty đảm bảo các công việc trong Tổng Công ty tuân thủ theo đúng chức năng, nhiệm vụ tại Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ và các quy định của pháp luật liên quan.

Tham gia các cuộc họp giao ban tuần, tháng; theo dõi sát sao các hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong Tổng Công ty, kịp thời chỉ đạo các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ giao.

Chỉ đạo và phối hợp với Ban Điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai và điều hành các hoạt động SXKD-TC-ĐTXD trong TCT kịp thời, hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định Điều lệ TCT, thực hiện các công việc theo đúng phân cấp và các chỉ đạo của HĐQT.

Điều hành của Ban Tổng Giám đốc nhất quán với định hướng của Hội đồng Quản trị và luôn bám sát thực tiễn, sáng tạo, chủ động tháo gỡ khó khăn và tạo được lợi nhuận ở mức tốt nhất. Có các biện pháp tích cực nâng cao hoạt động quản lý - vận hành thể hiện qua các quy định được ban hành.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT nhận định nền kinh tế toàn cầu bước vào năm 2026 với nhiều rủi ro tiềm ẩn và biến động khó lường (tỷ giá, địa chính trị, chính sách của các nước lớn...); cũng sẽ tác động đến các hoạt động SXKD của Tổng Công ty. Với tình hình trên, để kế hoạch sản xuất kinh doanh 2026 được triển khai hiệu quả và thành công, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty định hướng các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

Xây dựng kế hoạch phù hợp với mục tiêu và chỉ đạo triển khai thành công các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Đảm bảo công tác sản xuất điện an toàn, tin cậy, kinh tế, đáp ứng phương thức huy động của hệ thống điện Quốc gia, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Chào giá trong thị trường điện có hiệu quả và tối đa hóa lợi nhuận.

Tiếp tục triển khai thực hiện các đề án nâng cao độ tin cậy, hiệu suất của các NMD, giảm suất hao nhiệt, nâng cao hiệu quả SXKD.

Đảm bảo tuyệt đối công tác bảo vệ môi trường, nhất là các NMND.

Nỗ lực, triển khai thực hiện các nhiệm vụ ĐTXD trọng tâm trong năm 2026.

Phát triển cung cấp dịch vụ vận hành, bảo dưỡng sửa chữa.

Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo vào các lĩnh vực hoạt động của TCT.

Tiếp tục thực hiện các thủ tục phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để tạo nguồn lực phát triển sau khi kế hoạch tái cơ cấu TCT giai đoạn 2026 - 2030 theo phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ được các cấp có thẩm quyền phê duyệt cập nhật vào Chiến lược phát triển/Kế hoạch 5 năm (2026 - 2030) của EVN.

Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực theo hướng vừa nâng cao chất lượng hiện tại, vừa tạo đội ngũ kế thừa, nhất là trong các lĩnh vực then chốt như quản trị tài chính, quản trị doanh nghiệp, hợp tác quốc tế, công nghệ mới.

Triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các lĩnh vực, đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2026 có lợi nhuận (bao gồm CLTG).

Tăng cường hợp tác quốc tế (đặc biệt trong phát triển các Dự án nguồn điện và tài chính), nỗ lực chuyển dịch năng lượng sang hướng năng lượng xanh, sạch, nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong lĩnh vực môi trường - xã hội, vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và cộng đồng.



CHƯƠNG 5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị	94
Ban Kiểm soát	96
Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT Ban Tổng Giám đốc và BKS	99
Hoạt động Quan hệ nhà đầu tư	99
Đánh giá việc thực hiện các quy định về Quản trị công ty	100

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Đinh Quốc Lâm	Chủ tịch HĐQT	445.769.198	39,68%
2	Ông Lê Văn Danh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	334.326.898	29,77%
3	Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT	167.174.933	14,88%
4	Ông Hồ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT từ 10/06/2025	167.170.169	14,88%
5	Ông Nguyễn Minh Khoa	Thành viên HĐQT đến 10/6/2025	167.170.169	14,88%
6	Ông Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%

2. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HĐQT

HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo dưới sự chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch HĐQT, không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

3. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2025

HĐQT hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế hoạt động để lãnh đạo Tổng Công ty hoàn thành tốt kế hoạch Sản xuất kinh doanh - Đầu tư xây dựng - Tài chính năm 2025.

HĐQT định hướng các chủ trương lớn, thường xuyên chỉ đạo đối với các lĩnh vực trọng tâm của EVNGENCO3, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban Điều hành nhằm đảm bảo hoạt động ổn định, tuân thủ các quy định hiện hành.

HĐQT thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. CÁC CUỘC HỌP HĐQT TRONG NĂM 2025

Trong năm 2025, HĐQT EVNGENCO3 đã tổ chức 13 phiên họp có sự tham dự đầy đủ của các Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát với tư cách là giám sát viên. Theo Báo cáo ghi nhận sự tham gia của các thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT cho năm 2025 như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đinh Quốc Lâm	13	100%	-
2	Ông Lê Văn Danh	13	100%	-
3	Bà Nguyễn Thị Hải Yến	13	100%	-
4	Ông Hồ Anh Tuấn (*)	08	100%	-
5	Ông Nguyễn Minh Khoa (**)	05	100%	-
6	Ông Đỗ Mạnh Hùng	13	100%	-

(*) Ông Hồ Anh Tuấn tham gia từ ngày 10/6/2025

(**) Ông Nguyễn Minh Khoa tham gia đến ngày 10/6/2025



5. CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, HĐQT EVNGENCO3 đã tổ chức thực hiện/chỉ đạo và ban hành 46 nghị quyết để giải quyết các vấn đề trọng tâm, chủ trương, kế hoạch và công tác quản trị của Tổng Công ty; ngoài ra, HĐQT cũng có các nghị quyết, quyết định, văn bản để thông qua, chỉ đạo các công việc có tính chất định kỳ và/hoặc giải quyết các kiến nghị của Ban Điều hành trong hoạt động của Tổng Công ty.

6. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Thực hiện theo đúng chức trách, nhiệm vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trong năm, phối hợp HĐQT ban hành các chủ trương, định hướng và/hoặc giải quyết các kiến nghị của Ban Điều hành (thông qua các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản) đảm bảo các hoạt động của Tổng Công ty.

Thực hiện báo cáo về kết quả hoạt động trong năm theo quy định về quản trị CTCP niêm yết.

7. ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ

Tổng Công ty tạo điều kiện để các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và cán bộ quản lý tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty đại chúng theo các chuẩn mực quản trị tiên tiến nhằm nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

BAN KIỂM SOÁT

1. THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Phạm Hùng Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	0%
2	Ông Đậu Đức Chiến	Thành viên Ban Kiểm soát	0%
3	Ông Nguyễn Văn Đông	Thành viên Ban Kiểm soát từ 10/06/2025	0%
4	Bà Vũ Hải Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát đến 10/06/2025	0%

2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

2.1. CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp đồng thời thường xuyên trao đổi nội bộ để thống nhất nội dung các báo cáo giám sát. Các thành viên Ban Kiểm soát đều tích cực tham gia đầy đủ các cuộc họp Ban Kiểm soát.

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ (%)
1	Ông Phạm Hùng Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	27/9/2018	4/4	100
2	Ông Đậu Đức Chiến	Thành viên Ban Kiểm soát	27/9/2018	4/4	100
3	Bà Vũ Hải Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát	10/6/2025	1/4	100
4	Ông Nguyễn Văn Đông	Thành viên Ban Kiểm soát	10/6/2025	3/4	100

Các cuộc họp cụ thể như sau:

STT	Ngày họp	Nội dung	Kết quả
1	24/4/2025	Thống nhất kết quả kiểm soát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 45/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/06/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100% thống nhất
2	25/6/2025	Tạm phân công các thành viên Ban kiểm soát	100% thống nhất
3	11/7/2025	Họp sơ kết 6 tháng đầu năm 2025	100% thống nhất
4	09/12/2025	Họp tổng kết công tác kiểm soát năm 2025 và thống nhất kế hoạch kiểm soát năm 2026	100% thống nhất



2.2. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Thường xuyên theo dõi, kiểm soát việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước, việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Tổng Công ty, quy chế nội bộ về quản trị và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty. Kết quả, Tổng Công ty chấp hành tốt chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty.

Thường xuyên nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, các Công ty con và công ty liên kết.

Giám sát Tổng Công ty và các Công ty con trong việc công bố thông tin theo quy định.

Kiểm soát, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 45/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/06/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (thực hiện từ ngày 31/03/2025 đến ngày 04/04/2025).

Lập báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (thực hiện vào tháng 04-05/2025).

Thẩm định báo cáo quyết toán quỹ tiền lương sản xuất điện năm 2024 của Tổng Công ty (thực hiện vào tháng 03/2025).

Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng Công ty (thực hiện vào tháng 03/2025).

Thẩm định kế hoạch tiền lương năm 2025 của Tổng Công ty (thực hiện vào tháng 05/2025) và thẩm định BCTC giữa niên độ năm 2025 (thực hiện vào tháng 08 và tháng 09 năm 2025).

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ EVNGENCO3 một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông.

2.3. SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS VỚI HĐQT, BTGD VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

HĐQT Tổng Công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị cho Ban Kiểm soát. Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty khi có yêu cầu.

HĐQT Tổng Công ty, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Tổng Công ty đã phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao.

Nhận xét chung: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các Ban, các Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao.

2.4. HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BKS

Chủ trì và phối hợp Ban Kiểm toán nội bộ và giám sát tài chính Tổng công ty tổ chức giám sát Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng Công ty (đã thực hiện trong năm 2024 và tháng 01, tháng 02, tháng 03 năm 2025).

Chủ trì và phối hợp Ban Kiểm toán nội bộ và giám sát tài chính Tổng công ty tổ chức giám sát Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2025 (thực hiện trong tháng 07/2025); và giám sát công tác kiểm kê tài sản cố định, hàng tồn kho và công cụ dụng cụ tại các đơn vị vào cuối tháng 12/2025.

Hợp thống nhất kết quả kiểm soát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 45/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/06/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (ngày họp 24/4/2025).

Hợp sơ kết 6 tháng đầu năm 2025 vào ngày 11/07/2025.

Hợp tạm phân công các thành viên Ban Kiểm soát (do có thay đổi thành viên BKS), vào ngày 25/06/2025.

Hợp tổng kết công tác kiểm soát năm 2025 và thống nhất kế hoạch kiểm soát năm 2026 vào ngày 09/12/2025.

Tham gia các khóa đào tạo, tập huấn hàng năm về nghiệp vụ Kiểm toán nội bộ, giám sát tài chính và kiểm soát tuân thủ do cổ đông Tập đoàn Điện lực Việt Nam tổ chức.

Tham dự các phiên họp của Hội đồng Quản trị và các cuộc họp giao ban hàng tuần, hàng tháng của Tổng Công ty.

3. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2026

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của TCT và cổ đông.



LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BKS

1. LƯƠNG THƯỞNG THÙ LAO CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BKS

Xem báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 sau kiểm toán tại chương 7.

2. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/ giảm
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	
1	Trần Lê Trung Hiếu	Người quản lý tại công ty con	77.754	0,0069%	28.454	0,0025%	Bán

3. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ: Không có

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Năm 2025, TCT được vinh danh Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất – Nhóm ngành phi tài chính tại Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết (Vietnam Listed Company Awards) do Sở GDCK TP.HCM (HOSE), Sở GDCK Hà Nội (HNX) và Báo Đầu tư phối hợp tổ chức với sự tham gia của gần 600 doanh nghiệp niêm yết, cho thấy TCT đã đáp ứng tốt các tiêu chuẩn và bộ tiêu chí công bố thông tin, quản trị công ty đại chúng quy mô lớn.

Tổng Công ty thực hiện bản tin nhà đầu tư định kỳ hàng tháng để cung cấp thông tin tình hình sản xuất – kinh doanh đến các nhà đầu tư và được đăng tải trên website <https://www.GENCO3.com/quan-he-nha-dau-tu/ban-tin-nha-dau-tu>.

Năm 2025, Tổng Công ty tăng cường trao đổi với các công ty chứng khoán và quỹ đầu tư để chuẩn bị cho giai đoạn tái cơ cấu.

Bộ phận quan hệ nhà đầu tư của TCT cũng sẵn sàng giải đáp các thắc mắc cũng như ghi nhận những thông tin phản hồi từ phía cổ đông và nhà đầu tư. Trong năm, EVNGENCO3 tham gia chương trình gặp mặt nhà đầu tư do các công ty chứng khoán tổ chức.



ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY



Trong năm 2025, EVNGENCO3 đã tuân thủ tất cả các quy định trọng yếu của Pháp luật có liên quan đến Quản trị Công ty nói chung cũng như các quy định quản trị đối với Công ty niêm yết. Ngoài ra, Công ty cũng luôn nỗ lực nâng cao chất lượng quản trị theo tiêu chuẩn quốc tế thông qua việc áp dụng và ngày càng bám sát các tiêu chí Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN; đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ nhằm hoàn thiện quy trình Quản trị Công ty theo hướng hiện đại, khoa học, hiệu quả.

2. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

Mức độ đáp ứng của Tổng Công ty tham chiếu với các tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN

Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực Asean	Mức độ đáp ứng của EVNGENCO3
A Đối xử bình đẳng với cổ đông	Đáp ứng tốt
B Đảm bảo tất cả các quyền của cổ đông	Đáp ứng tốt
C Đảm bảo quyền và vai trò của các bên liên quan	Đáp ứng tốt
D Công bố và minh bạch thông tin	Đáp ứng tốt
E Tăng cường trách nhiệm của HĐQT đối với cổ đông	Đáp ứng tốt

Dưới đây là thông tin chi tiết về quản trị công ty của EVNGENCO3 trong năm 2025 tham chiếu với các tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN:

Đáp ứng tốt: ★ Lĩnh vực cần cải thiện: X

THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY - CÂU HỎI CẤP 1

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Đánh giá	Cơ sở đánh giá
A	ĐẢM BẢO QUYỀN VÀ ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG GIỮA CÁC CỔ ĐÔNG		
A.1	Quyền cơ bản của cổ đông		
A.1.1	Công ty có trả cổ tức (kỳ giữa và kỳ cuối hàng năm) một cách bình đẳng và kịp thời; nghĩa là, tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng và được trả trong vòng 30 ngày sau khi được (i) Công bố đối với cổ tức giữa kỳ và (ii) Được cổ đông thông qua tại các đại hội cổ đông đối với cổ tức cuối năm? Trong trường hợp công ty công bố phương án chọn lựa chi trả cổ tức cổ phiếu (script dividend), công ty có trả cổ tức trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố hay không?	★	Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP (EVNGENCO3), luôn tuân thủ các quy định về chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định của pháp luật và NQ ĐHĐCĐ.
A.2	Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi quan trọng của doanh nghiệp		
A.2.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) hoặc mọi khoản tăng thù lao cho thành viên/ ủy viên Hội đồng Quản trị không điều hành?	★	Chi phí thù lao, lương, thưởng và các chi phí khác phục vụ hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát định kỳ hàng năm được báo cáo và thông qua trong chương trình nghị sự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).
A.2.2	Công ty có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát quyền đề cử thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị?	★	Theo Điều lệ TCT, EVNGENCO3 có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát đề cử thành viên HĐQT nếu cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.
A.2.3	Công ty có cho phép cổ đông bầu chọn từng thành viên Hội đồng Quản trị?	★	EVNGENCO3 có cho phép cổ đông bầu cử từng thành viên của HĐQT.
A.2.4	Công ty có công bố thủ tục biểu quyết được sử dụng trước khi đại hội tiến hành?	★	Thế lệ biểu quyết được trình bày chi tiết trong Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ công bố trên website TCT trước khi tổ chức ĐHĐCĐ.
A.2.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?	★	Các câu hỏi và câu trả lời được ghi rõ trong phần Tóm tắt nội dung thảo luận của Biên bản họp ĐHĐCĐ công bố trên website TCT.
A.2.6	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?	★	Kết quả biểu quyết cho từng nội dung được công bố tại Biên bản kiểm phiếu biểu quyết nằm trong Biên bản họp ĐHĐCĐ, công bố trên website TCT.
A.2.7	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	★	Thể hiện tại Biên bản họp ĐHĐCĐ công bố trên website TCT.

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Đánh giá	Cơ sở đánh giá
A.2.8	Công ty có công bố rằng tất cả thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc/Giám đốc Điều hành (nếu Tổng Giám đốc/Giám đốc Điều hành không phải là thành viên HĐQT) có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất ?	★	Thành phần tham dự ĐHĐCĐ 2025 bao gồm HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc được ghi rõ trong Biên bản họp ĐHĐCĐ công bố trên website TCT.
A.2.9	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt ?	★	Cổ đông vắng mặt được ủy quyền cho người khác dự đại hội và biểu quyết các vấn đề tại đại hội theo quy định tại Điều lệ TCT, công bố trên website TCT.
A.2.10	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất ?	★	Tổng Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ, được thể hiện tại Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ 2025.
A.2.11	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ ?	★	Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ năm 2025 đã đưa ra quy định về thành phần Ban kiểm phiếu gồm 3 người, trong đó có 01 Trưởng ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu (thông qua Ban tổ chức Đại hội) và đồng thời được ĐHĐCĐ biểu quyết tín nhiệm. Quy định này nhằm đảm bảo tính minh bạch của Ban kiểm phiếu mà vẫn đảm bảo các vấn đề bảo mật thông tin cho Đại hội.
A.2.12	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất ?	★	Quyết định của ĐHĐCĐ 2025 đã được công bố trong vòng 24H trên website TCT sau khi ban hành Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ.
A.2.13	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHĐCĐ bất thường trước tối thiểu 21 ngày ?	★	Thông báo mời họp và các tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 được công bố đầy đủ trên website TCT trước tối thiểu 21 ngày.
A.2.14	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/ tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm ?	★	Thể hiện tại tài liệu họp ĐHĐCĐ được công bố trên website TCT và gửi cho mỗi cổ đông đến tham dự cuộc họp.
A.2.15	Công ty có tạo cơ hội cho các cổ đông đề xuất/ kiến nghị về nội dung chương trình họp đại hội đồng cổ đông và/ hoặc yêu cầu triệu tập đại hội theo một tỷ lệ nhất định không ?	★	TCT đảm bảo quyền được phát biểu và đóng góp ý kiến của các cổ đông trong các cuộc họp ĐHĐCĐ, thể hiện tại Biên bản họp ĐHĐCĐ.
A.3	Thị trường giao dịch đầu tư công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch		
A.3.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/ hoặc đầu tư cần được cổ đông thông qua, thành viên/ủy viên HĐQT của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại ?	★	TCT thực hiện tuân thủ theo quy định pháp luật để đảm bảo tính công khai, minh bạch, tính hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại nhằm đảm bảo lợi ích tối đa của TCT và cổ đông của TCT.
A.4.1	Công ty có công bố công khai chính sách/ thực hành nhằm khuyến khích tham gia của cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ ?	★	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững - mục Gắn kết với các bên liên quan (Cổ đông, Nhà đầu tư).

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Đánh giá	Cơ sở đánh giá
A.5	Cổ phiếu và quyền biểu quyết		
A.5.1	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu (Ví dụ: thông qua trang thông tin điện tử/báo cáo/sổ giao dịch chứng khoán/ trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý) ?	★	TCT chỉ có cổ phiếu phổ thông. Mỗi cổ phiếu phổ thông có một quyền biểu quyết.
A.6	Thông báo ĐHĐCĐ		
A.6.1	Mọi nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất chỉ liên quan đến một nội dung của dự thảo nghị quyết, nghĩa là không gộp nhiều nội dung vào trong cùng một nghị quyết	★	Mọi nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất chỉ liên quan đến một nội dung cụ thể, thể hiện tại Nghị quyết họp ĐHĐCĐ năm 2025 công bố trên website TCT.
A.6.2	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất có được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu theo ngôn ngữ địa phương ?	★	TCT công bố đầy đủ bản Tiếng Anh của thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ cùng ngày với tài liệu Tiếng Việt trên website TCT.
	Các thông báo/ thông tư của ĐHĐCĐ có các nội dung sau:		
A.6.3	Có cung cấp tiểu sử của thành viên/ủy viên HĐQT sẽ được bầu chọn/bầu chọn lại (tối thiểu là tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và vị trí thành viên HĐQT đang tại vị trong các công ty niêm yết khác) ?	★	TCT thực hiện công bố đầy đủ lý lịch của các ứng viên sẽ được bầu chọn/bầu chọn lại trên website TCT.
A.6.4	Kiểm toán viên/công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng ?	★	ĐHĐCĐ thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán trong danh sách trên, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và hiệu quả tài chính. Thể hiện tại Nghị quyết ĐHĐCĐ công bố trên website TCT và gửi đến từng cổ đông theo Thông báo mời họp ĐHĐCĐ.
A.6.5	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng ?	★	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được công bố trên website TCT.
A.7	Giao dịch nội bộ và kiểm lợi từ các thông tin các thông tin không được công bố ra bên ngoài cần bị nghiêm cấm		
A.7.1	Thành viên HĐQT thực hiện công bố thông tin trước khi thực hiện giao dịch cổ phiếu ít nhất 3 ngày làm việc, theo đúng quy định của pháp luật.	★	Thành viên HĐQT thực hiện công bố thông tin trước khi thực hiện giao dịch cổ phiếu ít nhất 3 ngày làm việc, theo đúng quy định của pháp luật.
A.8	Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao		
A.8.1	Công ty có chính sách yêu cầu một tiểu ban bao gồm thành viên HĐQT độc lập rà soát giao dịch bên liên quan trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông không ?	★	HĐQT bao gồm cả thành viên độc lập của HĐQT phải trực tiếp phê duyệt Giao dịch bên liên quan trọng yếu/quan trọng theo quyền hạn được quy định trong Điều lệ TCT.

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Đánh giá	Cơ sở đánh giá
A.8.2	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích ?	★	Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ TCT.
A.8.3	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó quy định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường ?	★	Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương thuộc đối tượng cấm cấp tín dụng theo quy định tại Quy định cho vay của TCT, đảm bảo tuân thủ Luật các TCTD.
A.9	Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng		
A.9.1	Công ty có công bố về việc giao dịch bên liên quan được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường	★	Các giao dịch bên liên quan được thực hiện và công bố đầy đủ thông tin đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật.
A.9.2	Trong trường hợp cần có phê duyệt của cổ đông thông qua các giao dịch các bên hữu quan, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các cổ đông không liên quan lợi ích.	★	Cổ đông không được tham gia biểu quyết đối với giao dịch mà có lợi ích liên quan đối với cổ đông đó, quy định tại Điều lệ TCT.
C	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ BỀN BỈ		
C.1	Công bố thông tin một cách nhất quán và đáng tin cậy về các chủ đề bền vững, bao gồm đầy đủ thông tin trọng yếu mang tính hồi tố và dự báo		
	Các thông tin liên trọng yếu liên quan đến vấn đề phát triển bền vững cần được đề cập		
C.1.1	Công ty có xác định/ báo cáo các chủ đề ESG mà có tính trọng yếu đối với chiến lược cốt lõi của tổ chức không ?	★	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững - mục Xác định chủ đề trọng yếu
C.1.2	Công ty có xác định biến đổi khí hậu là một vấn đề quan trọng không ?	★	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững - mục Xác định chủ đề trọng yếu.
C.1.3	Công ty có áp dụng khuôn khổ hoặc tiêu chuẩn báo cáo được quốc tế công nhận về tính bền vững không (ví dụ: GRI, Báo cáo tích hợp, SASB, Tiêu chuẩn công bố thông tin bền vững IFRS) ?	★	Thể hiện tại Báo cáo Phát triển bền vững - mục Tổng quan về Báo cáo phát triển bền vững
	Khung công bố thông tin có quy định các số liệu đáng tin cậy liên quan đến các mục tiêu phát triển bền vững cần được công bố thường xuyên ở dưới dạng dễ tiếp cận		
C.1.4	Công ty có công bố mục tiêu bền vững dưới dạng định lượng không ?	★	Công bố tại Báo cáo phát triển bền vững
C.1.5	Các kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững được đề ra có được công bố không ?	★	Công bố tại Báo cáo phát triển bền vững
C.1.6	Có thông tin cho thấy Báo cáo Phát triển bền vững đã được xem xét và/hoặc phê duyệt bởi HĐQT hoặc một ủy ban cấp HĐQT không ?	★	Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT, trực tiếp rà soát và phê duyệt các nội dung của Báo cáo Phát triển bền vững

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Đánh giá	Cơ sở đánh giá
C.2	Khung quản trị doanh nghiệp cần cho phép triển khai đối thoại giữa công ty, cổ đông và các bên liên quan để trao đổi quan điểm về các vấn đề bền vững		
C.2.1	Công ty có thiết lập kênh tương tác để thường xuyên tiếp nhận và phản hồi các mối quan tâm của các bên hữu quan bên trong về các vấn đề phát triển bền vững trọng yếu không ?	★	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững - mục Xác định chủ đề trọng yếu.
C.2.2	Công ty có thiết lập kênh tương tác để thường xuyên tiếp nhận và phản hồi các mối quan tâm của các bên hữu quan bên ngoài về các vấn đề phát triển bền vững trọng yếu không ?	★	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững - mục Gắn kết với các bên liên quan.
C.3	Khung quản trị doanh nghiệp phải đảm bảo rằng Hội đồng Quản trị xem xét đầy đủ các rủi ro và cơ hội bền vững trọng yếu khi thực hiện các chức năng chính của mình trong việc xem xét, giám sát và hướng dẫn các thông lệ quản trị, công bố thông tin, chiến lược, quản lý rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm cả các vấn đề về rủi ro khí hậu bao gồm rủi ro vật lý và rủi ro chuyển đổi		
	HĐQT cần đánh giá tính tương thích giữa cơ cấu vốn của doanh nghiệp với các mục tiêu chiến lược và khẩu vị rủi ro liên quan để đảm bảo khả năng phục hồi		
C.3.1	Công ty có công bố rằng Hội đồng Quản trị có đánh giá hàng năm rằng cơ cấu nợ vay của công ty tương thích với các mục tiêu chiến lược và khẩu vị rủi ro của công ty hay không ?	★	Thể hiện tại Báo cáo quản trị (thuộc BCTN) - mục Quản trị rủi ro
C.4	Khung quản trị doanh nghiệp cần công nhận, tôn trọng quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương và khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa doanh nghiệp và các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo ra của cải, việc làm và sự bền vững về mặt tài chính của doanh nghiệp		
	Công ty có công bố chính sách và thông lệ liên quan đến:		
C.4.1	Các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo vệ quyền lợi của khách hàng ?	★	Thể hiện tại nội dung của Báo cáo phát triển bền vững mục Sự gắn kết với các bên liên quan (Khách hàng).
C.4.2	Quy trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/ nhà thầu ?	★	Thể hiện tại nội dung của Báo cáo phát triển bền vững mục Sự gắn kết với các bên liên quan (Nhà cung cấp).
C.4.3	Các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững ?	★	Thể hiện tại nội dung của Báo cáo phát triển bền vững
C.4.4	Các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động ?	★	Thể hiện tại nội dung của Báo cáo phát triển bền vững
C.4.5	Chương trình và các thực hành phòng chống tham nhũng của công ty	★	Thể hiện tại Báo cáo Phát triển bền vững - mục Phòng chống tham nhũng
C.4.6	Các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ ?	★	Cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và các cam kết đối với bên cho vay trong mọi hoạt động, bao gồm các yêu cầu về quản trị rủi ro, báo cáo định kỳ/ đột xuất và công bố thông tin.
C.4.6	Công ty có viết báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội ?	★	Áp dụng các tiêu chuẩn công bố thông tin phát triển bền vững được toàn cầu công nhận (GRI), TCT xây dựng Báo cáo phát triển bền vững tích hợp trong Báo cáo thường niên.

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Đánh giá	Cơ sở đánh giá
C.5	Khi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm		
C.5.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (Ví dụ: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ ?	★	Thông tin liên hệ (đường dây nóng và email) liên hệ được công bố rộng rãi trên các phương tiện truyền thông bao gồm website TCT và Báo cáo thường niên.
C.6	Các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng		
C.6.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên ?	★	Thể hiện tại các nội dung của Báo cáo phát triển bền vững, bao gồm: Tổ chức và nhân sự, Sự gắn kết với các bên liên quan (Người lao động), Đảm bảo việc làm và thu nhập, An toàn và sức khỏe nghề nghiệp.
C.6.2	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên ?	★	Thể hiện tại các nội dung của Báo cáo phát triển bền vững - mục Giáo dục và đào tạo.
C.6.3	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn ?	★	Thể hiện trong Báo cáo phát triển bền vững
C.7	Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên HĐQT và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ		
C.7.1	Công ty có chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên hữu quan về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được đề cập trên trang web công ty hoặc báo cáo thường niên ?	★	Thể hiện tại Báo cáo thường niên.
C.7.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/không phù hợp đạo đức ?	★	Thể hiện tại Báo cáo thường niên.
D	CÔNG BỐ VÀ MINH BẠCH THÔNG TIN		
D.1	Cấu trúc sở hữu minh bạch		
D.1.1	Thông tin về cổ đông có tiết lộ danh tính của các chủ sở hữu nắm giữ 5% cổ phần trở lên ?	★	Thông tin được công bố và cập nhật công khai trong Báo cáo thường niên, Báo cáo quản trị và website của TCT.
D.1.2	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của cổ đông lớn ?	★	Thể hiện tại Báo cáo quản trị (thuộc BCTN) - mục Cơ cấu cổ đông và Báo cáo quản trị công ty công bố trên website TCT - mục Quan hệ nhà đầu tư.

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Đánh giá	Cơ sở đánh giá
D.1.3	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của thành viên HĐQT ?	★	Thể hiện tại Báo cáo quản trị (thuộc BCTN) - mục Cơ cấu cổ đông và Báo cáo quản trị công ty công bố trên website TCT - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.1.4	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của ban điều hành ?	★	Thể hiện tại Báo cáo quản trị (thuộc BCTN) - mục Cơ cấu cổ đông và Báo cáo quản trị công ty công bố trên website TCT - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.1.5	Công ty có công bố chi tiết về công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và doanh nghiệp/công ty có mục đích đặc biệt (SPE)/(SPV) ?	★	Thể hiện tại BCTN và Báo cáo quản trị công ty công bố trên website TCT.
D.2	Chất lượng của báo cáo thường niên		
Báo cáo thường niên của công ty có công bố những nội dung sau:			
D.2.1	Mục tiêu của công ty	★	Thông tin được công bố và Thể hiện chi tiết tại Báo cáo thường niên - mục Thông tin chung về TCT.
D.2.2	Chỉ số hiệu quả tài chính	★	Thể hiện chi tiết tại Báo cáo thường niên mục Thông tin chung về TCT - mục Tình hình hoạt động kinh doanh.
D.2.3	Chỉ số hiệu quả phi tài chính	★	Thể hiện chi tiết tại Báo cáo thường niên mục Thông tin chung về TCT.
D.2.4	Chính sách cổ tức	★	Thể hiện chi tiết tại Báo cáo thường niên - mục Báo cáo quản trị.
D.2.5	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT	★	Thể hiện tại Báo cáo thường niên - mục Báo cáo quản trị.
D.2.6	Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không ?	★	Thể hiện tại Báo cáo thường niên - mục Báo cáo quản trị.
Tuyên bố Khẳng định về Quản trị Công ty			
D.3	Thù lao của thành viên HĐQT và cán bộ điều hành chủ chốt		
D.3.1	Cơ cấu thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành có được công bố công khai ?	★	Thông tin thù lao của thành viên HĐQT không điều hành được công bố trong Báo cáo tài chính (thuộc BCTN) - thuyết minh 34. Giao dịch với các bên liên quan.
D.3.2	Công ty có tiết lộ công khai [tức là báo cáo thường niên hoặc các tài liệu công bố công khai khác] chi tiết thù lao của các thành viên HĐQT không điều hành ?	★	Thông tin thù lao của thành viên HĐQT không điều hành được công bố trong Báo cáo tài chính (thuộc BCTN) - thuyết minh 34. Giao dịch với các bên liên quan.

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Đánh giá	Cơ sở đánh giá
D.3.3	Công ty có công bố chính sách/thông lệ về thù lao (phí, phụ cấp, phúc lợi bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) (tức là sử dụng các chính sách khích lệ và các chỉ tiêu hiệu quả ngắn và dài hạn) đối với các thành viên HĐQT điều hành và Tổng Giám đốc ?	★	Thể hiện tại Báo cáo thường niên - mục Chính sách về thù lao, tiền lương và lợi ích khác của các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc.
D.3.4	Công ty có công bố công khai [tức là báo cáo thường niên hoặc các tài liệu được công bố công khai khác] chi tiết về thù lao của từng thành viên HĐQT điều hành và Tổng Giám đốc [nếu Tổng Giám đốc không phải là thành viên HĐQT ?	★	Thông tin thù lao của Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT, được công bố trong Báo cáo tài chính (thuộc BCTN) - thuyết minh 34 Giao dịch với các bên liên quan.
D.4 Công bố Giao dịch bên liên quan (GDBLQ)			
D.4.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/quan trọng ?	★	Chính sách về rà soát và phê duyệt Giao dịch bên liên quan trọng yếu/quan trọng được quy định trong Điều lệ TCT.
D.4.2	Công ty có công bố tên của các bên hữu quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị của mỗi GDBLQ trọng yếu/quan trọng ?	★	Thể hiện tại các công bố thông tin về giao dịch bên liên quan và được tổng hợp trong Báo cáo quản trị công ty công bố trên website TCT - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.5 Giám đốc và ủy viên giao dịch cổ phiếu của công ty			
D.5.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người nội bộ của công ty thực hiện ?	★	Thể hiện tại các công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và được tổng hợp trong Báo cáo quản trị công ty công bố trên website TCT - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.6 Kiểm toán độc lập và Báo cáo kiểm toán			
Trường hợp cùng một công ty kiểm toán tham gia cung cấp cả dịch vụ kiểm toán và phi kiểm toán			
D.6.1	Phí kiểm toán và phi kiểm toán có được công bố công khai ?	★	TCT đã thực hiện CBTT về ký kết hợp đồng kiểm toán và có công khai chi phí dịch vụ kiểm toán trong BCTC.
D.6.2	Phí dịch vụ phi kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán ?	★	Phí dịch vụ Phi kiểm toán không cao hơn phí dịch vụ kiểm toán.
D.7 Phương tiện truyền thông			
Công ty có sử dụng các hình thức truyền thông sau đây:			
D.7.1	Báo cáo quý	★	TCT định kỳ cập nhật song ngữ Việt - Anh các tài liệu kết quả hoạt động và kinh doanh hàng quý trên website của TCT.
D.7.2	Trang thông tin điện tử của công ty	★	TCT thường xuyên cập nhật song ngữ Việt - Anh các tài liệu kết quả hoạt động và kinh doanh hàng quý trên website của TCT.

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Đánh giá	Cơ sở đánh giá
D.7.3	Đánh giá của chuyên gia phân tích	★	TCT chủ động xúc tiến các buổi trao đổi với chuyên gia phân tích trong và ngoài nước về kết quả và triển vọng kinh doanh của TCT và các công ty con.
D.7.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/hợp báo	★	TCT chủ động cung cấp thông tin của TCT tới các cơ quan báo chí, truyền thông cũng như cử chuyên gia trả lời phỏng vấn chuyên sâu/ gặp gỡ đối thoại trên truyền hình nhằm giải đáp câu hỏi, thắc mắc của báo chí về các chủ đề liên quan.
D.8 Nộp/công bố báo cáo thường niên/báo cáo tài chính đúng hạn			
D.8.1	Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính ?	★	Công bố đầy đủ trên website của TCT - mục Quan hệ nhà đầu tư theo đúng quy định.
D.8.2	Báo cáo thường niên có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính ?	★	Công bố đầy đủ trên website của TCT - mục Quan hệ nhà đầu tư theo đúng quy định.
D.8.3	Sự trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính năm có được thành viên HĐQT và/hoặc thành viên điều hành có thẩm quyền của công ty khẳng định ?	★	TCT đảm bảo tuân thủ. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán độc lập và ĐHCĐ thông qua, thể hiện tại Nghị quyết ĐHCĐ thường niên công bố trên website TCT.
D.9 Trang thông tin điện tử của công ty			
D.9.1	Báo cáo Tài chính (quý gần nhất)	★	Công bố đầy đủ trên website TCT - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.9.2	Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	★	TCT chủ động cung cấp thông tin của TCT tới các cơ quan báo chí, truyền thông cũng như cử chuyên gia trả lời phỏng vấn chuyên sâu/ gặp gỡ đối thoại trên truyền hình nhằm giải đáp câu hỏi, thắc mắc của báo chí về các chủ đề liên quan.
D.9.3	Báo cáo thường niên có thể được tải về	★	Công bố đầy đủ trên website TCT - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.9.4	Thông báo và tài liệu họp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	★	Công bố đầy đủ trên website TCT - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.9.5	Biên bản họp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	★	Công bố đầy đủ trên website TCT - mục Quan hệ nhà đầu tư.
D.9.6	Điều lệ công ty	★	Công bố đầy đủ trên website TCT - mục Quan hệ nhà đầu tư.

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Đánh giá	Cơ sở đánh giá
D.10	Quan hệ nhà đầu tư		
D.10.1	Công ty có công bố thông tin liên hệ (Ví dụ: số điện thoại, fax, và email) của cán bộ/bộ phận chịu trách nhiệm về quan hệ nhà đầu tư?	★	Công bố đầy đủ trên Báo cáo thường niên, Báo cáo phát triển bền vững cũng như trên website TCT - mục Quan hệ nhà đầu tư.
E	VAI TRÒ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
E.1	Vai trò của Hội đồng Quản trị		
	Trách nhiệm của HĐQT và quy chế quản trị công ty được xác định rõ ràng		
E.1.1	Công ty có công bố quy chế quản trị công ty/ điều lệ hoạt động của HĐQT?	★	Công bố đầy đủ trên website TCT - mục Quan hệ nhà đầu tư.
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai?	★	Công bố đầy đủ trên website TCT - mục Quan hệ nhà đầu tư.
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT có được quy định và công bố rõ ràng?	★	Công bố đầy đủ trên website TCT - mục Quan hệ nhà đầu tư.
	Tầm nhìn/sứ mệnh của công ty		
E.1.4	Công ty có công bố tầm nhìn và sứ mệnh được xem xét, cập nhật?	★	Tầm nhìn và sứ mệnh của TCT được cập nhật ngay khi có thay đổi và công bố trên BCTN và website TCT (mục Về chúng tôi).
E.1.5	Thành viên HĐQT có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của công ty ít nhất một năm?	★	Thể hiện tại các Báo cáo quản trị công ty cũng như Báo cáo của HĐQT nằm trong tài liệu họp ĐHĐCĐ, tất cả được công bố trên website TCT.
E.1.6	Thành viên HĐQT có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của công ty?	★	Thể hiện tại các Báo cáo quản trị công ty cũng như Báo cáo của HĐQT nằm trong tài liệu họp ĐHĐCĐ, tất cả được công bố trên website TCT.
E.2	Cơ cấu HĐQT		
	Quy tắc đạo đức hoặc ứng xử		
E.2.1	Chi tiết của Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử có được công bố công khai?	★	Bộ quy tắc ứng xử của TCT được công bố trên website của TCT - mục Về TCT.
E.2.2	Công ty có công bố về việc tất cả thành viên HĐQT, lãnh đạo cấp cao và nhân viên phải tuân thủ bộ quy tắc?	★	Thể hiện tại Bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của TCT được công bố trên website của TCT - mục Về TCT.
E.2.3	Công ty có công bố cách thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử?	★	Thể hiện tại Bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của TCT được công bố trên website của TCT - mục Về TCT.
	Cơ cấu HĐQT		
E.2.4	Thành viên độc lập HĐQT có chiếm ít nhất 50% tổng số thành viên HĐQT không?	X	TCT hiện có 1 thành viên HĐQT độc lập (chiếm 20%).

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Đánh giá	Cơ sở đánh giá
E.2.5	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm* đối với mỗi thành viên HĐQT độc lập? (*) Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi đưa ra Thẻ Điểm Quản trị Công ty ASEAN vào năm 2011	★	Nhiệm kỳ áp dụng đối với thành viên HĐQT độc lập được quy định cụ thể trong Điều lệ TCT, hiện tại Điều lệ TCT quy định thành viên HĐQT độc lập giữ chức vụ không quá 2 nhiệm kỳ liên tục (nhiệm kỳ 5 năm)
E.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác không?	★	Có quy định tại Điều lệ TCT, công bố trên website TCT.
E.2.7	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào phục vụ tại hơn 2 HĐQT của các công ty niêm yết ngoài tập đoàn?	★	Không phát sinh tại TCT.
	Tiểu ban nhân sự		
E.2.8	Công ty có Ủy ban bổ nhiệm hay không?	X	HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo dưới sự chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch HĐQT, không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.
E.2.9	Ủy ban bổ nhiệm có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?	X	HĐQT không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.
E.2.10	Chủ tịch của Ủy ban bổ nhiệm có phải là thành viên HĐQT độc lập?	X	HĐQT không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.
E.2.11	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Ủy ban bổ nhiệm?	X	HĐQT không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.
E.2.12	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Ủy ban bổ nhiệm có được công bố công khai, nếu có, Ủy ban bổ nhiệm có họp tối thiểu hai lần trong năm?	X	HĐQT không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.
	Tiểu ban Thù lao/ Lương thưởng		
E.2.13	Công ty có Ủy ban thù lao lương thưởng không?	X	HĐQT không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.
E.2.14	Ủy ban thù lao lương thưởng có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên/ ủy viên HĐQT độc lập?	X	HĐQT không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.
E.2.15	Chủ tịch của Ủy ban thù lao lương thưởng có phải là thành viên HĐQT độc lập?	X	HĐQT không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.
E.2.16	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Ủy ban thù lao lương thưởng?	X	HĐQT không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.
E.2.17	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Ủy ban thù lao lương thưởng có được công bố công khai, nếu có, Ủy ban thù lao lương thưởng có họp tối thiểu hai lần trong năm?	X	HĐQT không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Đánh giá	Cơ sở đánh giá
Tiểu ban Kiểm toán			
E.2.18	Công ty có Ủy ban kiểm toán không ?	X	HĐQT không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.
E.2.19	Ủy ban kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên/ủy viên HĐQT độc lập ?	X	HĐQT không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.
E.2.20	Chủ tịch của Ủy ban kiểm toán có phải là thành viên HĐQT độc lập ?	X	HĐQT không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.
E.2.21	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/ điều lệ của Ủy ban kiểm toán	X	HĐQT không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.
E.2.22	Tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập của Ủy ban kiểm toán có chuyên môn về kế toán không (trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm kế toán) ?	X	HĐQT không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.
E.2.23	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán có được công bố công khai, nếu có, ủy ban Kiểm toán có họp tối thiểu bốn lần trong năm	X	HĐQT không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.
E.2.24	Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập ?	X	HĐQT không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.
E.3 Quy trình HĐQT			
Họp và tham dự họp HĐQT			
E.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính ?	★	HĐQT có ban hành Chương trình làm việc năm của HĐQT.
E.3.2	Thành viên HĐQT có họp tối thiểu 6 lần trong năm	★	HĐQT họp định kỳ hàng tháng và công bố đầy đủ tại Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình quản trị website TCT - mục Quan hệ nhà đầu tư.
E.3.3	Mỗi thành viên HĐQT có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp HĐQT trong năm	★	Các thành viên HĐQT tham dự 100% các cuộc họp HĐQT, thể hiện tại Báo cáo quản trị (thuộc BCTN) - mục Hội đồng Quản trị.
E.3.4	Công ty có yêu cầu về số đại biểu tham dự tối thiểu phải đạt 2/3 số thành viên HĐQT đối với các cuộc họp cần ra quyết định của HĐQT ?	X	Công ty không yêu cầu về số đại biểu tham dự tối thiểu phải đạt 2/3 số thành viên HĐQT đối với các cuộc họp cần ra quyết định của HĐQT
E.3.5	Thành viên HĐQT không điều hành của công ty có họp riêng tối thiểu một lần trong năm mà không có mặt các thành viên điều hành ?	X	Đang nghiên cứu thực hiện
Tiếp cận thông tin			
E.3.6	Văn bản cho các cuộc họp HĐQT có được cung cấp cho HĐQT tối thiểu năm ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp HĐQT ?	★	Tài liệu phục vụ các cuộc họp HĐQT được gửi trước cho các thành viên HĐQT theo chương trình làm việc và quy chế nội bộ của HĐQT, bảo đảm tối thiểu 05 ngày làm việc trước cuộc họp, trừ trường hợp cần xử lý gấp theo quy định.

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Đánh giá	Cơ sở đánh giá
E.3.7	Thư ký công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm của mình ?	★	Công bố đầy đủ trên website TCT - mục Quan hệ nhà đầu tư.
E.3.8	Thư ký công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên ?	★	EVNGENCO3 đảm bảo yêu cầu.
Bổ nhiệm và tái cử thành viên HĐQT			
E.3.9	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên HĐQT mới ?	★	Quy chế bầu cử Thành viên HĐQT được công bố thông tin đầy đủ trên website
E.3.10	Công ty có mô tả quy trình được áp dụng trong việc bổ nhiệm thành viên HĐQT mới ?	★	Quy định trong Điều lệ và Quy chế bầu cử Thành viên HĐQT và công bố đầy đủ
E.3.11	Tất cả các thành viên HĐQT có được bầu lại tối thiểu 3 năm, hoặc 5 năm đối với công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ 5 năm* một lần ? (*) Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ty ASEAN vào năm 2011	★	Theo Điều lệ Công ty, TV HĐQT Công ty có nhiệm kỳ 05 năm, sau 05 năm sẽ thực hiện bầu lại
Các vấn đề thù lao			
E.3.12	Cổ đông hay HĐQT có thông qua thù lao của thành viên HĐQT điều hành và/hoặc lãnh đạo cấp cao ?	★	NQ ĐHCĐ thông qua thù lao của HĐQT
E.3.13	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên HĐQT điều hành hoặc ban điều hành với lợi ích lâu dài của công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại (Clawback provision, deffered bonus) ?	★	Quy định trong quy chế về công tác lao động - tiền lương của TCT
Kiểm toán Nội bộ			
E.3.14	Công ty có Bộ phận Kiểm toán Nội bộ riêng biệt ?	★	Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính thuộc HĐQT.
E.3.15	Trưởng Bộ phận Kiểm toán Nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của công ty thuê ngoài có được công bố công khai ?	★	Thông tin về Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính thuộc HĐQT được công bố trong Báo cáo thường niên, Báo cáo quản trị và trên website TCT theo quy định.
E.3.16	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm Kiểm toán Nội bộ có phải được Ủy ban kiểm toán thông qua ?	★	HĐQT không thành lập Ủy ban Kiểm toán thuộc HĐQT. Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm Kiểm toán Nội bộ được HĐQT thông qua.
Giám sát rủi ro			
E.3.17	Công ty có công bố Quy trình Kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro và định kỳ xem xét tính hiệu quả của hệ thống mà công ty đang thực hiện ?	★	Thể hiện tại Báo cáo thường niên, Báo cáo quản trị rủi ro và các quy chế nội bộ của TCT; đồng thời HĐQT định kỳ xem xét, giám sát hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Đánh giá	Cơ sở đánh giá
E.3.18	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có công bố rằng thành viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống quản lý rủi ro ?	★	Thể hiện tại Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty, trong đó HĐQT thực hiện rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu và hệ thống quản lý rủi ro của TCT.
E.3.19	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế) ?	★	Thể hiện tại Báo cáo thường niên - mục Báo cáo quản trị rủi ro.
E.3.20	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có trình bày tuyên bố của thành viên HĐQT hay Ủy ban Kiểm toán về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của công ty ?	★	Thể hiện tại Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty, trong đó HĐQT ghi nhận việc duy trì và giám sát tính đầy đủ, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của TCT.
Nhân sự trong HĐQT			
E.4 Chủ tịch HĐQT			
E.4.1	Hai người khác nhau đảm nhiệm vị trí chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc ?	★	Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc là hai cá nhân khác nhau, bảo đảm phân tách chức năng quản trị và điều hành theo thông lệ quản trị tốt.
E.4.2	Chủ tịch có phải là thành viên HĐQT độc lập ?	X	Chủ tịch HĐQT của TCT không phải là thành viên HĐQT độc lập.
E.4.3	Có bất kỳ thành viên HĐQT là nguyên Tổng Giám đốc của công ty trong 2 năm trước ?	★	Không có
E.4.4	Vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch có được công bố công khai ?	★	Vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch quy định tại Điều lệ TCT
Trưởng thành viên HĐQT độc lập			
E.4.5	Nếu chủ tịch không phải là thành viên HĐQT độc lập, HĐQT có bầu chọn Thành viên HĐQT độc lập cấp cao (Lead independent director) và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng ?	★	HĐQT có thành viên HĐQT độc lập thực hiện vai trò giám sát độc lập và tham gia phản biện các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT; vai trò, trách nhiệm của thành viên HĐQT độc lập được quy định tại Điều lệ và quy chế quản trị nội bộ của TCT.
Kỹ năng và năng lực			
E.4.6	Công ty có tối thiểu một thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm làm việc trước đó trong lĩnh vực chính mà công ty đang hoạt động ?	★	TCT có thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm trong lĩnh vực điện, năng lượng và quản trị doanh nghiệp, phù hợp với ngành nghề kinh doanh cốt lõi của TCT.
E.5 Hiệu quả HĐQT			
Phát triển thành viên HĐQT			
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới ?	★	TCT thực hiện chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới thông qua việc cung cấp tài liệu, Điều lệ, quy chế nội bộ, định hướng chiến lược và các nội dung quản trị trọng yếu để nhanh chóng tiếp cận công việc.

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Đánh giá	Cơ sở đánh giá
E.5.2	Công ty có chính sách và thực tế thực hiện các chương trình khuyến khích các thành viên HĐQT tham gia các khóa đào tạo chuyên môn thường xuyên hoặc liên tục không ?	★	Hàng năm, TCT tổ chức các khóa đào tạo CBQL theo khung chương trình đào tạo
Bổ nhiệm và Hiệu quả của Tổng Giám đốc/Ban Điều hành			
E.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí Tổng Giám đốc/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt ?	★	Hàng năm, Công ty thực hiện rà soát bổ sung quy hoạch cho chức vụ TGD
E.5.4	Thành viên HĐQT có thực hiện đánh giá hiệu quả hàng năm đối với Tổng Giám đốc/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt ?	★	Hàng năm, Công ty thực hiện nhận xét đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của TV HĐQT
Đánh giá HĐQT			
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá ?	★	Hàng năm, TCT thực hiện đánh giá đối với HĐQT và áp dụng các tiêu chí đánh giá theo quy chế nội bộ/quy chế cán bộ của TCT; kết quả được phản ánh trong công tác quản trị và điều hành.
Đánh giá thành viên HĐQT			
E.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với từng thành viên HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá ?	★	Hàng năm, TCT thực hiện nhận xét đánh giá đối với các TV HĐQT và có các tiêu chí đánh giá theo quy chế cán bộ của TCT
Đánh giá tiểu ban			
E.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với các Ủy ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá ?	X	Công ty không có Ủy ban thuộc HĐQT



CÂU HỎI CẤP 2 - ĐIỂM THƯỞNG VÀ PHẠT

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Đánh giá	Cơ sở đánh giá
THẺ ĐIỂM THƯỞNG			
(B)A. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG			
(B) A.1.1	Công ty có cho phép sử dụng biểu quyết vắng mặt bằng phương thức điện tử có đảm bảo tại đại hội cổ đông ?	★	TCT cho phép cổ đông vắng mặt thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức ủy quyền hợp lệ theo Điều lệ và Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ; đồng thời từng bước nghiên cứu ứng dụng phương thức điện tử phù hợp với quy định pháp luật.
(B)B. ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG VỚI CỔ ĐÔNG			
(B) B.1.1	Công ty có ra thông báo về ĐHĐCĐ (có chương trình chi tiết và thông báo giải thích), như thông báo cho Sở Giao dịch, tối thiểu 28 ngày trước ngày họp ?	★	Công ty thực hiện thông báo theo quy định
(B)C. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ BỀN BỈ			
(B) C.1.1	Cách thức quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan đến biến đổi khí hậu có được công bố không ?	★	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững và Báo cáo quản trị rủi ro, trong đó TCT công bố các rủi ro, cơ hội liên quan đến biến đổi khí hậu và định hướng quản lý tương ứng.
(B) C.1.3	Công ty có công bố kênh tương tác/đối thoại với các nhóm bên hữu quan và cách công ty phản hồi các mối quan ngại về ESG của các bên hữu quan không ?	★	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững - mục Gắn kết với các bên liên quan, trong đó TCT công bố các kênh tiếp nhận, đối thoại và phương thức phản hồi các mối quan ngại liên quan đến ESG.
(B) C.1.4	Công ty có thành lập một đơn vị/bộ phận/ủy ban chịu trách nhiệm giám sát/quản lý các vấn đề quản trị bền vững không ?	★	TCT phân công các đơn vị chuyên môn phối hợp tham mưu, triển khai và giám sát các nội dung phát triển bền vững; các nội dung trọng yếu được Tổng Giám đốc và HĐQT trực tiếp rà soát, chỉ đạo.
(B) C.1.5	Công ty có công bố các hoạt động giám sát của thành viên HĐQT đối với việc quản trị các rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững không ?	★	Thể hiện tại Báo cáo phát triển bền vững và Báo cáo quản trị, trong đó TCT công bố vai trò giám sát, rà soát của HĐQT đối với các vấn đề phát triển bền vững trọng yếu.

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Đánh giá	Cơ sở đánh giá
(B)D. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH			
(B) D.1.1	Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính ?	★	Theo khoản 1 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC TCT thực hiện công bố Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán, nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
(B)E. TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
(B) E.2.2	Ủy ban bổ nhiệm có thực hiện quy trình xây dựng tiêu chí chất lượng các thành viên HĐQT phù hợp với định hướng chiến lược của công ty ?	x	Công ty không có Ủy ban bổ nhiệm
(B) E.5.1	HĐQT có mô tả quy trình quản trị về vấn đề liên quan công nghệ thông tin như gián đoạn, an ninh mạng, khôi phục thảm họa, để đảm bảo rằng tất cả các rủi ro chính được xác định, quản lý và tích hợp vào khung quản trị rủi ro chung của ngân hàng ?	★	TCT thực hiện quản trị rủi ro công nghệ thông tin trong tổng thể khung quản trị rủi ro, bao gồm các nội dung về an toàn thông tin, gián đoạn hoạt động và khôi phục hệ thống, phù hợp với đặc thù hoạt động của doanh nghiệp điện lực.
(B) E.6.1	Công ty có Ủy ban Quản lý Rủi ro riêng biệt ?	x	Công ty chưa thành lập Ủy ban Quản lý Rủi ro riêng biệt; chức năng giám sát rủi ro hiện được thực hiện thông qua HĐQT, Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính cùng các đơn vị chuyên môn theo quy chế quản trị và quản lý rủi ro của TCT.
THẺ ĐIỂM PHẠT			
(P)A. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG			
(P) A.1.1	Công ty không hoặc sơ suất không đối xử công bằng đối với việc mua lại cổ phần đối với tất cả các cổ đông ?	★	Không có. TCT luôn đối xử công bằng đối với tất cả các Cổ đông.
(P) A.2.1	Có bằng chứng gì về rào cản đối với việc cổ đông không được trao đổi thông tin hoặc tham khảo ý kiến các cổ đông khác ?	★	Không có.
Cổ đông có quyền tham gia:			
(P) A.2.2	Sửa đổi điều lệ công ty	★	Việc sửa đổi Điều lệ của TCT đều lấy kiến cổ đông theo quy định

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Đánh giá	Cơ sở đánh giá
(P) A.2.3	Việc ủy quyền phát hành thêm cổ phiếu ?	★	Việc phát hành thêm cổ phiếu và các nội dung ủy quyền có liên quan đều được trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ TCT.
(P) A.2.4	Việc chuyển nhượng toàn bộ hoặc phần lớn tài sản, dẫn đến việc bán công ty ?	★	Các giao dịch chuyển nhượng toàn bộ hoặc phần lớn tài sản, nếu phát sinh, đều thuộc thẩm quyền xem xét và thông qua của ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật và Điều lệ TCT.
(P) A.3.1	Công ty có đưa nội dung bổ sung và không được thông báo trước trong chương trình nghị sự vào thông báo ĐHĐCĐ/ĐHĐCĐ bất thường ?	★	Không có. Tất cả nội dung chương trình họp đều có công bố trước ngày họp theo quy định.
(P) A.3.2	Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch các Ủy ban và Tổng Giám đốc có vắng mặt trong kỳ ĐHĐCĐ gần đây nhất không ?	★	Không có. Tất cả thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc đều tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2025.
Công ty không công bố sự tồn tại của:			
(P) A.4.1	Thỏa thuận cổ đông ?	★	Không có/không phát sinh thỏa thuận cổ đông cần công bố.
(P) A.4.2	Giới hạn biểu quyết ?	★	Không có giới hạn biểu quyết ngoài các trường hợp được pháp luật và Điều lệ TCT quy định.
(P) A.4.3	Cổ phiếu nhiều quyền biểu quyết ?	★	Không có. TCT chỉ có cổ phiếu phổ thông, mỗi cổ phiếu phổ thông có một quyền biểu quyết.
(P) A.5.1	Cấu trúc sở hữu kim tự tháp và/hoặc cấu trúc sở hữu chéo có tồn tại không ?	★	Không phát sinh cấu trúc sở hữu kim tự tháp và/hoặc sở hữu chéo cần công bố tại TCT.
(P)B. ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG VỚI CỔ ĐÔNG			
(B) D.1.1	Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính ?		Theo khoản 1 Điều 10 Thông tư 96 thay vì quy chế nội bộ, TCT thực hiện công bố Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán, nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
(B)E. TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Đánh giá	Cơ sở đánh giá
(P) B.1.1	Công ty có bị kết luận vi phạm nào về giao dịch nội gián liên quan đến thành viên HĐQT, Ban điều hành và nhân viên công ty trong ba năm qua ?	★	Không có.
(P) B.1.2	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết ?	★	Được quy định rõ ràng trong Điều lệ TCT
(P) B.2.1	Có trường hợp nào không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến giao dịch bên liên quan đáng kể hoặc trọng yếu trong ba năm trước không ?	★	Không có.
(P) B.2.2	Có bất kỳ giao dịch bên liên quan nào có thể được phân loại là hỗ trợ tài chính (nghĩa là không được thực hiện hợp lý trên cơ sở thị trường) cho các đơn vị không phải là công ty con ?	★	Không có. Các giao dịch bên liên quan được thực hiện theo quy định pháp luật và trên cơ sở phù hợp, minh bạch.
(P) B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài ?	★	TCT có quy định cấm thành viên HĐQT, Ban điều hành và người lao động sử dụng thông tin nội bộ/chưa công bố để trục lợi, đồng thời yêu cầu công bố thông tin và giao dịch chứng khoán theo đúng quy định.
(P) B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty không ?	★	TCT có quy định yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích liên quan và không tham gia biểu quyết đối với các giao dịch có xung đột lợi ích theo Điều lệ và quy định nội bộ.
(P)C. VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN			
(P) C.1.1	Có vi phạm pháp luật nào liên quan đến các vấn đề lao động/việc làm/khách hàng/phá sản/thương mại/cạnh tranh hoặc môi trường không ?	★	Không có vi phạm trọng yếu được ghi nhận.
(P) C.2.1	Công ty có phải chịu bất kỳ hình phạt nào của cơ quan quản lý vì đã không công bố thông tin trong khoảng thời gian được yêu cầu đối với các sự kiện trọng yếu ?	★	Không có.
(P) C.2.2	Có bằng chứng nào cho thấy công ty đang tham gia vào các hoạt động quảng cáo xanh (greenwashing) không ?	★	Không có. Các nội dung công bố về phát triển bền vững được thực hiện trên cơ sở số liệu và thông tin quản trị được rà soát.
(B)D. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH			
(P) D.1.1	Công ty có nhận được “ý kiến loại trừ” trong Báo cáo kiểm toán độc lập ?	★	Không có.
(P) D.1.2	Công ty có nhận được “ý kiến bất lợi” trong Báo cáo kiểm toán độc lập ?	★	Không có.
(P) D.1.3	Công ty có nhận được “từ chối đưa ra ý kiến” trong Báo cáo kiểm toán độc lập ?	★	Không có.

STT	Tiêu chí Thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN	Đánh giá	Cơ sở đánh giá
(P) D.1.4	Công ty có sửa đổi Báo cáo Tài chính trong năm vừa qua vì những lý do khác với lý do thay đổi trong chính sách kế toán ?	★	Không có.
(P) D.2.6	Thông tin chi tiết về việc tham dự của thành viên HĐQT trong tất cả các cuộc họp HĐQT được tổ chức trong năm	★	Thông tin chi tiết về việc tham dự của từng thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT được công bố tại Báo cáo quản trị/Báo cáo thường niên của TCT.
(P)E. TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
(P) E.1.1	Có bằng chứng gì là công ty đã không tuân thủ quy tắc và quy định nào về niêm yết trong năm qua ngoài các quy định về công bố thông tin ?	★	Không có.
(P) E.1.2	Có trường hợp nào mà thành viên HĐQT không điều hành đã từ nhiệm và nêu ra bất kỳ lo ngại nào liên quan đến quản trị	★	Không có.
(P) E.2.1	Công ty có thành viên HĐQT độc lập nào đã phục vụ hơn 9 năm hay hai nhiệm kỳ 5 năm* (chọn trường hợp nào cao hơn) với cùng chức trách ? (*) Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011	★	Không có. TCT thực hiện giới hạn nhiệm kỳ đối với thành viên HĐQT độc lập theo Điều lệ.
(P) E.2.2	Công ty đã không xác định rõ ai là thành viên HĐQT độc lập ?	★	Không có. TCT xác định rõ thành viên HĐQT độc lập trong cơ cấu HĐQT và công bố theo quy định.
(P) E.2.3	Công ty có bất kỳ thành viên HĐQT độc lập nào giữ vai trò quản trị ở tổng cộng hơn 5 HĐQT của các công ty đại chúng ?	★	Không phát sinh.
(P) E.3.1	(Trong hai năm trước) Có thành viên HĐQT hay lãnh đạo điều hành cấp cao nào từng là nhân viên hoặc thành viên hợp danh của công ty kiểm toán độc lập hiện tại ?	★	Không có.
(P) E.4.1	Chủ tịch HĐQT có phải là Tổng Giám đốc của công ty trong 3 năm qua không ?	★	Không có. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc là hai chức danh do hai cá nhân khác nhau đảm nhiệm.
(P) E.4.2	Các thành viên độc lập không điều hành có được nhận các quyền chọn mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng không ?	★	Không có.





CHƯƠNG 6

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tổng quan báo cáo PTBV	124
Chiến lược Phát triển bền vững	126
Quản trị Phát triển bền vững	131
Gắn kết với các bên liên quan	132
Lĩnh vực trọng yếu	134
Mục lục GRI	150

TỔNG QUAN BÁO CÁO PTBV

Báo cáo Phát triển bền vững của EVNGENCO3 được lập định kỳ hằng năm nhằm cung cấp và công bố các thông tin chính thức về mục tiêu, định hướng chiến lược và các hoạt động phát triển bền vững mà Tổng Công ty đã triển khai trong năm báo cáo. Thông qua đó, EVNGENCO3 đánh giá mức độ thực hiện các cam kết phát triển bền vững, đồng thời làm cơ sở xây dựng và điều chỉnh kế hoạch hoạt động cho các niên độ tài chính tiếp theo.

Báo cáo Phát triển bền vững còn đóng vai trò là cầu nối tin cậy giữa EVNGENCO3 và các bên liên quan thông qua việc công bố thông tin một cách công khai, minh bạch, qua đó góp phần gia tăng niềm tin, củng cố uy tín và thể hiện cam kết mạnh mẽ của Tổng Công ty trong việc đồng hành cùng các bên liên quan hướng tới mục tiêu phát triển bền vững lâu dài.

1. TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025 của Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP (EVNGENCO3) được lập trên cơ sở áp dụng Bộ Tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển bền vững của GRI (GRI Sustainability Reporting Standards) do Hội đồng Tiêu chuẩn Phát triển bền vững Toàn cầu (Global Sustainability Standards Board – GSSB) ban hành năm 2016 và được cập nhật, điều chỉnh vào năm 2021. Báo cáo được lập phù hợp với Tiêu chuẩn GRI theo tùy chọn “Cốt lõi” (Core option).

Bên cạnh đó, EVNGENCO3 cũng thực hiện quy chiếu và liên kết các kết quả hoạt động của Tổng Công ty với 17 Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (Sustainable Development Goals – SDGs), qua đó cung cấp cái nhìn tổng thể và toàn diện về những đóng góp của EVNGENCO3 đối với tiến trình phát triển bền vững tại Việt Nam.

2. PHẠM VI BÁO CÁO

Phạm vi báo cáo bao gồm các đơn vị trong Công ty mẹ EVNGENCO3, tập trung vào các lĩnh vực hoạt động chính như sản xuất điện, quản lý vận hành nhà máy điện, quản trị doanh nghiệp, bảo vệ môi trường, an toàn – sức khỏe nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và phát triển nguồn nhân lực.

3. KỲ BÁO CÁO

Thông tin và dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2025 của Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP, bắt đầu từ ngày 01/01/2025 và kết thúc ngày 31/12/2025.

4. ĐẢM BẢO BÁO CÁO BỞI BÊN THỨ BA

Đối với Báo cáo Phát triển bền vững năm 2025, EVNGENCO3 chưa thực hiện đảm bảo độc lập bên ngoài đối với toàn bộ nội dung báo cáo. Tuy nhiên, Tổng Công ty luôn chú trọng đảm bảo tính chính xác, rõ ràng, nhất quán và khả năng kiểm chứng của các thông tin được công bố trong Báo cáo thông qua các cơ chế kiểm soát nội bộ và sự xác nhận của các tổ chức có thẩm quyền trong và ngoài nước, cụ thể như sau:

Báo cáo tài chính của EVNGENCO3 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.

Kết quả quan trắc môi trường, đánh giá sản phẩm và nguyên vật liệu, an toàn lao động, đánh giá tuân thủ luật pháp... đều được thực hiện bởi các cơ quan có đủ năng lực của nhà nước hoặc được các cơ quan quản lý chỉ định và cấp phép, được các cơ quan quản lý kiểm tra định kỳ.

5. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Mọi ý kiến đóng góp liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, vui lòng gửi về địa chỉ website: <https://www.GENCO3.com/> (Mục liên hệ)



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

Trong suốt quá trình phát triển, EVNGENCO3 luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững ở vị trí chiến lược cùng mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Chúng tôi định hướng trở thành một đơn vị sản xuất điện đa dạng các loại hình từ năng lượng truyền thống đến năng lượng tái tạo, cân bằng hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp, sự bền vững của môi trường và sự thịnh vượng của cộng đồng, xã hội.

Phát triển bền vững vừa là trọng tâm cũng là thách thức của Tổng Công ty. Chúng tôi xác định phát triển bền vững dựa trên 03 trụ cột chính:

ĐẢM BẢO SẢN XUẤT ĐIỆN AN TOÀN - LIÊN TỤC - KINH TẾ

Duy trì hoạt động sản xuất điện ổn định, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia; Phát triển nguồn điện sạch mới theo chương trình chuyển dịch năng lượng của Chính phủ.

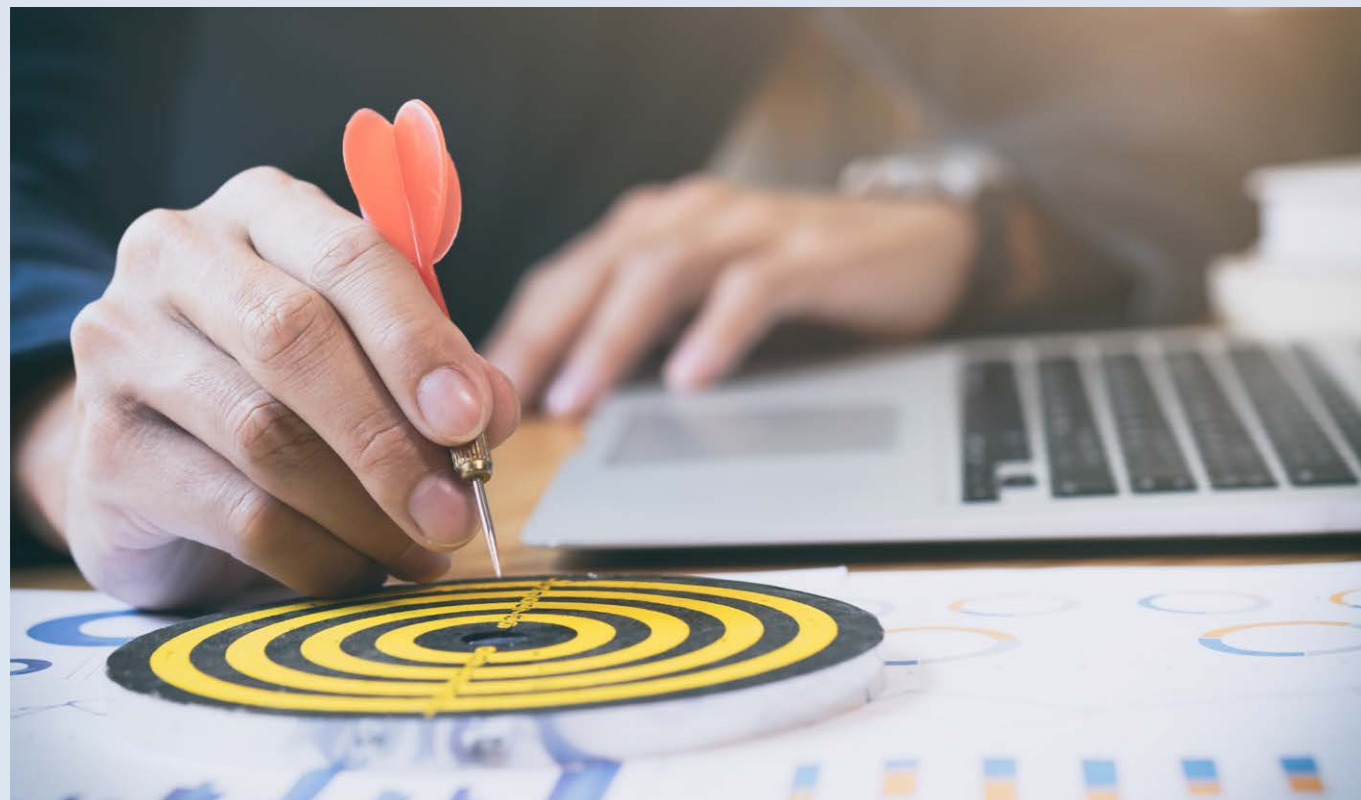
PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỀN VỮNG

Xây dựng đội ngũ nhân lực với tiêu chí “**Tâm - Trí - Lực**” đáp ứng yêu cầu phát triển trong tương lai.

TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các quy định về đảm bảo môi trường.

Theo đó, các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty được triển khai nhằm đáp ứng chiến lược phát triển bền vững theo các tiêu chí **ESG (Environment - Môi trường, Social - Xã hội, Governance - Quản trị doanh nghiệp)**. Chúng tôi luôn nỗ lực xây dựng môi trường làm việc lý tưởng, nơi mà mỗi nhân viên có thể tìm thấy động lực và tận tâm cống hiến, gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển con người, hướng đến các giải pháp dành cho môi trường, quan tâm đến cộng đồng và thực hiện quản trị doanh nghiệp theo những thông lệ quốc tế tốt nhất, đóng góp thiết thực vào tiến trình hội nhập và phát triển của ngành điện và đất nước.



2. CÁC CHỈ SỐ PTBV NỔI BẬT 2025

PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG

Duy trì hoạt động sản xuất điện ổn định, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia; Phát triển nguồn điện sạch mới theo chương trình chuyển dịch năng lượng của Chính phủ.

Tổng doanh thu: **44.130 tỷ đồng**

Nộp NSNN: **1.118 tỷ đồng**

Phục vụ công tác ASXH khoảng: **17,8 tỷ đồng**

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC HẠNH PHÚC

Xây dựng môi trường làm việc hạnh phúc trên 03 yếu tố: **Tâm - Trí - Lực**

Duy trì các chính sách, chế độ phúc lợi CBNV: bảo hiểm sức khỏe, bố trí nhà ở/hỗ trợ tiền thuê nhà, hỗ trợ thai sản, nuôi con nhỏ, xe đưa rước, chính sách làm việc linh hoạt...

Đẩy mạnh đào tạo, nâng cao chất lượng nhân lực: đào tạo kỹ thuật chuyên sâu tại nước ngoài, tăng cường đào tạo nội bộ,...

Tổ chức giải chạy thường niên để gắn kết, nâng cao sức khỏe cho NLD, hội thảo cấp TCT, tiếp tục hoạt động các CLB thể thao,...

Xây dựng, nâng cấp các khu thể dục, thể thao các đơn vị, với tổng chi phí là 10,3 tỷ đồng.

HÀNH ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG

Đảng ủy chỉ đạo TCT, các đoàn thể chủ động thực hiện nhiều hoạt động ASXH trên cả nước, thể hiện trách nhiệm với xã hội và cộng đồng trên tinh thần phù hợp với điều kiện thực tế, tiêu biểu như:

- Tiếp tục triển khai Chương trình “**Học đường niềm tin**”, hỗ trợ chăm lo cho 44 học sinh mồ côi cha mẹ do Covid-19.
- Xây dựng 09 căn nhà tình thương, tình nghĩa, nhà đại đoàn kết và Mái ấm yêu thương, đóng góp kinh phí thực hiện chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát theo vận động của Chính phủ.
- Thực hiện chương trình bê tông hóa đường giao thông nông thôn bằng tro, xỉ, thực hiện các chương trình thấp sáng đường quê bằng đèn năng lượng mặt trời, tổ chức đóng góp.
- Tổ chức vận động hiến máu nhân đạo...
- Đặc biệt là sau các đợt bão số 10, 11, 12, 13 và đợt mưa lũ lịch sử từ ngày 15-22/11/2025, TCT đã huy động lực lượng từ cơ quan và nhiều đơn vị trực thuộc để triển khai hỗ trợ khẩn cấp cho các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên.
- Các hoạt động bao gồm đóng góp kinh phí cho địa phương, sửa chữa hệ thống điện, hỗ trợ tái thiết cơ sở hạ tầng, thăm hỏi, trao quà an sinh cho người dân bị thiệt hại... Tổng kinh phí thực hiện ASXH năm 2025 là 17,8 tỷ đồng.

3. HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA TỔNG CÔNG TY VỚI CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LIÊN HỢP QUỐC

Hướng đến mục tiêu Phát triển bền vững trên mọi mặt của các phương diện về kinh tế, xã hội và môi trường, trong năm 2025, EVNGENCO3 đã phát triển và đạt một số thành tựu gắn liền với mục tiêu cụ thể của Tổng Công ty cũng như 17 mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc như sau:

STT	MỤC TIÊU PTBV CỦA LIÊN HỢP QUỐC	CAM KẾT VÀ THỰC HIỆN CỦA EVNGENCO3 TRONG NĂM 2025
	Xoá nghèo	- Hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương
	Xoá đói	- Thực hiện quy trình sản xuất bền vững, hỗ trợ sinh kế cho cộng đồng địa phương - Tổng kinh phí cho các hoạt động ASXH năm 2025 là 17,8 tỷ đồng
	Sức khỏe tốt và cuộc sống hạnh phúc	- Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho tất cả CBCNV trong Công ty, xây dựng môi trường làm việc hạnh phúc nơi CBCNV có thể gắn kết, tận tâm cống hiến - Hàng năm đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV. Năm 2025, chi phí Bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe cho CBCNV là 17,62 tỷ đồng; Chi phí thực hiện đảm bảo an toàn lao động: 1,09 tỷ đồng
	Giáo dục có chất lượng	- Tập trung đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, phẩm chất tốt, đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của ngành năng lượng điện trong bối cảnh mới - Trong năm 2025, TCT đã triển khai công tác đào tạo đạt 106% so với KH EVN giao (13.321/12.624 lượt người); đào tạo E-learning với 81.068 lượt, tương ứng 29 lượt/CBCNV; Đảm bảo tối thiểu 40h đào tạo/năm/CBCNV.
	Bình đẳng giới	- EVNGENCO3 tích cực thực hiện bình đẳng thực chất về giới, cụ thể: + 100% nữ CBCNV quay lại làm việc sau kỳ nghỉ thai sản. + Không phân biệt giới tính trong việc thực hiện các chế độ chính sách về tuyển dụng, đào tạo, chi trả lương, bổ nhiệm.
	Nước sạch và vệ sinh	- Sử dụng nguồn nước hiệu quả và có trách nhiệm. - 100% nước thải được xử lý thông qua hệ thống xử lý nước thải đáp ứng quy chuẩn môi trường hiện hành và đảm bảo phù hợp với hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 xả ra nguồn tiếp nhận.
	Năng lượng sạch với giá thành hợp lý	- EVNGENCO3 là nhà sản xuất điện quy mô lớn của Việt Nam với tổng công suất đến ngày 31/12/2025 xấp xỉ 6.579MW với nhiều loại hình phát điện (Nhiệt điện khí, Nhiệt điện than, Thủy điện, Điện mặt trời). - Sản lượng điện (SLĐ) sản xuất năm 2025 của EVNGENCO3 (bao gồm các đơn vị hạch toán phụ thuộc và các đơn vị EVNGENCO3 có cử người đại diện) đạt 26,754 tỷ kWh - Các NMD tham gia chào giá trên thị trường điện cạnh tranh với giá bán điện bình quân năm 2025 của EVNGENCO3 (chỉ bao gồm các NMD HTPT, đã bao gồm các loại phí thuế, chưa VAT) là 1.694,95 đồng/kWh.
	Việc làm bền vững và tăng trưởng kinh tế	- Doanh thu sản xuất điện (hợp nhất): 44.130 tỷ đồng - Lợi nhuận trước thuế (hợp nhất): 5.088 tỷ đồng - Nộp ngân sách nhà nước (hợp nhất): 1.118 tỷ đồng - Đảm bảo việc làm cho người lao động

	Công nghiệp, đổi mới và cơ sở hạ tầng	- Trong giai đoạn 2021-2025, EVNGENCO3 tập trung thực hiện kế hoạch chuyển đổi số trên các lĩnh vực quản trị, quản lý kỹ thuật, đầu tư xây dựng, quản lý dự án, công nghệ thông tin và viễn thông. Tiêu biểu như ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để khai thác kho dữ liệu tập trung, phân tích trích xuất thông tin tự động; Xây dựng hệ thống quản lý công tác vận hành - sửa chữa các Nhà máy điện trên thiết bị Mobile; Hoàn thiện hệ thống quan trắc thủy văn, kết hợp bản tin dự báo thời tiết các lưu vực và ứng dụng AI phục vụ cho công tác quản lý vận hành các hồ chứa, nhà máy và cảnh báo lũ cho vùng hạ du các Nhà máy Thủy điện. Đồng thời, tăng cường các giải pháp an ninh bảo mật trong điều kiện các hoạt động công tác của Tổng Công ty diễn ra trên môi trường mạng...
	Giảm bất bình đẳng	- Không có khiếu nại về bất bình đẳng - Không có khiếu nại về phân biệt đối xử - Không lao động cưỡng bức, không lao động trẻ em - Đảm bảo việc làm, cải thiện điều kiện lao động, nâng cao trình độ nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe, tăng cường phúc lợi cho lao động là nữ giới
	Các thành phố và cộng đồng bền vững	- Sở hữu hệ thống nhà máy điện vận hành an toàn, ổn định, đáp ứng nhu cầu điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước - Mỗi năm các nhà máy điện của EVNGENCO3 cung cấp sản lượng điện hàng năm bình quân khoảng 26 - 27 tỷ kWh trên toàn lãnh thổ Việt Nam - Không có tác động đáng kể nào ảnh hưởng đến môi trường sống của cộng đồng
	Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm	- Áp dụng quy trình sản xuất bền vững, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh - Tất các nguồn chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đều được quản lý, thu gom, lưu giữ, xử lý đạt yêu cầu theo các quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường, các quy định của pháp luật hiện hành
	Ứng phó với biến đổi khí hậu	- EVNGENCO3 đã và đang triển khai thực thi các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực biến đổi khí hậu, như kiểm soát chặt chẽ và nâng cao chất lượng nhiên liệu đầu vào, thực hiện các giải pháp kỹ thuật để tối ưu hóa các quá trình sản xuất, hạn chế tối đa lưu lượng khói thải phát thải cũng như nồng độ các chất khí gây ô nhiễm, các khí gây hiệu ứng nhà kính - EVNGENCO3 đã xây dựng định hướng phát triển Sản xuất kinh doanh và Đầu tư xây dựng giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo cam kết COP26, lộ trình chuyển dịch cơ cấu nguồn năng lượng, chuyển đổi nhiên liệu vận hành, tham gia đầu tư các dự án thủy điện, năng lượng tái tạo - EVNGENCO3 đang hoàn chỉnh báo cáo kiểm kê khí nhà kính và triển khai thực hiện theo lộ trình

Đời sống dưới nước	<p>EVNGENCO3 sử dụng nước biển/nước sông để làm mát máy móc thiết bị, xử lý khói thải và sản xuất nước biển thành nước ngọt để phục vụ vận hành sản xuất điện của NMNĐ Vĩnh Tân 2. Nước làm mát không tiếp xúc trực tiếp với máy móc thiết bị, không sử dụng hóa chất độc hại, sau khi làm mát được đưa trở lại nguồn khai thác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng nước biển tại cầu cảng được kiểm soát định kỳ hàng quý. Hoàn toàn không có việc khai thác nguồn lợi biển - Trong những năm qua, rất nhiều loài thủy hải sản đã vào khu vực cầu cảng, kênh nước của NMNĐ Vĩnh Tân 2 sinh sống, phát triển; đặc biệt là các loài san hô với nhiều màu sắc sặc sỡ đã sinh sôi, phát triển tại chân cầu cảng Nhà máy. Điều này chứng tỏ chất lượng nước biển tại khu vực này được bảo vệ nghiêm và duy trì tốt.
Đời sống trên cạn	<ul style="list-style-type: none"> - Tại các nhà máy điện, cảnh quan cây xanh luôn chăm sóc, cải tạo, tăng diện tích phủ xanh và hình thành môi trường xung quanh xanh, sạch, đẹp - Rừng phòng hộ hoặc rừng nguyên sinh tại khu vực lân cận được bảo vệ tuyệt đối, đảm bảo nguyên trạng - Không có bất kỳ sự tác động nào làm thay đổi hiện trạng môi trường đất, không khí, hệ sinh thái trên cạn hoặc làm mất đa dạng sinh học
Hòa bình, công lý và thể chế hiệu quả	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành Thỏa ước lao động tập thể, định kỳ tổ chức Hội nghị NLD nhằm lắng nghe, giải quyết những kiến nghị, tâm tư nguyện vọng chính đáng của NLD - Tham gia ủng hộ các chính sách và hoạt động của Chính phủ và các tổ chức có liên quan nhằm thúc đẩy xã hội hòa bình, dân chủ, công bằng, bình đẳng, văn minh vì sự phát triển bền vững - Hỗ trợ và đồng hành cùng Chính phủ hướng đến 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc
Hợp tác đạt mục tiêu	Tăng cường quan hệ, hợp tác với nhiều tổ chức trong nước và quốc tế



QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quản trị phát triển bền vững được EVNGENCO3 xác định là trọng tâm xuyên suốt trong mọi hoạt động quản trị và vận hành của Tổng Công ty. Trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật có liên quan, kết hợp với việc tham chiếu các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp, EVNGENCO3 không ngừng hoàn thiện cơ cấu quản trị theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả.

Nguyên tắc quản trị cao nhất của Tổng Công ty là tạo ra giá trị bền vững cho cổ đông, đồng thời hài hòa các mục tiêu phát triển kinh tế với trách nhiệm đối với xã hội và môi trường. Thông qua việc tích hợp các yếu tố phát triển bền vững vào hệ thống quản trị và quá trình ra quyết định, EVNGENCO3 hướng tới nâng cao hiệu quả hoạt động và củng cố niềm tin của các bên liên quan trong dài hạn.

2. CƠ CẤU QUẢN TRỊ

Trách nhiệm của Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất và có quyền quyết định những vấn đề trọng yếu và quan trọng của EVNGENCO3.

Hội đồng Quản trị

Là cơ quan quản lý EVNGENCO3, có toàn quyền nhân danh EVNGENCO3 để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của EVNGENCO3, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHQĐ. Hội đồng Quản trị có vai trò định hướng chiến lược chung và thông qua các mục tiêu chính yếu về kế hoạch phát triển bền vững; cam kết phục vụ vì lợi ích của cổ đông để đạt được sự tăng trưởng bền vững về giá trị công ty. Đồng thời, chịu trách nhiệm toàn bộ về các chính sách và mục tiêu phát triển bền vững của Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc

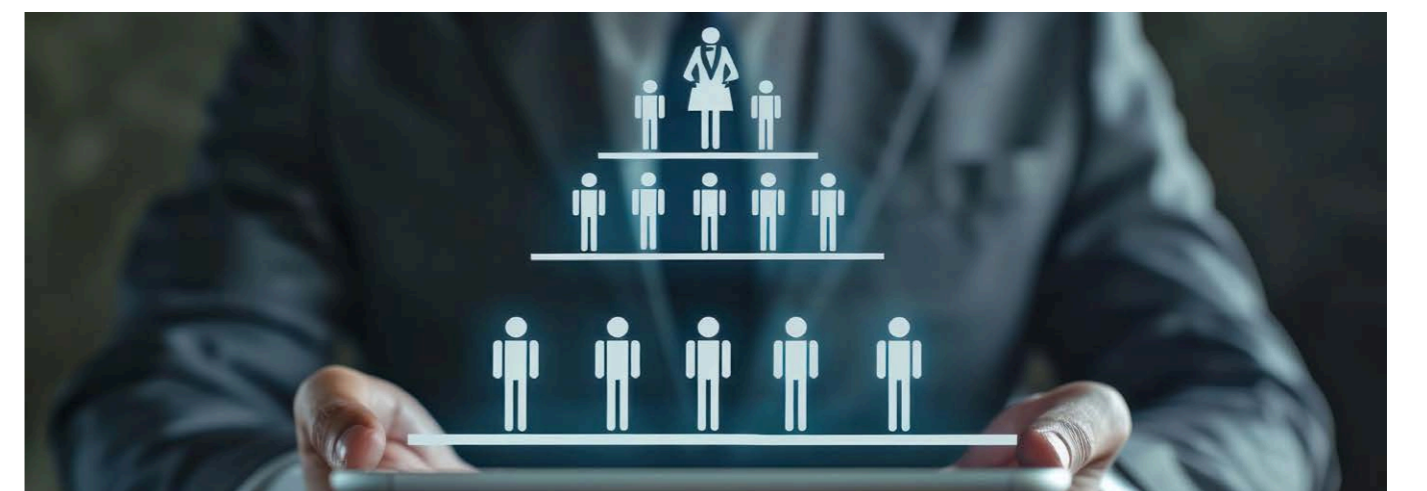
Phụ trách điều hành công việc kinh doanh của Tổng Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Đồng thời, đảm nhiệm vai trò triển khai một cách có hệ thống cả cơ hội và rủi ro của hoạt động kinh doanh trong các chiến lược, quy trình và hệ thống quản lý và đảm bảo các mục tiêu về phát triển bền vững của Tổng Công ty.

Ban Kiểm soát

Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông và cổ đông của Tổng Công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời, Ban Kiểm soát có nhiệm vụ tư vấn cho Hội đồng Quản trị về các chiến lược, mục tiêu kinh doanh và phát triển bền vững. Truyền thông các mục tiêu, kế hoạch chi tiết cho các Đơn vị thành viên/Ban chức năng và tổ chức triển khai, kiến nghị điều chỉnh để đảm bảo các mục tiêu đã đề ra.

Các đơn vị thành viên và các Ban

Có nhiệm vụ triển khai thực hiện kế hoạch phát triển bền vững theo định hướng của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị. Đồng thời, có trách nhiệm thường xuyên tuyên báo cáo, phân tích các vấn đề phát sinh để đề xuất chương trình, mục tiêu phát triển bền vững phù hợp.



GẮN KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

EVNGENCO3 xác định việc gắn kết hiệu quả với các bên liên quan là yếu tố quan trọng, góp phần hỗ trợ quá trình hoạt động và phát triển bền vững của Tổng Công ty. Trên cơ sở đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan, tuân thủ và thượng tôn pháp luật, EVNGENCO3 xây dựng và duy trì các mối quan hệ hợp tác dựa trên tinh thần tôn trọng, minh bạch, thấu hiểu và đồng hành lâu dài.

Theo đó, các bên liên quan được EVNGENCO3 xác định bao gồm:

- I. Cổ đông/NĐT
- II. Đối tác mua bán điện
- III. Đối tác triển khai dự án
- IV. Cơ quan Nhà nước
- V. Cộng đồng Xã hội
- VI. Người lao động

Trong mối quan hệ tương tác hai chiều, mỗi nhóm bên liên quan có những mối quan tâm, kỳ vọng và mức độ ảnh hưởng khác nhau đối với hoạt động của EVNGENCO3; đồng thời, các hoạt động của Tổng Công ty cũng tạo ra những tác động khác nhau đến từng nhóm bên liên quan. Do đó, các chiến lược, chính sách và hoạt động của EVNGENCO3 được xây dựng và triển khai không chỉ phù hợp với điều kiện thực tiễn, mà còn nhằm đáp ứng và cân bằng các mối quan tâm, kỳ vọng chính đáng của các bên liên quan, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và hướng tới phát triển bền vững trong dài hạn

Các bên Liên quan	Các mối quan tâm	Phương pháp tiếp cận	Hành động của EVNGENCO3
Cổ đông - Nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; Đảm bảo thông tin công khai, minh bạch và được cung cấp kịp thời; Ổn định và gia tăng giá trị của doanh nghiệp và giá trị cổ phiếu trên sàn chứng khoán; Đối xử bình đẳng, đảm bảo quyền lợi cổ đông, nhà đầu tư 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường theo luật định. Tiếp nhận, trao đổi qua email, điện thoại, fax... Hợp định kỳ hàng năm tổng kết, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty để cổ đông và nhà đầu tư nắm rõ thông tin. Công bố thông tin trên website của Tổng Công ty. Tham gia các diễn đàn, hội thảo nhà đầu tư nhằm chia sẻ thông tin, cơ hội đầu tư 	<ul style="list-style-type: none"> Luôn ý thức thực hiện đầy đủ các thủ tục công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính nhằm đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư và tính minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh Chủ động công bố những thông tin quan trọng, có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi cũng như quyết định đầu tư của nhà đầu tư, giúp cổ đông, nhà đầu tư theo sát diễn biến hoạt động của EVNGENCO3 Việc trao đổi, tiết lộ thông tin được thực hiện công bằng, đảm bảo cơ hội đầu tư ngang bằng cho mọi nhà đầu tư
Đối tác mua điện (Khách hàng)	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo độ khả dụng các tổ máy Chi phí mua điện cạnh tranh Chia sẻ rủi ro trong quá trình tham gia thị trường điện 	<ul style="list-style-type: none"> Đề xuất, thương thảo, đàm phán giá điện và Hợp đồng mua bán điện Chào giá hợp lý trên thị trường điện 	<ul style="list-style-type: none"> Tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm chi phí, giá thành điện, đảm bảo sản lượng theo cam kết Tuân thủ các quy định trong Hợp đồng mua bán điện và quy định vận hành thị trường điện

Đối tác triển khai dự án	<ul style="list-style-type: none"> Hợp tác cùng phát triển Tiến độ triển khai dự án 	<ul style="list-style-type: none"> Gặp gỡ và trao đổi trực tiếp Thông qua thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác giữa hai bên để tạo cơ sở xây dựng mối quan hệ gắn bó lâu dài 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện trên nguyên tắc kinh doanh công bằng, chính trực, đôi bên cùng có lợi trong mọi hoạt động hợp tác kinh doanh cùng EVNGENCO3 Thực hiện đối xử công bằng giữa các đối tác trong và ngoài nước 	
Cơ quan Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> Thượng tôn pháp luật; Triển khai và ủng hộ chủ trương của Nhà nước; Phát triển kinh tế địa phương và phát triển ngành; Thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp; Đóng góp vào ngân sách Nhà nước 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện báo cáo theo quy định của pháp luật trong quá trình sản xuất kinh doanh như: Bảo vệ môi trường, PCCC,... Đóng góp ý kiến về các văn bản, quyết định, luật do các cơ quan Nhà nước ban hành Phối hợp với các đoàn kiểm tra của các Bộ, Ban, Ngành giải trình về các vấn đề liên quan, khắc phục các tồn tại, hạn chế (nếu có) theo yêu cầu, khuyến nghị của các đoàn kiểm tra Tham gia hội nghị, hội thảo chuyên ngành do các Bộ, Ban, Ngành tổ chức 	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về thuế, bảo vệ môi trường, an toàn lao động,... Chủ động phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác xây dựng, sửa chữa các nhà máy điện, hoàn thiện các giai đoạn đúng tiến độ, đóng góp vào ngân sách Nhà nước và giải quyết việc làm cho lao động địa phương Đưa ra đề xuất điều chỉnh phù hợp đối với các chính sách, quy định còn nhiều bất cập khi đi vào triển khai thực hiện, giúp Chính phủ và chính quyền các cấp ngày càng thực hiện tốt hơn công tác quản lý 	
Cộng đồng Xã hội		<ul style="list-style-type: none"> Thực thi các quy định về môi trường đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy (PCCC) và an toàn môi trường (ATMT) tại các nhà máy điện; Hỗ trợ phát triển kinh tế, cơ sở vật chất, y tế, giáo dục,... cho địa phương 	<ul style="list-style-type: none"> Phối hợp với chính quyền địa phương; Phổ biến và nâng cao nhận thức về an toàn môi trường; Trao đổi song phương qua các sự kiện. Thông qua hoạt động công đoàn qua đoàn thanh niên. 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện sản xuất kinh doanh gắn liền với trách nhiệm bảo vệ môi trường, an toàn và an sinh xã hội Triển khai các chương trình, hoạt động an sinh xã hội hàng năm theo kế hoạch của TCT cho cộng đồng như: Xây dựng nhà tình thương, trường học, tặng học bổng, xây cầu... Tổ chức các hoạt động chia sẻ, hỗ trợ những hoàn cảnh nghèo, gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh...
Người lao động		<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo nguồn thu nhập, chế độ phúc lợi và an toàn lao động Môi trường làm việc văn minh, không phân biệt đối xử Được đào tạo, nâng cao năng lực, tay nghề và có cơ hội phát triển bản thân Được ghi nhận sự cống hiến, đóng góp 	<ul style="list-style-type: none"> Hội nghị người lao động hàng năm Các cuộc họp tổng kết Tổ chức các lớp đào tạo Truyền thông nội bộ hiệu quả Cơ chế trao đổi trực tiếp, giải quyết khiếu nại Ban hành và thực thi các chính sách Duy trì và phát huy văn hóa doanh nghiệp thông qua các hoạt động team building 	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Thỏa ước lao động kết giữa lãnh đạo TCT và đại diện của người lao động Thành lập các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Câu lạc bộ Thể dục thể thao... Lấy ý kiến thông qua email, báo cáo khảo sát... Tổ chức chương trình bình chọn cá nhân, tập thể tiêu biểu Tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền An toàn - Sức khỏe - Môi trường cho CBCNV Xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức cho CBCNV Tổ chức các hoạt động nội bộ Công ty: Văn hóa nghệ thuật, thể thao, tham quan nghỉ mát,...

LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

1. QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

Trên cơ sở tham chiếu Tiêu chuẩn GRI 2021, định hướng chiến lược phát triển của EVNGENCO3, kết quả tham vấn các bên liên quan và đặc thù hoạt động sản xuất điện, Tổng Công ty đã xác định các lĩnh vực trọng yếu (Material ESG Areas) làm nền tảng xây dựng nội dung Báo cáo Phát triển bền vững. Quy trình xác định các lĩnh vực trọng yếu bao gồm:

Bước 1: Xác định các lĩnh vực liên quan đến phát triển bền vững có thể ảnh hưởng tới EVNGENCO3, cũng như tác động đến mối quan tâm của các bên liên quan

Nghiên cứu, rà soát các thông tin từ thị trường và ngành điện

Phân tích thông tin báo chí

Đánh giá, khảo sát từ khách hàng, đối tác,...

Thông tin từ các Hiệp hội ngành

Các thảo luận nội bộ với người lao động buổi tiếp xúc với lãnh đạo địa phương.

Bước 2: Lựa chọn các lĩnh vực trọng yếu được các bên quan tâm

Sàng lọc các lĩnh vực quan trọng cần được ưu tiên

Xác thực lĩnh vực trọng yếu từ lãnh đạo cấp cao

Lựa chọn các lĩnh vực được coi là trọng yếu với EVNGENCO3

Phân loại các lĩnh vực trọng yếu dựa theo 3 nhóm nội dung: Kinh tế - Xã hội - Môi trường



Bước 3: Xác định và phê duyệt các lĩnh vực trọng yếu trong năm

Thiết lập ma trận các vấn đề trọng yếu

Xác định các vấn đề có mức quan tâm và mức độ ảnh hưởng cao

Sắp xếp mức độ ưu tiên thực hiện các vấn đề trọng yếu

Bước 4: Đánh giá và rà soát lại các lĩnh vực trọng yếu đã thực hiện

Rà soát kết quả sau khi thực hiện

Tiếp nhận các đóng góp của các bên liên quan

Liên tục cải thiện các lĩnh vực trọng yếu trở nên chính xác hơn

2. MA TRẬN TRỌNG YẾU

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các lĩnh vực xét trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, EVNGENCO3 xây dựng “Ma trận các lĩnh vực trọng yếu” nhằm xác định mức độ ưu tiên và thực hiện phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của EVNGENCO3.

Ma trận được thiết lập trên hai trục:

Trục hoành (X): Mức độ quan tâm của các bên liên quan

Trục tung (Y): Mức độ tác động và ảnh hưởng đến EVNGENCO3

Các chủ đề nằm ở vùng góc trên bên phải được xác định là chủ đề trọng yếu ưu tiên cao, được EVNGENCO3 tập trung quản lý, công bố và xây dựng kế hoạch hành động.

DANH MỤC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU ĐƯỢC ĐỊNH VỊ TRÊN MA TRẬN:

NHÓM ƯU TIÊN CAO (HIGH PRIORITY)

(Tác động cao - Quan tâm cao)

- Mã Chủ đề trọng yếu
- E1 Phát thải khí nhà kính và chuyển dịch năng lượng
- E2 Quản lý môi trường tại nhà máy điện
- S1 An toàn và sức khỏe nghề nghiệp
- G1 Quản trị doanh nghiệp minh bạch
- G2 Tuân thủ pháp luật và đạo đức kinh doanh
- G3 An ninh năng lượng và vận hành ổn định hệ thống

NHÓM QUẢN LÝ TRỌNG TÂM (MEDIUM - HIGH)

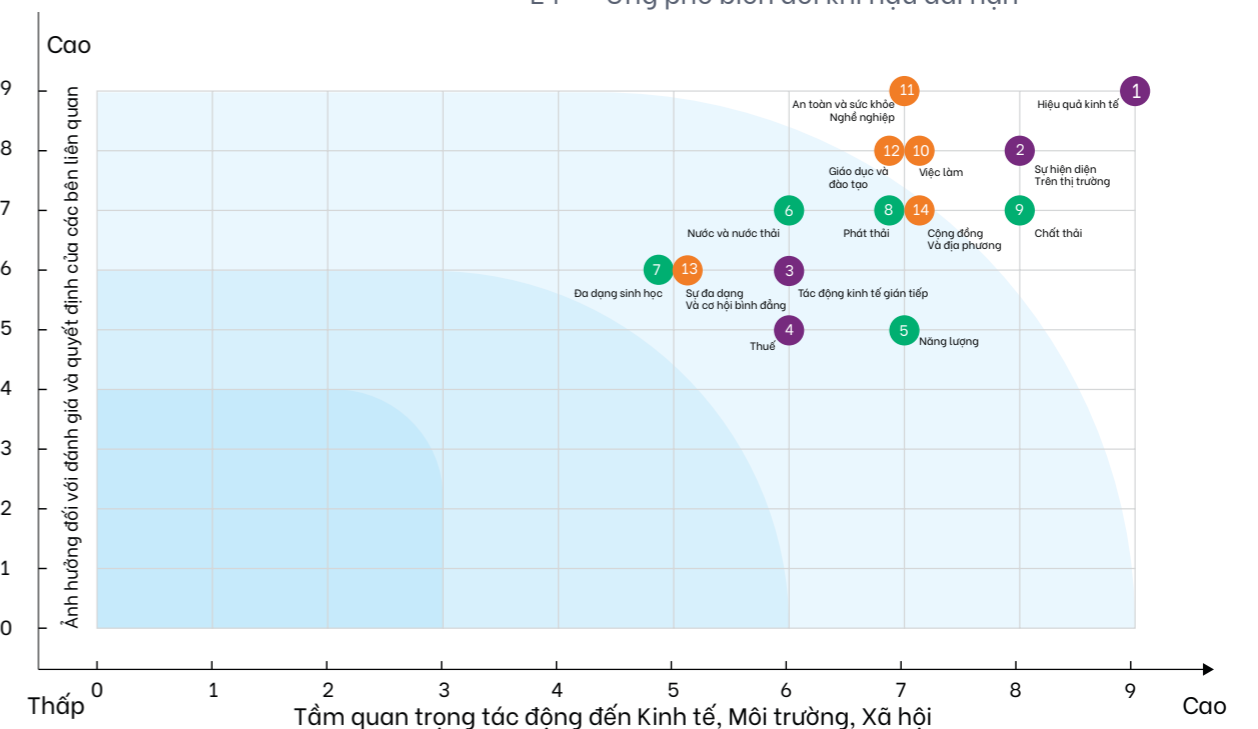
(Tác động cao - Quan tâm trung bình)

- Mã Chủ đề
- E3 Sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả
- S2 Phát triển nguồn nhân lực
- G4 Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ

NHÓM THEO DÕI (MONITORING)

(Tác động trung bình - Quan tâm trung bình)

- Mã Chủ đề
- S3 Quan hệ cộng đồng và trách nhiệm xã hội
- S4 Phúc lợi và gắn kết người lao động
- E4 Ứng phó biến đổi khí hậu dài hạn



3. DANH SÁCH CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

Từ danh sách các tác động đáng kể đến kinh tế, môi trường và xã hội, chúng tôi nhóm các tác động này thành các chủ đề chính và theo đó danh sách chủ đề trọng yếu gồm 22 chủ đề như sau:

KINH TẾ

GRI 201	Hiệu quả hoạt động kinh tế
GRI 202	Sự hiện diện trên thị trường
GRI 203	Tác động kinh tế gián tiếp
GRI 205	Chống tham nhũng
GRI 207	Thuế

MÔI TRƯỜNG

GRI 301	Vật liệu
GRI 302	Năng lượng
GRI 303	Nước và nước thải
GRI 304	Đa dạng sinh học
GRI 305	Phát thải khí
GRI 306	Chất thải
GRI 307	Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

XÃ HỘI

GRI 401	Việc làm
GRI 402	Mối quan hệ lao động - quản lý
GRI 403	An toàn và sức khỏe nghề nghiệp
GRI 404	Giáo dục và đào tạo
GRI 405	Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng
GRI 406	Không phân biệt đối xử
GRI 408	Lao động trẻ em
GRI 409	Lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc
GRI 413	Cộng đồng Địa phương
GRI 419	Tuân thủ về kinh tế - xã hội

CHỦ ĐỀ KINH TẾ (GRI 200)

1. GRI 201. HIỆU QUẢ KINH TẾ

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GRI 201-1)

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2025
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	44.130
2	Tổng chi phí	tỷ đồng	40.397
3	Lợi nhuận trước thuế (không bao gồm CLTG đánh giá lại)	tỷ đồng	5.088
	Lợi nhuận sau thuế (không bao gồm CLTG đánh giá lại)	tỷ đồng	4.523

Năm 2025, EVNGENCO3 phân bổ giá trị kinh tế tạo ra cho các bên liên quan thông qua các hoạt động sau:

Chi trả cho người lao động: 100% người lao động được tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định; tiền lương và các chế độ phúc lợi được chi trả đầy đủ, đúng hạn.

Chi trả cổ tức cho cổ đông: TCT sẽ thực hiện chi trả cổ tức sau khi được ĐHCĐ thường niên năm 2026 thông qua.

Đóng góp cho Nhà nước: TCT thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp NSNN theo quy định.

Tái đầu tư phát triển: EVNGENCO3 tiếp tục dành nguồn lực cho hoạt động đầu tư, bảo dưỡng, nâng cấp nhà máy điện và phát triển các dự án nguồn điện mới nhằm nâng cao năng lực sản xuất điện và hiệu quả vận hành dài hạn.

ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, CÁC RỦI RO VÀ CÁC CƠ HỘI KHÁC DO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (GRI 201-2)

Biến đổi khí hậu đang ngày càng trở thành thách thức nghiêm trọng nhất trên toàn cầu với những hiện tượng thời tiết ngày càng cực đoan. Các rủi ro và cơ hội phát sinh do biến đổi khí hậu có khả năng tạo ra những thay đổi lớn trong công tác vận hành, hoạt động sản xuất kinh doanh tại các nhà máy của EVNGENCO3, có thể làm tăng chi phí đầu vào, gây thiệt hại về tài sản và ảnh hưởng đến an toàn lao động và sức khỏe của CBCNV Tổng Công ty, bao gồm:

Rủi ro	Cơ hội	Ảnh hưởng đến EVNGENCO3
Ảnh hưởng đến an toàn công trình do mưa lũ	Tăng lưu lượng nước về do hiện tượng La Nina kéo dài	Diễn biến thời tiết phức tạp đã ảnh hưởng đến công tác dự báo lưu lượng nước về và công tác vận hành của EVNGENCO3
Giảm lưu lượng nước về do ảnh hưởng của hiện tượng thời tiết El Nino		
Rủi ro	Cơ hội	Ảnh hưởng đến EVNGENCO3
Gia tăng chênh lệch lưu lượng nước về giữa mùa lũ và mùa kiệt	Thúc đẩy nhu cầu đầu tư mở rộng công suất thủy điện và tối ưu hóa vận hành hồ chứa.	Đặc biệt những năm thời tiết khô hạn sẽ làm giảm sản lượng điện của các nhà máy
Nhu cầu cấp nước và phòng lũ cho hạ du tăng cao		

Phương án quản lý rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu:

EVNGENCO3 triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao khả năng thích ứng và giảm thiểu rủi ro khí hậu:

Để vận hành các nhà máy thủy điện an toàn, hiệu quả trong mùa mưa bão, hàng năm, Tổng Công ty lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đập tràn, thiết bị các tổ máy, trạm điện và đường dây 220kV theo đúng kế hoạch vào thời điểm phù hợp theo thời tiết của khu vực để phát huy tối đa công suất các tổ máy.

Với từng hồ, cần đánh giá tác động của BĐKH đến tình hình dòng chảy đến hồ trong tương lai và xây dựng quy trình vận hành tối ưu để tận dụng được sự gia tăng lượng nước vào mùa lũ phục vụ phát điện. Có kế hoạch khảo sát đo đạc lại địa hình lòng hồ, đề xuất phương án nạo vét để đảm bảo dung tích hữu ích và dung tích phòng lũ của hồ chứa như thiết kế.

Xây dựng kế hoạch PCTT&TKCN với phương châm “4 tại chỗ” về chỉ huy- lực lượng - phương tiện - vật tư và hậu cần nhằm nâng cao năng lực và trách nhiệm chuyên trách cho công tác đảm bảo an toàn của công trình trong mùa lũ, đưa tiêu chí an toàn lên hàng đầu và xuyên suốt trong hoạt động của Công ty.

Công ty Thủy điện Buôn Kuốp đã nghiên cứu, đưa vào ứng dụng thành công hệ thống cảnh báo lũ từ xa thay cho việc cảnh báo bằng còi giúp cho người dân vùng hạ du thủy điện tránh được các tai nạn đáng tiếc, hạn chế được thiệt hại khi có bão lũ xảy ra. Để kịp thời thông tin vận hành điều tiết các hồ chứa đến người dân dọc hạ du, Công ty đã thiết lập 24 trạm cảnh báo lũ dọc hạ du (hồ Buôn Tua Srah: 14 Trạm; hồ Buôn Kuốp 10 trạm) đặt dọc sông vùng hạ du hồ chứa để cảnh báo cho nhân dân biết và chủ động phòng tránh. Đồng thời Công ty đã lập các nhóm Zalo cho 3 hồ chứa với Chính quyền địa phương để thông báo, trao đổi và cung cấp thông tin kịp thời, nhanh chóng giữa các bên liên quan nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác ứng phó với mưa lũ.

Trong năm 2025, trước diễn biến thời tiết mưa bão phức tạp, TCT đã chủ động ứng phó, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình và vùng hạ du tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Bên cạnh đó, TCT lên kế hoạch nghiên cứu xây dựng NMTĐ Buôn Kuốp mở rộng và Srêpốk 3 mở rộng; đồng thời tăng cường công tác phối hợp giữa các NMTĐ, các đơn vị khai thác vận hành công trình thủy lợi và chính quyền địa phương ở hạ lưu.

2. GRI 202. SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG

TỶ LỆ CỦA MỨC LƯƠNG KHỞI ĐIỂM THEO GIỚI TÍNH SO VỚI MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU VÙNG (GRI 202-1)

Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP thực hiện chế độ lương thưởng cho người lao động tương ứng với mức độ, tính chất công việc; đảm bảo trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty thực hiện mức lương khởi điểm cho NLD đảm bảo không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định pháp luật và không có sự khác biệt về mức lương theo giới tính.

3. GRI 203. TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP

ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ CÁC DỊCH VỤ ĐƯỢC HỖ TRỢ (GRI 203-1)

Đầu tư vào hoạt động chính

Trong quá trình đầu tư xây dựng và vận hành các nhà máy điện, EVNGENCO3 đã và đang đóng góp tích cực vào việc phát triển hệ thống hạ tầng năng lượng quốc gia cũng như hạ tầng kinh tế - xã hội tại các địa phương, bao gồm:

Trên Quy hoạch Điện VIII điều chỉnh, Tổng Công ty đang nghiên cứu, xúc tiến đầu tư các dự án Điện mặt trời nổi trên hồ thủy điện Srêpốk 3 và Buôn Kuốp; Thủy điện Srêpốk 3 và Buôn Kuốp mở rộng; Dự án Nhà máy điện linh hoạt Ninh Bình (300 MW), Dự án Trung tâm Điện lực Long Sơn (1.500 MW) và nhiều dự án năng lượng tái tạo với tổng công suất dự kiến khoảng 6.327 MW.

Đầu tư phúc lợi xã hội

Trong năm 2025, EVNGENCO3 tiếp tục đồng hành cùng các địa phương, nơi đóng chân của các nhà máy trong công tác cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao đời sống của người dân; tổng kinh phí là 17,8 tỷ đồng.

TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP TRỌNG YẾU (GRI 203-2)

Việc áp dụng thành công các chiến lược quản trị mang đến hiệu quả hoạt động SXKD của TCT, góp phần cung cấp nhu cầu việc làm, ổn định thu nhập cho một bộ phận lao động tại địa phương.

Tổng Công ty luôn chú trọng việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định và các khoản đóng góp cho địa phương. Thông qua đó, TCT góp phần bổ sung nguồn thu ngân sách cho địa phương, hỗ trợ địa phương có thêm nguồn lực đầu tư cho y tế, giáo dục và hạ tầng xã hội.



4. GRI 205. CHỐNG THAM NHŨNG

Chống tham nhũng là một trong những mối quan tâm hàng đầu của Tổng Công ty. Minh bạch, chống tham nhũng không chỉ là cơ sở giúp EVNGENCO3 xây dựng và duy trì một môi trường kinh doanh lành mạnh, bền vững mà còn đem lại các tác động tích cực cho doanh nghiệp, đáp ứng đúng theo kỳ vọng của thị trường, quy chuẩn quốc tế và các bên liên quan.

EVNGENCO3 đã và đang tiếp tục hoàn thiện nền tảng quản trị chuyên nghiệp theo thông lệ quốc tế nhằm kiểm soát tốt mọi hoạt động và mọi rủi ro vận hành, ngăn ngừa tiêu cực trong hoạt động kinh doanh. Việc thực hiện công khai, minh bạch các quy định, quy trình trong quá trình hoạt động của Tổng Công ty cùng các phương thức truyền thông hiệu quả đã góp phần nâng cao ý thức và trách nhiệm của CBCNV trong việc phòng chống tham nhũng.

TCT đã ban hành Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 tại Quyết định số 1477/QĐ-GENCO3 ngày 13/5/2025; Công tác kê khai tài sản đã được thực hiện theo đúng quy định.

5. GRI 207. THUẾ

Tổng Công ty thực hiện kê khai và nộp các loại thuế theo quy định như: Luật quản lý thuế hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế môn bài, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, từng Công ty con, công ty liên kết được áp dụng mức thuế riêng do được hưởng ưu đãi từ việc đầu tư, xây dựng các nhà máy điện.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Tổng Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Thuế Giá trị gia tăng: Áp dụng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế Giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế Thu nhập cá nhân: Tổng Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế theo quy định và các cổ đông của Tổng Công ty đều thực hiện nộp thuế khi có thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu theo các quy định hiện hành.

Tổng số tiền Thuế mà EVNGENCO3 nộp cho NSNN trong năm 2025 là 1.118 tỷ đồng.

CHỦ ĐỀ MÔI TRƯỜNG (GRI 300)

1. GRI 301. VẬT LIỆU

Do đặc thù hoạt động của các nhà máy nhiệt điện sử dụng khối lượng nhiên liệu lớn, EVNGENCO3 luôn chú trọng đầu tư nâng cao hiệu suất vận hành tổ máy, áp dụng công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng tài nguyên và năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Đồng thời, Tổng Công ty triển khai đồng bộ các giải pháp kiểm soát môi trường, tối ưu hóa quá trình đốt, thu hồi và tận dụng nhiệt thừa để phát điện qua tuabin hơi, góp phần giảm phát thải khí nhà kính và thúc đẩy mô hình sản xuất sạch hơn.

VẬT LIỆU ĐƯỢC SỬ DỤNG THEO TRỌNG LƯỢNG HOẶC KHỐI LƯỢNG (GRI 301-1)

Trong năm 2025, EVNGENCO3 sử dụng các loại nhiên liệu chính phục vụ hoạt động sản xuất điện, bao gồm nhiên liệu không tái tạo (than, dầu DO, khí) và nguồn năng lượng tái tạo (bức xạ mặt trời đối với điện mặt trời).

Khối lượng nhiên liệu các nhà máy sử dụng để sản xuất điện trong năm 2025

Tên nhà máy	Nhiên liệu không thể tái tạo		
	Than (tr. tấn)	Dầu DO (lít)	Khí nội địa và khí LNG (tr.m ³)
NMNĐ Phú Mỹ	Không áp dụng	109.831	1.403
NMNĐ Vĩnh Tân 2	3,62	4.854.659	Không áp dụng
NMNĐ Mông Dương 1	2,94	109.832	Không áp dụng
NMTĐ Buôn Kuốp	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

Tên nhà máy	Nhiên liệu có thể tái tạo	
	Bức xạ nhiệt	Đơn vị
DMT Vĩnh Tân 2	1.625	kWh/m ²

VẬT LIỆU TÁI CHẾ ĐÃ ĐƯỢC SỬ DỤNG (GRI 301-2)

Kết quả tiêu thụ tro, xỉ tại các NMNĐ than trong năm 2025 đều đạt và vượt 100% tro xỉ phát sinh, trong đó NMNĐ Vĩnh Tân 2 tiêu thụ thêm được hơn 300.000 m³ tro xỉ trên bãi xỉ.

ĐVT: Tấn

Tên nhà máy	Phát sinh	Tiêu thụ	Tỷ lệ tiêu thụ
Vĩnh Tân 2	1.118.245	1.252.215	111,98%
Mông Dương 1	899.285	899.285	100%
Ninh Bình	10.440	16.935	162,21%
Tổng cộng	2.027.970	2.168.435	106,93%

Hạng mục công trình tạm Dây chuyển phân tích tro xỉ trên bãi xỉ NMNĐ Vĩnh Tân 2 đã đưa vào vận hành từ tháng 5/2025, công suất 700.000 m³/năm, để xử lý toàn bộ tro xỉ đang tồn trữ trên bãi xỉ nhà máy.

2. GRI 302. NĂNG LƯỢNG

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRONG TỔ CHỨC (GRI 302-1)

Tên nhà máy	Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp	
	Tỷ lệ điện tự dùng (%)	
	Tiêu thụ thực tế	Kế hoạch
NMNĐ Phú Mỹ	2,31	1,84
NMNĐ Vĩnh Tân 2	6,95	7,00
NMNĐ Mông Dương 1	9,30	9,40
NMTĐ Buôn Kuốp	0,49	0,60
NMNĐ Bà Rịa	2,77	2,77
NMNĐ Ninh Bình	9,49	10,00

GIẢM TIÊU HAO NĂNG LƯỢNG (GRI 302-4)

Nhận thức rõ vai trò của tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất điện và mục tiêu phát triển bền vững, EVNGENCO3 triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm giảm suất tiêu hao năng lượng, nâng cao hiệu suất vận hành tổ máy và tối ưu hóa sử dụng điện tự dùng tại các nhà máy.

Trong năm 2025, Tổng Công ty tập trung vào các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

- Tận dụng tối đa ánh sáng và gió tự nhiên, giảm công suất vận hành các nguồn điện không thiết yếu, tránh sử dụng đồng thời các thiết bị có công suất tiêu thụ lớn trong giờ cao điểm.
- Sửa chữa, cải tạo hệ thống chiếu sáng thay thế dần từ bóng sợi đốt sang dạng đèn Led; cải tạo mạch chiếu sáng đơn pha/theo cụm sang dạng phân pha (3 pha) để tăng cường tiết kiệm điện; rà soát, bổ sung hệ thống bật/tắt tự động.
- Năm 2025, EVNGENCO3 tiếp tục triển khai lắp đặt Điện mặt trời công suất khoảng 3.500 kWp phục vụ cấp điện tự dùng cho các hệ thống thiết bị phụ trong các nhà máy điện.

3. GRI 303. NƯỚC VÀ NƯỚC THẢI

EVNGENCO3 luôn tuân thủ các quy định của luật pháp Việt Nam về việc khai thác nguồn nước, cũng như áp dụng nhiều biện pháp công nghệ để giảm lượng nước sử dụng, giúp tiết kiệm nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt; bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành trước khi tái sử dụng hoặc xả vào nguồn tiếp nhận

NƯỚC TIÊU THỤ**LƯỢNG NƯỚC ĐẦU VÀO THEO NGUỒN (GRI 303-3)**

Đối với nhà máy thủy điện:

Nước chạy máy sản xuất điện trong nhà máy thủy điện: được tích trong các hồ chứa phía thượng lưu nhà máy, qua hệ thống tuyến năng lượng dẫn vào tuabin phát điện, sau đó đổ ra hạ lưu nhà máy qua hệ thống kênh dẫn và nhập vào các nhánh sông, suối; một phần nước được trích để làm mát thiết bị, máy móc. Vào mùa khô hạn, các nhà máy thủy điện vẫn đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu nhằm đảm bảo môi trường sinh thái khu vực.

Đối với nhà máy nhiệt điện:

Nước làm mát trong các nhà máy nhiệt điện được lấy từ sông hoặc biển qua hệ thống kênh dẫn nước vào, đưa vào bình ngưng để trao đổi nhiệt làm mát, sau đó đổ ra lại sông hoặc biển qua hệ thống kênh thoát nước làm mát.

Ngoài ra, các nhà máy nhiệt điện còn sử dụng nước thủy cục (từ đơn vị cung cấp), nước hồ hoặc nước biển để sản xuất nước khử khoáng phục vụ sản xuất điện; nước biển còn được tận dụng để xử lý khí SO₂ trong khói thải trước khi qua ống khói đối với NMND Vĩnh Tân 2.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 37,77% (tương ứng 340.776 m³).

Khối lượng nước khai thác sử dụng tại các nhà máy năm 2025:

Chỉ tiêu	ĐVT	NMND Mông Dương 1	NMND Vĩnh Tân 2	NMND Phú Mỹ	NMTĐ Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah và Srêpốk 3	NMND Bà Rịa	NMND Ninh Bình
Nước sạch tiêu thụ	m ³	1.378.274	870.086	364.924	8.430	24.050	263.210
Nước chạy máy (thủy điện)	Triệu m ³	-	-	-	16.422	-	-
Nước mặt làm mát	m ³	520.230.000	1.079.691.450	820.322.257	19.955.755	-	12.089.161

NƯỚC THẢI**KHỐI LƯỢNG NƯỚC THẢI NĂM 2025**

Chỉ tiêu	ĐVT	NMND Mông Dương 1	NMND Vĩnh Tân 2	NMND Phú Mỹ	NMTĐ Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah và Srêpốk 3	NMND Bà Rịa	NMND Ninh Bình
Khối lượng nước thải	m ³	707.291	176.606	93.975	8.390	19.240	167.283

TỔNG LƯỢNG NƯỚC THẢI THEO NGUỒN TIẾP NHẬN (GRI 303-4)

Nước thải công nghiệp: nước thải phát sinh trong các hoạt động sản xuất của nhà máy, như nước thải nhiễm dầu, nhiễm than, nhiễm hóa chất, nước thải từ quá trình sản xuất nước sạch... Các nguồn nước thải được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung, sau khi xử lý đạt yêu cầu được tái sử dụng cho các mục đích phù hợp hoặc xả ra nguồn tiếp nhận.

Nước thải sinh hoạt: không đáng kể. Nước thải sau khi xử lý đạt yêu cầu được tái sử dụng để tưới cây hoặc xả ra nguồn tiếp nhận.

HỆ THỐNG QUAN TRẮC ONLINE ĐỐI VỚI NƯỚC MẶT, NƯỚC BIỂN VÀ NƯỚC THẢI

Các NMTĐ đã lắp đặt đầy đủ hệ thống thiết bị quan trắc, giám sát việc khai thác, sử dụng nước hồ và các NMND đã lắp đặt đầy đủ hệ thống thiết bị giám sát nước làm mát đầu vào, truyền số liệu về Cục QLTTN theo quy định.

Các NMND đã lắp đặt đầy đủ hệ thống quan trắc online đối với nước làm mát đầu ra (nước mặt, nước biển), nước thải và truyền về Sở NN&MT địa phương theo quy định.

Đồng thời cũng truyền về trụ sở EVNGENCO3 để phối hợp giám sát, kiểm soát, góp phần cho công tác quản lý môi trường được kịp thời, chính xác và hiệu quả hơn.

Trong năm 2025, EVNGENCO3 nghiêm chỉnh thực hiện việc xử lý nước thải và không xảy ra bất kỳ vi phạm nào liên quan đến xả thải.

4. GRI 304. ĐA DẠNG SINH HỌC

Trong khuôn viên các NMND được phủ xanh tối đa tại các vị trí đất trống, trừ những khu vực cần phải ngăn ngừa tuyệt đối vấn đề cháy nổ. Đối với các NMND than còn trồng cây xanh tại khu vực xung quanh bãi xỉ.

Đối với các NMTĐ, bên cạnh trồng cây xanh bổ sung phần diện tích xây dựng nhà máy, đơn vị còn thực hiện nghĩa vụ đóng tiền dịch vụ môi trường rừng, nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với các nhà máy điện có sử dụng nước mặt (nước ngọt) để sản xuất điện, làm mát máy móc thiết bị thực hiện nghĩa vụ đóng thuế tài nguyên nước, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và tiền dịch vụ môi trường rừng.

Các nhà máy có phát sinh nước thải sau xử lý xả ra nguồn tiếp nhận đóng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

5. GRI 305. PHÁT THẢI KHÍ**PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP TỪ NĂNG LƯỢNG (GRI 305-1, GRI 305-2)**

Do đặc thù hoạt động của các nhà máy điện sử dụng nguồn nhiên liệu đốt rất lớn nên EVNGENCO3 luôn chú trọng đầu tư và nâng cao hiệu suất hoạt động của các nhà máy, sử dụng công nghệ tiên tiến hiện đại nhằm đảm bảo việc sử dụng tài nguyên, năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, qua đó góp phần giảm thiểu khí thải nhà kính.

Năm 2025, EVNGENCO3 đã hoàn thành nhiệm vụ đo đạc, kiểm kê, báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính cho năm 2024 và xây dựng, phê duyệt kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK giai đoạn 2026 - 2030, gửi Bộ NN&MT, Bộ Công Thương, UBND cấp tỉnh theo quy định.

Phát thải khí nhà kính hiện nay từ các nhà máy Nhiệt điện của EVNGENCO3 chủ yếu là khí CO₂, SO₂, NO_x với khối lượng năm 2025 là 126.972,37 triệu m³.

Khí thải các NMND khí tương đối sạch do nhiên liệu đầu vào là nhiên liệu sạch, kết hợp sử dụng các vòí đốt có công nghệ tiên tiến giảm phát thải, vì vậy nồng độ các khí thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường như SO₂, NO_x, bụi chỉ ở mức thấp so với giới hạn cho phép. Khí thải sau khi qua khỏi lò thu hồi nhiệt được đưa đến ống khói cao xả ra nguồn tiếp nhận.

Khí thải các NMND than sau khi ra khỏi buồng đốt được dẫn qua lần lượt hệ thống SCR xử lý NO_x, hệ thống FGD xử lý SO₂, hệ thống ESP xử lý bụi, sau đó đưa đến ống khói cao xả ra nguồn tiếp nhận, vì vậy nồng độ các khí thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường ở mức thấp, trong ngưỡng giới hạn cho phép.

Các NMND đóng phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.

HỆ THỐNG QUAN TRẮC KHÍ THẢI ONLINE

Các NMND than trong EVNGENCO3 đã lắp đặt đầy đủ hệ thống thiết bị quan trắc khí thải online và truyền về Sở NN & MT địa phương theo quy định.

Đồng thời cũng truyền về trụ sở EVNGENCO3 để phối hợp giám sát, kiểm soát, góp phần cho công tác quản lý môi trường được kịp thời, chính xác và hiệu quả hơn.

CÁC SÁNG KIẾN VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Hiện EVNGENCO3 đang triển khai tìm hiểu, nghiên cứu các công nghệ giảm phát thải khí nhà kính để tổ chức áp dụng đạt hiệu quả cao nhất. Tổng Công ty cũng hướng đến đầu tư năng lượng xanh, sử dụng các nguồn NLTT góp phần làm giảm hiệu ứng nhà kính, góp phần hỗ trợ Việt Nam tiến dần đến Net Zero năm 2050.

Các biện pháp giảm thiểu khí thải đang được Tổng Công ty áp dụng như sau:

- Sử dụng các tuabin khí công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu suất và giảm thiểu tác động đến môi trường với lượng phát thải cac-bon ít hơn.
- Nghiên cứu sử dụng nhiên liệu sạch hơn, giảm suất hao nhiệt.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại, tuân thủ nghiêm ngặt lịch bảo trì, bảo dưỡng của các nhà máy.
- Khai thác hiệu quả phương tiện vận tải, từng bước sử dụng nhiên liệu sinh học, năng lượng không phát thải.
- Kiểm soát chặt chẽ quá trình sử dụng chất PCCC trong huấn luyện, diễn tập và giảm bớt sự phụ thuộc môi chất lạnh đối với hệ thống lạnh, sử dụng môi chất lạnh phát thải thấp.
- Thay thế các hệ thống thiết bị tiêu thụ điện tiết kiệm năng lượng.
- Lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời thay thế điện từ dùng từ nhà máy, điện lưới quốc gia. Lắp đặt hệ thống pin lưu trữ và Inverter để dự trữ nguồn điện năng lượng mặt trời.
- Nghiên cứu giải pháp thu hồi và lưu trữ CO2.
- Thực hiện cơ chế mua bán, trao đổi, bù trừ tín chỉ cac-bon.
- Trồng thêm cây xanh

6. GRI 306. CHẤT THẢI

CHẤT THẢI NGUY HẠI

Phần lớn phát sinh nhiều trong các NMNĐ, chủ yếu là các chất thải sau: Vật liệu mài dạng hạt có thành phần nguy hại (cát, bột mài, ...); Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; Dầu mỡ thải các loại; Nước lẫn dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước; Vật liệu lọc (bao gồm vật liệu lọc dầu) bị nhiễm các thành phần nguy hại; Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có thành phần nguy hại; Găng tay, giẻ lau nhiễm dầu thải; Vật liệu lót và chịu lửa có các thành phần nguy hại; Các loại chất oxy hóa thải.

Chất thải nguy hại được chuyển giao cho đơn vị có chức năng để tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý.

CHẤT THẢI KHÔNG NGUY HẠI

Chất thải rắn phát sinh trong hoạt động làm việc tại văn phòng và chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong hoạt động ăn uống, sinh hoạt thường nhật.

Tro xỉ phát sinh trong hoạt động sản xuất điện của NMNĐ than.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường: vật tư kém, mất phẩm chất, rác vớt tại đầu kênh dẫn nước làm mát

Chất thải không nguy hại được chuyển giao cho đơn vị có chức năng để tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý

TỔNG LƯỢNG CHẤT THẢI THEO LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ (GRI 306-1, GRI 306-2, GRI 306-3, GRI 306-4, GRI 306-5)

Khối lượng các loại chất thải năm 2025:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	CTNĐ Phú Mỹ	CTNĐ Vĩnh Tân	CTNĐ Mông Dương	CCTĐ Buôn Kuốp	CTCP NĐ Bà Rịa	CTCP NĐ Ninh Bình	Tổng cộng
Chất thải rắn thông thường	tấn	21,978	89,265	47,28	2,0	39,12	42	237,143
Chất thải nguy hại	tấn	32,0	56,38	356,75	1,68	14,324	4,460	465,864

PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN HẠN CHẾ PHÁT SINH CHẤT THẢI

Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến và thực hiện chính sách thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tài nguyên hiện có đến từng CBCNV; kết hợp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở.

Quan điểm: khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên, các nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất, văn phòng phẩm, điện, nước,...; tối ưu trong việc tận dụng, tái sử dụng, tái chế nguyên nhiên vật liệu, văn phòng phẩm, vật tư, phế liệu kém, mất phẩm chất, hạn chế việc thải bỏ.

Đảm bảo chất lượng và khai thác tro xỉ như một dạng sản phẩm hàng hóa, có thể trao đổi, buôn bán hoặc sử dụng trong hoạt động xây dựng, làm đường giao thông, san nền...

7. GRI 307. TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG

Tổng Công ty duy trì tính hiệu lực và hiệu quả hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015 đối với các nhà máy điện và không ngừng nâng cao hiệu quả, cải tiến liên tục. Các quy định liên quan đến lĩnh vực môi trường đều được EVNGENCO3 triển khai đồng bộ và tuân thủ chấp hành nên không có vi phạm nào liên quan đến lĩnh vực môi trường trong năm 2025.

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không**

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **0 VND**

CHỦ ĐỀ XÃ HỘI (GRI 400)

GRI 401. ĐẢM BẢO VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP

EVNGENCO3 luôn xem con người là vốn quý nhất, là cốt lõi tạo nên thành công của doanh nghiệp. Các chính sách kinh doanh, quản trị của Công ty hướng đến trọng tâm phát triển nguồn nhân lực hạnh phúc, trong đó mỗi cá nhân hướng tới các giá trị đóng góp tích cực cho sự phát triển của xã hội và cộng đồng. Tổng Công ty chú trọng xây dựng thương hiệu nhà tuyển dụng để thu hút và giữ chân nhân tài, nỗ lực đảm bảo việc làm ổn định và cải thiện tiền lương, thu nhập cho CBNV.

TUYỂN DỤNG NHÂN SỰ VÀ THÔI VIỆC TẠI EVNGENCO3 (GRI 401-1)

EVNGENCO3 nỗ lực thu hút tuyển dụng đầy đủ và kịp thời, đồng thời giảm tỷ lệ nghỉ việc, tăng mức độ gắn bó và tính ổn định của nguồn nhân lực. Trong năm 2025, các hoạt động về tuyển dụng của Tổng Công ty đáp ứng tốt nhu cầu nhân lực của các bộ phận.

EVNGENCO3 có chính sách tuyển dụng và tạo cơ hội việc làm không phân biệt đối xử giữa nam và nữ.

EVNGENCO3 chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ của Tổng Công ty đối với lao động nghỉ việc và không có bất kỳ khiếu nại nào từ người lao động.

PHÚC LỢI CUNG CẤP CHO NHÂN VIÊN TOÀN THỜI GIAN KHÔNG DÀNH CHO NHÂN VIÊN TẠM THỜI HOẶC BÁN THỜI GIAN (GRI 401-2)

EVNGENCO3 đảm bảo chế độ đãi ngộ và lương thưởng xứng đáng với từng vị trí công việc; các chế độ phúc lợi như: bảo hiểm chăm sóc sức khỏe; tham quan nghỉ mát; chế độ làm việc linh hoạt; cơ hội học tập và phát triển trong/ngoài nước; không ngừng xây dựng môi trường làm việc bình đẳng, năng động, hấp dẫn - nơi nhân viên có thể tận tâm cống hiến trong sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.

Hàng năm Tổng Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho tất cả CBCNV theo đúng quy định 01 lần/năm, người làm việc nặng nhọc độc hại được khám 6 tháng/1 lần. Hồ sơ sức khỏe cá nhân được cập nhật trên hệ thống phần mềm HRMS giúp người sử dụng lao động, CBCNV dễ dàng quản lý, theo dõi tình trạng sức khỏe, phân công công tác hợp lý, phù hợp với đặc thù, tính chất công việc.

NGHỈ THAI SẢN (GRI 401-3)

TCT thực hiện chế độ thai sản cho NLD theo đúng các quy định pháp luật, người lao động được nghỉ thai sản hưởng chế độ BHXH và các chế độ trợ cấp, hỗ trợ của TCT theo Thỏa ước lao động tập thể. Tổng Công ty đảm bảo 100% nhân viên được quay trở lại làm việc sau khi nghỉ thai sản và không có bất kỳ sự kỳ thị phân biệt nào.

GRI 402. MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG - QUẢN LÝ

Tổng Công ty ban hành Thỏa ước lao động tập thể nhằm đưa ra thống nhất bằng văn bản thỏa thuận giữa tập thể lao động và người sử dụng lao động với những quyền lợi và nghĩa vụ của hai bên để đảm bảo lợi ích hai bên và duy trì sự gắn bó lâu dài giữa người lao động và doanh nghiệp.

Năm 2025, TCT phối hợp với Công đoàn TCT ban hành lại Thỏa ước lao động tập thể trong TCT bổ sung thêm 03 điểm có lợi cho NLD. Công tác thi đua, khen thưởng được triển khai kịp thời, công khai, minh bạch nhằm ghi nhận, biểu dương các tập thể và cá nhân có thành tích tiêu biểu, tạo động lực cho nhân sự tận tâm cống hiến cùng TCT.

Ngoài ra, Tổng Công ty và Công đoàn còn tổ chức hội nghị người lao động định kỳ hằng năm nhằm tìm hiểu nguyện vọng cũng như khó khăn của người lao động để kịp thời ghi nhận và điều chỉnh, góp phần tăng cường gắn kết giữa Công ty và người lao động. Thông qua các hoạt động này, các cấp lãnh đạo Công đoàn kịp thời giải quyết những kiến nghị, tâm tư nguyện vọng chính đáng của NLD.

THỜI HẠN THÔNG BÁO TỐI THIỂU VỀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HOẠT ĐỘNG (GRI 402 -1)

EVNGENCO3 luôn đảm bảo thông tin trao đổi trong Tổng Công ty khi có bất kỳ thay đổi ảnh hưởng tới quyền lợi của người lao động. Cấp quản lý gửi thông báo cho cán bộ nhân viên về nội dung thay đổi trong thời gian tối thiểu trước khi sự thay đổi có hiệu lực.

DỊCH VỤ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (GRI 403-3)

Hàng năm, Tổng Công ty/đơn vị đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho tất cả CBCNV theo đúng quy định 01 lần/năm, người làm việc nặng nhọc độc hại được khám 6 tháng/1 lần; tạo điều kiện để người lao động được khám chuyên sâu để phát hiện sớm, hỗ trợ điều trị bệnh theo phác đồ chữa trị. Ngoài ra, một số đơn vị còn chủ động tổ chức khám bệnh phụ khoa cho người lao động nữ 2 lần/năm.

Tổng Công ty triển khai mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe hàng năm cho CBCNV.

HUẤN LUYỆN SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG (GRI 403-5)

Tích cực tham gia đầy đủ các khóa bồi dưỡng, huấn luyện chuyên sâu về nghiệp vụ y tế nhằm nâng cao trình độ và tay nghề của đội ngũ y bác sỹ tại các phòng y tế của các đơn vị, đảm bảo có đầy đủ hồ sơ và được cấp Giấy phép hành nghề, giấy chứng nhận tham gia các khóa tập huấn đầy đủ.

Tổng Công ty đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các đợt tập huấn, nâng cao kiến thức về an toàn vệ sinh lao động, thường xuyên tuyên truyền về công tác an toàn vệ sinh lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên nhằm giảm rủi ro và các yếu tố có hại tại nơi làm việc.

GRI 403. AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (GRI 403-1)

Tổng Công ty đã lập hồ sơ quản lý sức khỏe theo đúng quy định và nhập kết quả khám bệnh, theo dõi sức khỏe cá nhân trên hệ thống phần mềm HRMS giúp người sử dụng lao động, CBCNV dễ dàng quản lý theo dõi tình trạng sức khỏe, phân công công tác hợp lý, phù hợp với đặc thù, tính chất công việc.

Phòng y tế của các đơn vị được trang bị đầy đủ thuốc và các dụng cụ cần thiết; nhân viên y tế được huấn luyện, bồi dưỡng và có chứng nhận đầy đủ, thực hiện tốt việc cấp phát thuốc, săn sóc người lao động những bệnh thông thường và tiến hành sơ cấp cứu ban đầu, theo dõi chuyển bệnh nhân đến các cơ sở y tế có ký hợp đồng khám chữa bệnh ban đầu kịp thời để tiếp tục điều trị có hiệu quả, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

CÁC CHỈ SỐ VỀ TAI NẠN LAO ĐỘNG VÀ BỆNH NGHỀ NGHIỆP (GRI 403-9, 403-10)

Trong năm 2025, TCT không ghi nhận bất kỳ vấn đề nào liên quan đến an toàn lao động.

GRI 404. GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đào tạo nguồn nhân lực luôn là một trong những ưu tiên trọng tâm EVNGENCO3 nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự giàu năng lực, phẩm chất tốt, đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của thị trường trong bối cảnh mới.

SỐ GIỜ ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH MỖI NĂM CHO NHÂN VIÊN (GRI 404-1)

Tổng số giờ đào tạo: 105.755 giờ/năm

Số giờ đào tạo trung bình: 50 giờ/CBCNV/năm

CÁC CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO KỸ NĂNG CHO NHÂN VIÊN (GRI 404-2)

Công tác đào tạo tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn như công nghệ RLA, hệ thống AVR, sửa chữa NMD và ứng dụng AI trong công việc (các công cụ như ChatGPT, Gemini, Copilot, NotebookLM), nhằm nâng cao năng lực chuyên sâu, bắt kịp xu thế công nghệ mới và đáp ứng yêu cầu sản xuất - kinh doanh trong giai đoạn chuyển đổi số.

GRI 405. SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

SỰ ĐA DẠNG CỦA CẤP QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN (GRI 405-1)

EVNGENCO3 luôn đảm bảo nguyên tắc tuyển dụng bình đẳng, công bằng. Các chính sách lương thưởng, phúc lợi của CBCNV, cơ hội thăng tiến được gắn liền với năng lực, thành tích, đóng góp của mỗi cá nhân trong tương quan hiệu quả chung của bộ phận và của Tổng Công ty, đảm bảo cơ hội bình đẳng cho tất cả nhân sự.

GRI 406. KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ - GRI 408. LAO ĐỘNG TRẺ EM - GRI 409. LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC

CÁC VỤ VIỆC PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VÀ CÁC HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC ĐÃ THỰC HIỆN (GRI 406-1)

Tại EVNGENCO3 tất cả người lao động đều được làm việc trong môi trường bình đẳng, không có quấy rối hoặc kỳ thị. Tất cả các CBCNV đều được đối xử công bằng, không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng, chính trị, màu da, giới tính, xuất xứ, tình trạng hôn nhân, tuổi tác, tôn giáo, xu hướng sinh lý, thai sản, tật nguyền hay bất cứ lý do nào khác không liên quan đến công việc. Trong năm 2025, không có trường hợp ghi nhận phân biệt đối xử tại Công ty.

GRI 408: LAO ĐỘNG TRẺ EM

CÁC HOẠT ĐỘNG VÀ NHÀ CUNG CẤP CÓ RỦI RO ĐÁNG KỂ VỀ CÁC VỤ VIỆC LAO ĐỘNG TRẺ EM (GRI 408-1)

EVNGENCO3 tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em, độ tuổi tối thiểu của lao động tại Tổng Công ty là từ 18 tuổi trở lên. Người lao động tại TCT được đảm bảo quyền lợi dựa theo các quy định tại Bộ luật Lao động 2019.

GRI 409: LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC

CÁC HOẠT ĐỘNG VÀ NHÀ CUNG CẤP CÓ RỦI RO ĐÁNG KỂ VỀ CÁC VỤ VIỆC LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC (GRI 409-1)

EVNGENCO3 cam kết không sử dụng lao động bắt buộc hoặc cưỡng bức, mọi CBCNV làm việc tại Tổng Công ty đều dựa trên nguyên tắc tự nguyện, thỏa thuận giữa Tổng Công ty và người lao động.

GRI 413. CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

EVNGENCO3 đã chủ động thực hiện nhiều hoạt động ASXH trên cả nước, thể hiện trách nhiệm với xã hội và cộng đồng trên tinh thần phù hợp với điều kiện thực tế. Tổng kinh phí thực hiện ASXH năm 2025 là 17,8 tỷ đồng.

Triển khai hỗ trợ trực tiếp và khẩn cấp cho các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên sau các đợt bão số 10, 11, 12, 13 và đợt mưa lũ lịch sử với nhiều hoạt động gồm đóng góp kinh phí cho địa phương, sửa chữa hệ thống điện, hỗ trợ tái thiết cơ sở hạ tầng, thăm hỏi, trao quà an sinh cho người dân bị thiệt hại.

Hỗ trợ định kỳ hàng tháng cho 44 em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, mồ côi cha mẹ do dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, đến khi hoàn thành chương trình học lớp 12.

Xây dựng 09 căn nhà tình thương, tình nghĩa, nhà đại đoàn kết và Mái ấm yêu thương, đóng góp kinh phí thực hiện chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát theo vận động của Chính phủ, thực hiện chương trình bê tông hóa đường giao thông nông thôn tại địa phương bằng tro, xỉ của NMNĐ Vĩnh Tân 2, thực hiện các chương trình thấp sáng đường quê bằng đèn năng lượng mặt trời, tổ chức đóng góp, tổ chức vận động hiến máu nhân đạo... Đồng thời, Tổng Công ty, các đơn vị tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình chính sách, hộ nghèo... trên địa bàn nhân các dịp lễ, tết; Các hoạt động hiến máu tình nguyện hưởng ứng tuần lễ Hồng, tháng Tri ân khách hàng... theo nhu cầu thực tế tại địa phương và chủ trương, tinh thần của EVN/EVNGENCO3.

GRI 419. TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI

EVNGENCO3 luôn tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế và xã hội. Tổng Công ty luôn kiên định chủ trương xây dựng vững chắc hệ thống phòng ngừa rủi ro nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất những thiệt hại liên quan đến hoạt động tuân thủ.

Tổng số hình phạt phi tiền tệ: Không có

Các vụ việc được đưa ra thông qua các cơ chế giải quyết tranh chấp: Không có

MỤC LỤC GRI

Tuyên bố sử dụng	EVNGENCO3 đã báo cáo theo Tiêu chuẩn GRI 2021 cho giai đoạn 1/1/2025 - 31/12/2025
GRI 1 đã sử dụng	GRI 1: Tiêu chuẩn tổng quát 2021
GRI Tiêu chuẩn	Thông tin không có sẵn

Tiêu chuẩn GRI	Thông tin công bố	Nội dung trong báo cáo (Trang)
GRI 2: THÔNG TIN CHUNG		
2-1	Thông tin chi tiết về Tổ chức	
2-2	Đơn vị được bao gồm trong Báo cáo Phát triển bền vững	
2-3	Kỳ báo cáo, tần suất và thông tin liên hệ	
2-4	Trình bày lại thông tin	
2-5	Đảm bảo số liệu từ Đơn vị bên ngoài	
2-6	Các hoạt động, chuỗi giá trị và các mối quan hệ kinh doanh khác	
2-7	Nhân viên	
2-8	Người lao động không phải là nhân viên Công ty	
2-9	Cơ cấu và thành phần quản trị	
2-10	Đề cử và lựa chọn cơ quan quản trị cao nhất	
2-11	Chủ tịch cơ quan quản trị cao nhất	
2-12	Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc quản trị/ giám sát hoạt động quản lý các tác động của Công ty	
2-13	Sự phân chia trách nhiệm về việc quản lý các tác động	
2-14	Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong Báo cáo Phát triển bền vững	
2-15	Xung đột lợi ích	
2-16	Truyền đạt các mối quan tâm chính	
2-17	Kiến thức chung của cơ quan quản trị cao nhất	
2-18	Đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan quản trị cao nhất	

2-19	Chính sách thù lao	
2-20	Quy trình xác định thù lao	
2-21	Tỷ lệ tổng thù lao hàng năm	
2-22	Tuyên bố về chiến lược phát triển bền vững	
2-23	Cam kết chính sách	
2-24	Triển khai cam kết chính sách	
2-25	Các quy trình khắc phục tác động tiêu cực	
2-26	Cơ chế tư vấn và báo cáo các quan ngại	
2-27	Tuân thủ luật pháp và quy định	
2-28	Thành viên hiệp hội	
2-29	Phương pháp tiếp cận sự tham gia của các bên liên quan	
2-30	Thỏa ước lao động tập thể	
3-1	Quy trình xác định lĩnh vực trọng yếu	
3-2	Danh sách lĩnh vực trọng yếu	38
3-3	Quản lý lĩnh vực trọng yếu	38 - 79

GRI 200: CHỦ ĐỀ KINH TẾ

GRI 201: HIỆU QUẢ KINH TẾ

201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	39 - 40
-------	--	---------

GRI 202: SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG

202-1	Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng	41
-------	--	----

GRI 203: TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP

203-1	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ	42
203-2	Tác động kinh tế gián tiếp trọng yếu	42

GRI 205: CHỐNG THAM NHŨNG

205-3	Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và các biện pháp xử lý	43
-------	---	----

GRI 207: THUẾ

207-1	Phương pháp tiếp cận thuế	43
207-2	Quản lý, kiểm soát và quản trị rủi ro về thuế	43
207-3	Sự tham gia của các bên liên quan và quản lý các mối quan tâm liên quan đến thuế	43

GRI 300: CHỦ ĐỀ MÔI TRƯỜNG

GRI 301: VẬT LIỆU

301-1	Vật liệu đã được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng	
301-2	Vật liệu tái chế được sử dụng	

GRI 302: NĂNG LƯỢNG

302-1	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	45 - 46
302-2	Tiêu thụ năng lượng ngoài tổ chức	-
302-3	Cường độ sử dụng năng lượng	46
302-4	Giảm tiêu hao năng lượng	47
302-5	Giảm nhu cầu năng lượng	-
GRI 303: NƯỚC VÀ NƯỚC THẢI		
303-3	Nước đầu vào	47
303-4	Nước thải	48 - 51
303-5	Nước tiêu thụ	51 - 52
GRI 305: PHÁT THẢI		
305-1	Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1)	52 - 57
305-2	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2)	52 - 57
GRI 306: CHẤT THẢI		
306-1	Phát sinh chất thải và tác động đáng kể liên quan đến chất thải	58 - 59
306-2	Quản lý tác động liên quan đến chất thải	58 - 59
306-3	Chất thải phát sinh	58 - 59
306-4	Chất thải được chuyển hướng khỏi việc thải bỏ	58 - 59
306-5	Chất thải được xử lý	58 - 59
GRI 307: TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG		
307-1	Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường	60
GRI 400: CHỦ ĐỀ XÃ HỘI		
GRI 401: VIỆC LÀM		
401-1	Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc	
401-2	Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	
401-3	Nghỉ thai sản	
GRI 402: MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG - QUẢN LÝ		
402-1	Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động	
GRI 403: AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP		
403-1	Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	
403-2	Xác định nguy cơ, đánh giá rủi ro và điều tra sự cố	
403-3	Dịch vụ sức khỏe nghề nghiệp	
403-4	Tham gia, tư vấn và truyền thông về sức khỏe và an toàn lao động	
403-5	Huấn luyện cho công nhân về sức khỏe và an toàn nghề nghiệp	
403-6	Nâng cao sức khỏe người lao động	
403-7	Phòng ngừa và giảm thiểu tác động đến sức khỏe và an toàn nghề nghiệp được liên kết trực tiếp bởi các mối quan hệ kinh doanh	

403-9	Thương tật liên quan đến công việc	
403-10	Sức khỏe kém liên quan đến công việc	
GRI 404: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
404-1	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho nhân viên	
404-2	Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	
GRI 405: SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG		
405-1	Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên	
GRI 406: KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ		
406-1	Các vụ việc phân biệt đối xử và các hành động khắc phục đã thực hiện	
GRI 408: LAO ĐỘNG TRẺ EM		
408-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em	
GRI 409: LAO ĐỘNG CƯỖNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC		
409-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc	
GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG		
413-1	Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	
GRI 419: TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI		
419-1	Không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế và xã hội	

CHƯƠNG 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo Kiểm toán độc lập

Bảng cân đối Kế toán hợp nhất

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty mẹ”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các Công ty con (gọi chung là “Tổng Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	
Ông Đinh Quốc Lâm	Chủ tịch
Ông Lê Văn Danh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên
Ông Đỗ Mộng Hùng	Thành viên độc lập
Ông Hồ Anh Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 10 tháng 6 năm 2025)
Ông Nguyễn Minh Khoa	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 10 tháng 6 năm 2025)

Ban Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Danh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Ân	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát	
Ông Phạm Hùng Minh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đậu Đức Chiến	Kiểm soát viên
Ông Nguyễn Văn Đông	Kiểm soát viên (bổ nhiệm từ ngày 10 tháng 6 năm 2025)
Bà Vũ Hải Ngọc	Kiểm soát viên (miễn nhiệm từ ngày 10 tháng 6 năm 2025)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập trên cơ sở chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty mẹ") và Công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026, từ trang 4 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Quang Trung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số 0733-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Hoàng Thị Lan Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số 4597-2023-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		20.851.958.662.937	16.821.305.298.169
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.143.902.978.736	618.781.821.094
1. Tiền	111		385.102.978.736	370.781.821.094
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.758.800.000.000	248.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	3.257.000.000.000	2.880.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.257.000.000.000	2.880.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.682.906.437.084	10.330.733.524.343
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	11.346.965.039.382	9.421.767.236.215
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	408.296.978.522	65.362.247.545
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	885.820.758.167	815.598.708.750
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(233.586.310)	(7.142.750.900)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		42.057.247.323	35.148.082.733
IV. Hàng tồn kho	140	9	2.386.227.820.414	2.454.314.956.129
1. Hàng tồn kho	141		2.390.857.334.256	2.454.368.974.964
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.629.513.842)	(54.018.835)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		381.921.426.703	537.474.996.603
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		61.249.007.586	24.108.255.288
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		265.572.006.849	432.493.474.949
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	55.100.412.268	80.873.266.366

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.179.839.029.082	38.445.643.521.472
1. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.338.444.000	3.655.246.000
2. Phải thu dài hạn khác	216		1.338.444.000	3.655.246.000
II. Tài sản cố định	220		29.296.762.682.544	33.014.635.888.534
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	28.702.484.566.213	32.424.583.190.760
- Nguyên giá	222		116.023.935.686.888	115.437.074.131.501
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(87.321.451.120.675)	(83.012.490.940.741)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	594.278.116.331	590.052.697.774
- Nguyên giá	228		688.514.077.646	672.522.668.546
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(94.235.961.315)	(82.469.970.772)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		55.194.098.189	612.565.147.272
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	55.194.098.189	612.565.147.272
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5	2.711.318.438.296	2.546.895.008.122
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		2.177.272.398.241	2.009.985.634.734
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		536.909.373.388	536.909.373.388
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.863.333.333)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.115.225.366.053	2.267.892.231.544
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	272.508.882.922	260.051.045.227
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		1.842.716.483.131	2.007.841.186.317
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		55.031.797.692.019	55.266.948.819.641

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		37.128.427.550.714	40.697.274.536.860
I. Nợ ngắn hạn	310		14.369.668.242.189	13.814.064.825.171
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	5.824.132.078.724	5.610.052.996.993
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.439.531.095	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	778.668.843.094	100.737.207.559
4. Phải trả người lao động	314		400.684.480.860	485.165.926.727
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	93.718.541.577	442.854.951.127
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	42.057.426.420	42.103.614.540
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.423.544.408.561	787.680.771.122
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	5.452.168.906.238	5.884.796.778.867
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	352.254.025.620	460.672.578.236
II. Nợ dài hạn	330		22.758.759.308.525	26.883.209.711.689
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	17	832.199.604.765	873.284.205.371
Phải trả dài hạn khác	337		104.423.573	174.529.373
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	21.926.455.280.187	26.009.750.976.945

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		17.903.370.141.305	14.569.674.282.781
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	17.903.370.141.305	14.569.674.282.781
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.234.680.460.000	11.234.680.460.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.234.680.460.000	11.234.680.460.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		66.287.861.768	66.287.861.768
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.190.530.179.598	1.180.310.716.833
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		15.748.025.022	15.748.025.022
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.070.527.411.423	1.752.179.202.710
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.734.223.726.047	2.630.568.058.655
- Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.336.303.685.376	(878.388.855.945)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		325.596.203.494	320.468.016.448
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		55.031.797.692.019	55.266.948.819.641

Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập biểuVũ Phương Thảo
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		43.561.426.190.438	40.690.149.938.010
2 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	24	43.561.426.190.438	40.690.149.938.010
3 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	25	36.574.218.821.361	37.710.483.019.399
4 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.987.207.369.077	2.979.666.918.611
5 Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	196.668.426.864	245.998.048.606
6 Chi phí tài chính	22	27	2.554.846.061.693	3.607.066.345.676
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.663.204.471.014	2.261.331.784.676
7 Phần lãi trong công ty liên kết	24	5	366.672.346.007	207.500.439.934
8 Chi phí bán hàng	25		193.384.241	156.601.137
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	682.883.072.964	671.801.325.035
10 Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		4.312.625.623.050	(845.858.864.697)
11 Thu nhập khác	31		4.737.232.384	14.688.524.619
12 Chi phí khác	32		20.647.219.083	39.347.135.741
13 Lỗ khác (40=31-32)	40		(15.909.986.699)	(24.658.611.122)
14 Tổng lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.296.715.636.351	(870.517.475.819)
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	564.328.596.718	5.050.529.429
16 Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		3.732.387.039.633	(875.568.005.248)
17 Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế của Công ty mẹ	61		3.721.191.392.295	(878.388.855.945)
18 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		11.195.647.338	2.820.850.697
19 Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	31	3.312	(782)

Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập biểuVũ Phương Thảo
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	4.296.715.636.351	(870.517.475.819)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.327.061.744.395	4.508.736.320.254
Các khoản dự phòng	03	529.663.750	6.203.921.092
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	790.969.415.739	1.129.011.709.638
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(619.219.631.815)	(399.520.416.004)
Chi phí lãi vay	06	1.663.204.471.014	2.261.331.784.676
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.459.261.299.434	6.635.245.843.837
Thay đổi các khoản phải thu	09	(8.527.721.173.905)	(8.158.171.265.594)
Thay đổi hàng tồn kho	10	228.636.343.894	569.111.918.404
Thay đổi các khoản phải trả	11	1.046.225.660.094	1.536.518.777.805
Thay đổi chi phí trả trước	12	(49.598.589.993)	4.999.248.934
Tiền lãi vay đã trả	14	(195.798.688.681)	(75.002.335.969)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.764.009.364)	(17.564.304.121)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	25.444.000	839.444.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(117.698.353.523)	(145.201.619.740)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.841.567.931.956	350.775.707.556
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(696.131.228.485)	(421.783.005.035)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	336.173.355	167.835.657
3. Tiền chi cho các khoản tiền gửi ngân hàng	23	(3.002.000.000.000)	(3.465.000.000.000)
4. Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng	24	2.625.000.000.000	3.520.000.000.000
5. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	494.916.789.606	602.386.987.286
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(577.878.265.524)	235.771.817.908

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.109.796.485.613	2.188.554.652.649
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.844.326.333.838)	(2.615.841.280.491)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.038.660.565)	(50.662.114.495)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(738.568.508.790)	(477.948.742.337)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	1.525.121.157.642	108.598.783.127
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	618.781.821.094	510.183.037.967
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	2.143.902.978.736	618.781.821.094

Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập biểu

Vũ Phương Thảo
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Cấu trúc của Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần (“Công ty mẹ”), hai công ty con và bốn công ty liên kết.

Thông tin về các công ty trong Tổng Công ty cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty mẹ – Tổng Công ty Phát điện 3 theo Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công thương và được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa theo Quyết định số 673/QĐ-UBQLV ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Công ty mẹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502208399 đăng ký lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất, lần thứ 10, do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 7 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết và giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 14 tháng 3 năm 2018 với mã giao dịch cổ phiếu là “PGV” theo Quyết định số 114/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 731/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là ngày 10 tháng 02 năm 2022.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đã báo cáo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) và các cơ quan có thẩm quyền về điều kiện là công ty đại chúng của Tổng Công ty theo quy định hiện hành.

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.789 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.740 người).

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ, gồm:

- Công ty Thủy điện Buôn Kuốp tại Số 22, đường Mai Xuân Thưởng, Phường Thành Nhất, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam;
- Công ty Nhiệt điện Mông Dương tại Khu 8, Phường Mông Dương, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam;
- Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Thôn Vĩnh Phúc, Xã Vĩnh Hảo, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam;
- Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO3 tại Số 1228, đường Độc Lập, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;

- Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân tại Đại lộ Hùng Vương, Khu phố 5, Phường Phú Thủy, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam;
- Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình tại Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam;
- Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 1 tại Khu 8, Phường Mông Dương, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam. Công ty mẹ đã chấm dứt hoạt động chi nhánh này từ ngày 11 tháng 02 năm 2025;
- Ban Quản lý Dự án EVNGENCO3 tại số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ bao gồm:

Tên công ty	Nơi thành lập và đăng ký hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Thành phố Hồ Chí Minh	79,56	79,56	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	54,76	54,76	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Tỉnh Lào Cai	30,00	30,00	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Tỉnh Gia Lai	30,55	30,55	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	Tỉnh Gia Lai	30,00	30,00	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Simacai	Tỉnh Lào Cai	28,64	36,00	Sản xuất và kinh doanh điện năng

Các công ty con

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2744/QĐ-BCT ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Bộ Công thương và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500701305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 11 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Ninh Bình theo Quyết định số 0421/QĐ-BCT ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Bộ Công thương và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2700283389 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Các công ty liên kết

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần **đầu** ngày 31 tháng 3 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 04 tháng 5 năm 2005. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 01 tháng 11 năm 2003 theo Công văn số 1391/CP-CN ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900308540 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 01 tháng 9 năm 2003. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Simacai thành lập ngày 08 tháng 8 năm 2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300755744 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Simacai là sản xuất điện và kinh doanh điện năng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện. Ngoài ra, Tổng Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về thông tin so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hướng dẫn chế độ kế toán mới đã được ban hành

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước);

Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200;

Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200;

Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty trong Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết của Công ty mẹ, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty mẹ vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, và các khoản đầu tư ngắn hạn (kỳ hạn gốc không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Dự phòng của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh khoản đầu tư vào các đơn vị nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho chủ yếu bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Tổng Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất khi có bằng chứng tin cậy giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	05 – 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong năm khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất (kể cả các chi phí bỏ ra để có được quyền sử dụng đất), phần mềm máy tính, bản quyền bằng sáng chế và tài sản cố định vô hình khác.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Phần mềm máy tính	03 – 10
Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn	42 – 50
Bản quyền, bằng sáng chế	03 – 10
Tài sản cố định vô hình khác	03 – 10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là giá trị mua sắm tài sản cố định chưa nghiệm thu đưa vào sử dụng, các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại các đơn vị trong Tổng Công ty, được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở phiếu giá, hóa đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện, bao gồm chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (trong trường hợp chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản này được bàn giao đưa vào sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm khoản chi phí bảo hiểm, và các chi phí khác.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí liên quan đến đất thuê và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị thuần của thiết bị, vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều niên độ kế toán về cho thuê tài sản. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty chủ yếu là doanh thu bán điện. Doanh thu bán điện được xác định dựa trên tổng sản lượng điện phát và giá bán điện được quy định tại từng hợp đồng mua bán điện của mỗi nhà máy điện.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (không bao gồm các khoản công nợ nội bộ có gốc ngoại tệ) tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí sửa chữa lớn

Tổng Công ty hạch toán chi phí sửa chữa lớn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm khi công trình sửa chữa lớn hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến quá trình chuẩn bị công tác sửa chữa (chi phí tư vấn, khảo sát, thẩm định...) công trình, hạng mục sửa chữa lớn: Tổng Công ty hạch toán chi phí đồng bộ với thời điểm hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh khi công trình sửa chữa lớn hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	2.093.959.981	2.309.858.355
Tiền gửi ngân hàng	383.009.018.755	368.471.962.739
Các khoản tương đương tiền (*)	1.758.800.000.000	248.000.000.000
	2.143.902.978.736	618.781.821.094

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, hưởng lãi suất theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

α. Đầu tư tài chính ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc và giá trị ghi sổ	Giá gốc và giá trị ghi sổ
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	3.257.000.000.000	2.880.000.000.000

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng với lãi suất được hưởng theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị 900 tỷ đồng đang được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các thư tín dụng, thư bảo lãnh được phát hành theo Hợp đồng hạn mức tín dụng của Tổng Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 900 tỷ đồng).

b. Đầu tư vào công ty liên kết

Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	1.512.156.345.946	1.430.748.282.125
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	350.453.216.456	322.819.661.238
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	172.835.795.839	166.417.691.371
Công ty Cổ phần Simacai	141.827.040.000	90.000.000.000
	2.177.272.398.241	2.009.985.634.734

Giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết biến động trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.009.985.634.734	1.984.832.768.300
Tăng trong năm	51.827.040.000	-
Phần lãi trong công ty liên kết	366.672.346.007	207.500.439.934
Cổ tức đã chia	(251.212.622.500)	(182.347.573.500)
Số dư cuối năm	2.177.272.398.241	2.009.985.634.734

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ sở hữu %	Số cuối năm			Số đầu năm		
		Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (**)	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (**)	1,99	114.770.927.800	131.389.258.477	-	114.770.927.800	146.566.804.743	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (**)	1,60	108.730.000.000	106.133.333.333	(2.863.333.333)	108.730.000.000	130.733.333.333	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (**)	19,89	83.750.000.000	372.701.015.000	-	83.750.000.000	371.085.420.167	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (***)	2,47	83.094.784.000	173.418.752.000	-	83.094.784.000	149.204.224.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP	15,00	74.463.661.588	(*)	-	74.463.661.588	(*)	-
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	6,43	50.000.000.000	(*)	-	50.000.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	0,45	19.600.000.000	(*)	-	19.600.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	1,14	2.500.000.000	(*)	-	2.500.000.000	(*)	-
		536.909.373.388	(2.863.333.333)		536.909.373.388		-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

(**) Đối với các khoản đầu tư có cổ phiếu được giao dịch trên thị trường của những công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”), giá trị hợp lý của các cổ phiếu này được xác định bằng cách tham khảo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(***) Đối với các khoản đầu tư có cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) hoặc Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội (“HNX”), giá trị hợp lý của các cổ phiếu này được xác định bằng cách tham khảo giá đóng cửa trên thị trường chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700434869 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 16 tháng 12 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200493225 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 17 tháng 9 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000884487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20 tháng 5 năm 2009. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000396 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502208825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 05 tháng 10 năm 2012. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP là sửa chữa máy móc thiết bị.

Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000455251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 17 tháng 01 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Điện Việt Lào được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103002575 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 7 năm 2003. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện Việt Lào là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800383471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp ngày 17 tháng 7 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc là sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác tương đương.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)	11.243.836.872.722	9.343.830.311.983
Các bên thứ ba	103.128.166.660	77.936.924.232
	11.346.965.039.382	9.421.767.236.215

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Siemens Energy Global GmbH & Co. KG.	240.117.887.227	-
Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	42.187.502.913	40.209.505.662
Khác	125.991.588.382	25.152.741.883
	408.296.978.522	65.362.247.545

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu về chi hộ từ bên liên quan	424.317.643.593	436.802.257.044
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa kê khai	363.058.265.219	191.754.421.419
Lãi tiền gửi dự thu	69.046.225.434	60.846.034.404
Phải thu về cổ tức	9.434.525.000	58.964.851.500
Khác	19.964.098.921	67.231.144.383
	885.820.758.167	815.598.708.750

Trong đó:

Phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)	425.483.665.565	486.486.231.112
---	-----------------	-----------------

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.233.792.073.258	2.255.229.845.665
Công cụ, dụng cụ	124.642.590.917	120.351.901.519
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31.856.228.069	45.828.244.555
Thành phẩm	95.003.012	311.123.067
Hàng mua đang đi đường	471.439.000	32.647.860.158
	2.390.857.334.256	2.454.368.974.964
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.629.513.842)	(54.018.835)
	2.386.227.820.414	2.454.314.956.129

Trong năm, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 4.575.495.007 đồng (năm 2024: trích lập 25.193.238 đồng).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	20.716.233.283.054	87.435.090.135.514	6.815.124.323.074	431.090.060.582	39.536.329.277	115.437.074.131.501
Tăng trong năm	91.067.775.994	351.846.164.135	9.737.518.091	146.389.816.548	-	599.041.274.768
Đầu tư xây dựng bàn giao	81.891.261.378	18.328.705.993	-	-	-	100.219.967.371
Mua sắm mới	6.040.697.559	332.488.077.251	9.721.700.633	146.314.826.548	-	494.565.301.991
Phân loại lại	3.129.866.131	192.569.588	-	74.990.000	-	3.397.425.719
Tăng do quyết toán	-	585.591.519	-	-	-	585.591.519
Tăng khác	5.950.926	251.219.784	15.817.458	-	-	272.988.168
Giảm trong năm	267.559.588	6.922.827.689	3.819.527.755	1.169.804.349	-	12.179.719.381
Thanh lý, nhượng bán	-	1.768.522.043	3.803.710.297	1.168.804.349	-	6.741.036.689
Phân loại lại	267.559.588	3.129.866.131	-	-	-	3.397.425.719
Giảm khác	-	2.024.439.515	15.817.458	1.000.000	-	2.041.256.973
Số dư cuối năm	20.807.033.499.460	87.780.013.471.960	6.821.042.313.410	576.310.072.781	39.536.329.277	116.023.935.686.888
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	10.558.524.583.147	67.274.731.383.834	4.829.643.669.184	322.097.763.531	27.493.541.045	83.012.490.940.741
Tăng trong năm	657.449.474.776	3.392.063.065.474	219.560.842.486	48.413.304.425	4.460.260.199	4.321.946.947.360
Trích khấu hao	653.366.461.633	3.391.051.546.262	219.560.842.486	47.099.675.864	4.460.260.199	4.315.538.786.444
Tính hao mòn	953.147.012	136.641.761	-	14.839.200	-	1.104.627.973
Phân loại lại	3.129.866.131	51.713.797	-	5.160.605	-	3.186.740.533
Tăng khác	-	823.163.654	-	1.293.628.756	-	2.116.792.410
Giảm trong năm	51.713.797	7.962.538.983	3.803.710.297	1.168.804.349	-	12.986.767.426
Thanh lý, nhượng bán	-	1.768.522.043	3.803.710.297	1.168.804.349	-	6.741.036.689
Phân loại lại	51.713.797	3.135.026.736	-	-	-	3.186.740.533
Giảm khác	-	3.058.990.204	-	-	-	3.058.990.204
Số dư cuối năm	11.215.922.344.126	70.658.831.910.325	5.045.400.801.373	369.342.263.607	31.953.801.244	87.321.451.120.675
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	10.157.708.699.907	20.160.358.751.680	1.985.480.653.890	108.992.297.051	12.042.788.232	32.424.583.190.760
Tại ngày cuối năm	9.591.111.155.334	17.121.181.561.635	1.775.641.512.037	206.967.809.174	7.582.528.033	28.702.484.566.213

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 41.756 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 38.070 tỷ đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng. Giá trị còn lại của các tài sản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 12.292 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 13.976 tỷ đồng).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền bằng sáng chế	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	549.142.352.328	78.981.347.727	17.418.486.148	26.980.482.343	672.522.668.546
Mua sắm mới	-	15.885.127.420	106.281.680	-	15.991.409.100
Số dư cuối năm	549.142.352.328	94.866.475.147	17.524.767.828	26.980.482.343	688.514.077.646
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	10.993.825.729	49.300.598.933	17.279.591.876	4.895.954.234	82.469.970.772
Trích khấu hao	1.041.018.444	7.081.609.845	150.989.580	3.492.372.674	11.765.990.543
Số dư cuối năm	12.034.844.173	56.382.208.778	17.430.581.456	8.388.326.908	94.235.961.315
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	538.148.526.599	29.680.748.794	138.894.272	22.084.528.109	590.052.697.774
Tại ngày cuối năm	537.107.508.155	38.484.266.369	94.186.372	18.592.155.435	594.278.116.331

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 61,19 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 34,1 tỷ đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Tổng Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay dài hạn từ ngân hàng. Giá trị còn lại của tài sản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 486 tỷ đồng.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang	473.654.221	415.392.700.541
Mua sắm tài sản cố định chưa nghiệm thu đưa vào sử dụng	31.235.402.701	150.325.066.396
Khác	23.485.041.267	46.847.380.335
	55.194.098.189	612.565.147.272

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí liên quan đến đất thuê	200.730.021.073	205.514.112.469
Chi phí trả trước khác	71.778.861.849	54.536.932.758
	272.508.882.922	260.051.045.227

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả người bán là bên thứ ba	5.814.857.965.049	5.601.238.426.363
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	3.090.645.948.195	2.381.265.710.286
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	1.279.078.610.092	1.676.034.331.355
Tổng Công ty Đông Bắc	973.651.430.881	898.484.550.778
Khác	471.481.975.881	645.453.833.944
Phải trả người bán là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)	9.274.113.675	8.814.570.630
	5.824.132.078.724	5.610.052.996.993

Tổng Công ty có thể chi trả tất cả các khoản nợ phải trả người bán ngắn hạn khi đến hạn thanh toán.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	Phân loại lại	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước					
Thuế giá trị gia tăng	1.847.183.105	-	-	27.309.979.648	29.157.162.753
Thuế thu nhập doanh nghiệp	77.422.213.929	-	-	(59.842.384.578)	17.579.829.351
Thuế thu nhập cá nhân	1.208.596.497	-	-	238.952.500	1.447.548.997
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	395.272.835	-	-	6.520.598.332	6.915.871.167
Tổng cộng	80.873.266.366	-	-	(25.772.854.098)	55.100.412.268
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước					
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Phân loại lại	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	23.641.688.125	315.296.143.459	(334.951.060.724)	27.309.979.648	31.296.750.508
Thuế nhập khẩu	-	12.736.243.902	(12.736.243.902)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.006.626.093	564.328.596.718	(1.764.009.364)	(59.842.384.578)	503.728.828.869
Thuế thu nhập cá nhân	6.808.755.389	103.745.686.189	(98.102.980.986)	238.952.500	12.690.413.092
Thuế tài nguyên	33.670.350.412	451.336.490.936	(431.762.017.072)	-	53.244.824.276
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	12.077.712.761	(18.598.311.093)	6.520.598.332	-
Tiền dịch vụ môi trường rừng	32.297.326.998	269.167.444.572	(139.829.134.376)	-	161.635.637.194
Các khoản phí, lệ phí và thuế khác	3.312.460.542	92.837.467.481	(80.077.538.868)	-	16.072.389.155
Tổng cộng	100.737.207.559	1.821.525.786.018	(1.117.821.296.385)	(25.772.854.098)	778.668.843.094

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	68.004.395.419	57.187.401.603
Chi phí nhiên liệu	-	363.093.629.124
Chi phí phải trả khác	25.714.146.158	22.573.920.400
	93.718.541.577	442.854.951.127

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, doanh thu chưa thực hiện chủ yếu là khoản doanh thu cung cấp dịch vụ công trình cơ sở hạ tầng dùng chung tại Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân nhận trước từ các khách hàng, trong đó có bên liên quan là Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 (chi tiết tại Thuyết minh số 34).

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả khác cho EVN	113.511.637.465	113.640.810.866
Cổ tức phải trả	9.550.357.247	9.509.543.622
Phải trả về lãi vay, phí vay lại của EVN	296.414.353.220	453.367.476.463
Phải trả EVN về lợi nhuận giai đoạn TNHH MTV	384.887.706.919	105.309.770.614
Thuế giá trị gia tăng đầu ra chưa kê khai	353.659.944.663	-
Thu hộ chi hộ bên liên quan	244.547.522.325	-
Khác	20.972.886.722	105.853.169.557
	1.423.544.408.561	787.680.771.122
Trong đó:		
Bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)	1.044.448.881.971	677.924.824.552

19. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phân loại lại trong năm	Đánh giá lại gốc ngoại tệ cuối năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	464.097.414.715	(464.097.414.715)	-	-	-
Vay ngân hàng	-	464.097.414.715	(464.097.414.715)	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại Thuyết minh số 20)	5.884.796.778.867	-	(6.412.231.172.294)	5.831.308.679.815	148.294.619.850	5.452.168.906.238
Vay ngân hàng	226.311.552.361	-	(753.745.945.788)	1.625.622.675.986	-	1.098.188.282.559
Vay bên liên quan	5.658.485.226.506	-	(5.658.485.226.506)	4.205.686.003.829	148.294.619.850	4.353.980.623.679
	5.884.796.778.867	464.097.414.715	(6.876.328.587.009)	5.831.308.679.815	148.294.619.850	5.452.168.906.238

Tổng Công ty có Hợp đồng hạn mức tín dụng với các Ngân hàng Thương mại, tổng hạn mức tín dụng 3.950.000.000.000 đồng để đảm bảo phát hành thư tín dụng, thư bảo lãnh và tài trợ vốn lưu động.

Tổng Công ty đã sử dụng các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn được giải ngân, thư tín dụng và thư bảo lãnh được phát hành theo Hợp đồng hạn mức tín dụng của Tổng Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam nêu trên (xem Thuyết minh số 5).

20. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phân loại lại trong năm	Đánh giá lại gốc ngoại tệ cuối năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng (*)	2.322.720.890.777	1.109.796.485.613	-	(1.625.622.675.986)	-	1.806.894.700.404
Vay bên liên quan (**)	23.687.030.086.168	-	-	(4.205.686.003.829)	638.216.497.444	20.119.560.579.783
	26.009.750.976.945	1.109.796.485.613	-	(5.831.308.679.815)	638.216.497.444	21.926.455.280.187

Tại ngày 18 tháng 02 năm 2025, Tổng Công ty đã thực hiện giải ngân khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội theo Hợp đồng cấp tín dụng số 244531.25.065.2633763.TD ký ngày 10 tháng 02 năm 2025 với số tiền 1.047 tỷ đồng để trả nợ trước hạn khoản vay tại Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Hàn Quốc với giá trị 40.754.497,26 Đô la Mỹ.

(*) Chi tiết số dư của các khoản vay ngân hàng như sau:

	Nguyên tệ	Năm đáo hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2028	2.072.055.985.036	2.074.055.985.036
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	2026	523.593.403.548	-
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2025	-	168.521.659.488
Dự án Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	VND	2025	-	10.000.000.000
Dự án Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2				
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	2031	238.869.855.132	282.300.737.884
Dự án Đầu tư Mở rộng mái che kho than Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 - Giai đoạn 2				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	2029	49.884.349.610	14.154.060.730
Dự án Đầu tư xây dựng công trình Trụ sở văn phòng làm việc của Tổng Công ty Phát điện 3 tại Thành phố Hồ Chí Minh				
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	2035	20.679.389.637	-
			2.905.082.982.963	2.549.032.443.138
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả			(1.098.188.282.559)	(226.311.552.361)
Số phải trả sau 12 tháng			1.806.894.700.404	2.322.720.890.777

Tài sản thế chấp cho khoản vay của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam là máy móc thiết bị thuộc Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 4 (xem Thuyết minh số 10).

Tài sản thế chấp cho khoản vay của Dự án Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 gồm máy móc thiết bị của Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 (xem Thuyết minh số 10); quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 ký giữa Tổng Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam; các khoản thu được từ khu đất của Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2.

Tài sản thế chấp cho khoản vay của Dự án Đầu tư Mở rộng mái che kho than Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2 - Giai đoạn 2 là tài sản hình thành từ dự án (xem Thuyết minh số 10).

Tài sản thế chấp cho khoản vay liên quan đến Dự án Đầu tư xây dựng công trình Trụ sở văn phòng làm việc của Tổng Công ty Phát điện 3 tại Thành phố Hồ Chí Minh là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành từ dự án (xem Thuyết minh số 11).

Lãi suất các khoản vay ngân hàng này được xác định theo thông báo của ngân hàng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay ngân hàng nêu trên có lãi suất từ 5,575%/năm đến 7,55%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 6,53%/năm đến 7,60%/năm).

(**) Chi tiết số dư của các khoản vay lại từ EVN như sau:

	Nguyên tệ	Năm đáo hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1				
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2032	323.519.221.548	346.246.097.465
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2034	16.122.022.241.557	16.649.375.325.083
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc	USD	2025	-	1.561.977.239.235
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2027	1.582.566.174.830	2.299.511.789.667
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	CNY	2027	343.899.431.802	531.945.698.813
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2028	5.014.875.047.834	6.477.111.189.979
Dự án Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2026	9.080.618.317	17.507.801.934
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	14.392.422.295	19.424.424.391
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 1				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	968.377.380.830	1.306.949.807.699
Dự án duôi hơi 306-2 Nhà máy Điện Bà Rịa				
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu	KRW	2027	94.808.664.449	135.465.938.408
			24.473.541.203.462	29.345.515.312.674
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả			(4.353.980.623.679)	(5.658.485.226.506)
Số phải trả sau 12 tháng			20.119.560.579.783	23.687.030.086.168

Tài sản thế chấp cho khoản vay của dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 là toàn bộ giá trị công trình xây dựng của dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 (xem Thuyết minh số 10).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay lại EVN bằng đồng Đô la Mỹ có lãi suất từ 3,45%/năm đến 7,29%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 3,45%/năm đến 9,26%/năm).

Các khoản vay lại khác từ EVN có lãi suất cố định theo quy định của từng hợp đồng vay với lãi suất từ 1,15%/năm đến 3,40%/năm.

Các khoản vay được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.452.168.906.238	5.884.796.778.867
Trong năm thứ hai	5.445.934.803.585	4.771.026.229.668
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	7.436.762.829.533	10.712.886.608.205
Sau năm năm	9.043.757.647.069	10.525.838.139.072
	27.378.624.186.425	31.894.547.755.812
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (Chi tiết tại Thuyết minh số 19)	(5.452.168.906.238)	(5.884.796.778.867)
Số phải trả sau 12 tháng	21.926.455.280.187	26.009.750.976.945

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Quỹ khen thưởng	166.914.999.521	213.192.565.398
Quỹ phúc lợi	178.652.643.436	240.269.757.082
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	6.686.382.663	7.210.255.756
	352.254.025.620	460.672.578.236

Thay đổi trong Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	460.672.578.236	412.558.048.501
Trích quỹ từ lợi nhuận	9.724.000.000	189.490.999.881
Tặng khác	25.444.000	839.444.000
Sử dụng trong năm	(117.063.368.643)	(141.145.427.835)
Khấu hao tài sản cố định hình thành từ quỹ phúc lợi	(1.104.627.973)	(1.070.486.311)
Số dư cuối năm	352.254.025.620	460.672.578.236

22. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 11.234.680.460.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 11.234.680.460.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

Số lượng cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành	1.123.468.046	1.123.468.046

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Công ty mẹ chỉ có một loại cổ phiếu phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty mẹ. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty mẹ.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Tại ngày đầu năm và cuối năm	
	Cổ phiếu phổ thông	%
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	1.114.422.994	99,19
Các cổ đông khác	9.045.052	0,81
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.123.468.046	100

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	11.234.680.460.000	65.840.801.128	912.243.833.241	15.748.025.022	3.184.022.130.153	358.590.530.517	15.771.125.780.061
(Lỗ)/Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(878.388.855.945)	2.820.850.697	(875.568.005.248)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(185.972.489.171)	(3.518.510.710)	(189.490.999.881)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	262.171.811.713	-	(262.171.811.713)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(37.424.854.056)	(37.424.854.056)
Kết chuyển lợi nhuận	-	-	-	-	(105.309.770.614)	-	(105.309.770.614)
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển	-	447.060.640	(447.060.640)	-	-	-	-
Điều chỉnh khác	-	-	6.342.132.519	-	-	-	6.342.132.519
Số dư đầu năm	11.234.680.460.000	66.287.861.768	1.180.310.716.833	15.748.025.022	1.752.179.202.710	320.468.016.448	14.569.674.282.781
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	3.721.191.392.295	11.195.647.338	3.732.387.039.633
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	(7.736.013.898)	(1.987.986.102)	(9.724.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	10.219.462.765	-	(10.219.462.765)	-	-
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(4.079.474.190)	(4.079.474.190)
Kết chuyển lợi nhuận (**)	-	-	-	-	(384.887.706.919)	-	(384.887.706.919)
Số dư cuối năm	11.234.680.460.000	66.287.861.768	1.190.530.179.598	15.748.025.022	5.070.527.411.423	325.596.203.494	17.903.370.141.305

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 714/NQ-NĐBR ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và đã thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 3,3% từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024, Công ty Nhiệt điện Bà Rịa đã chi trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông theo Nghị quyết số 1197/NQ-NĐBR ngày 3 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng Quản trị.

(**) Căn cứ Quyết định số 673/QĐ-UBQLV ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Tổng Công ty đã kết chuyển lợi nhuận sau thuế từ nguồn thanh toán chênh lệch tỷ giá đã phát sinh trong giai đoạn Công ty TNHH MTV theo văn bản số 1256/EVN-TCKT ngày 06 tháng 3 năm 2026 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng trong nước. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Tổng Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Tổng Công ty trong năm cũng như các năm tài chính trước. Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng, rủi ro kinh doanh và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về lĩnh vực kinh doanh mà Tổng Công ty cung cấp và khu vực địa lý mà Tổng Công ty hoạt động. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán điện (*)	42.961.557.303.005	40.139.424.427.714
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh khác	599.868.887.433	550.725.510.296
	43.561.426.190.438	40.690.149.938.010

(*) Doanh thu thuần về bán điện trong năm bao gồm khoản thanh toán khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh giữa tỷ giá thực tế khi thanh toán cho các khoản vay có gốc ngoại tệ và tỷ giá theo hợp đồng được quy định tại hợp đồng mua bán điện, cho giai đoạn 2019 đến 2021 với tổng số tiền là 1.530 tỷ đồng cho các nhà máy điện của công ty, căn cứ theo các văn bản của EVN và phê duyệt của Cơ quan có thẩm quyền.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc thanh toán khoản chênh lệch tỷ giá còn lại năm 2021 đến hết năm 2025 của các nhà máy điện hạch toán phụ thuộc, Tổng Công ty chưa ghi nhận doanh thu bán điện đối với khoản chênh lệch tỷ giá cho giai đoạn này.

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán điện	36.132.546.829.422	37.231.926.010.474
Giá vốn về hoạt động kinh doanh khác	441.671.991.939	478.557.008.925
	36.574.218.821.361	37.710.483.019.399

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	131.902.137.426	134.128.409.820
Cổ tức, lợi nhuận được chia	54.591.120.400	57.891.566.250
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.175.169.038	53.978.072.536
	196.668.426.864	245.998.048.606

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.663.204.471.014	2.261.331.784.676
Lỗ chênh lệch tỷ giá	888.778.257.346	1.346.698.584.046
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	2.863.333.333	(964.023.046)
	2.554.846.061.693	3.607.066.345.676

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	336.652.823.457	322.135.251.085
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	11.406.610.889	12.255.515.658
Chi phí khấu hao tài sản cố định	74.927.566.324	69.203.476.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài (*)	67.397.348.385	58.063.149.671
Chi phí khác	192.498.723.909	210.143.931.777
	682.883.072.964	671.801.325.035

(*) Chi Phí dịch vụ mua ngoài bao gồm phí dịch vụ cho công ty kiểm toán bao gồm:

Phí dịch vụ soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.600.000.000 đồng.

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	28.418.152.070.768	30.620.065.451.300
Chi phí nhân viên	1.320.806.253.302	1.217.997.669.763
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.319.850.032.338	4.497.836.192.331
Chi phí dịch vụ mua ngoài	554.325.219.085	538.407.134.860
Chi phí sửa chữa lớn	1.430.286.359.661	500.964.353.828
Chi phí khác	1.213.875.343.412	1.007.170.143.489
	37.257.295.278.566	38.382.440.945.571

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	557.254.022.756	5.050.529.429
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	7.074.573.962	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	564.328.596.718	5.050.529.429

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm tài chính được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	4.296.715.636.351	(870.517.475.819)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(428.172.630.997)	(265.413.022.547)
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	48.028.488.070	426.397.814.767
Trừ: Các khoản chi phí đã được tính thuế TNDN năm trước	(29.345.591.885)	-
Trừ: Chi phí lãi vay năm trước được khấu trừ trong kỳ	(389.008.740.256)	-
Lỗ năm trước chuyển sang	(711.947.047.502)	-
Thu nhập/(Lỗ) phát sinh trong năm hiện hành	2.786.270.113.781	(709.532.683.599)
Thu nhập/(Lỗ) tính thuế phát sinh tại trụ sở chính	2.768.777.971.750	(734.785.330.744)
Thu nhập tính thuế phát sinh tại các địa phương	17.492.142.031	25.252.647.145
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	557.254.022.756	5.050.529.429

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty còn khoản lỗ tính thuế của năm trước là 5.274.241.182 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 717.221.288.684 đồng), được chuyển sang để trừ vào thu nhập chịu thuế năm sau trong thời hạn tối đa là 5 năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ (2024). Tổng Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản lỗ này vì Tổng Công ty không chắc chắn có đủ thu nhập tính thuế trong tương lai để sử dụng.

Khoản lỗ tính thuế được chuyển lỗ sang các năm sau cụ thể như sau:

Năm phát sinh	Năm hết hạn	Lỗ tính thuế	Số lỗ đã chuyển đến ngày 31/12/2025	Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại ngày 31/12/2025
		VND	VND	VND
2024	2029	717.221.288.684	711.947.047.502	5.274.241.182

31. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm trước	
	Năm nay	(Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.721.191.392.295	(878.388.855.945)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(7.736.013.898)
Lợi nhuận/(Lỗ) để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	3.721.191.392.295	(886.124.869.843)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	1.123.468.046	1.123.468.046
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.312	(789)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty chưa ước tính được số lợi nhuận có thể trích lập vào quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm nay.

(*) Như đã trình bày tại thuyết minh số 21, Tổng Công ty đã thông qua phương án trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024. Theo đó, Tổng Công ty trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, cụ thể như sau:

	Năm trước	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
	VND	VND
Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(878.388.855.945)	(878.388.855.945)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(7.736.013.898)
Lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(878.388.855.945)	(886.124.869.843)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	1.123.468.046	1.123.468.046
Lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(782)	(789)

32. NGHĨA VỤ HOÀN NGUYÊN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Tổng Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án của các nhà máy điện. Theo các quy định có liên quan việc trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường phải được thực hiện theo cơ chế chính sách áp dụng cho từng ngành nghề, từng đơn vị. Tổng Công ty chưa ước tính giá trị của nghĩa vụ hoàn nguyên này vì đây là lĩnh vực kỹ thuật phức tạp và liên quan đến tính toán giá thành điện. Theo đó Tổng Công ty đang trao đổi với EVN để có hướng dẫn cụ thể hơn; đồng thời theo dõi các cập nhật về cơ chế chính sách về dự phòng hoàn nguyên áp dụng cho lĩnh vực sản xuất điện trong việc ước tính giá trị của nghĩa vụ này.

33. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt của Tổng Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Nhà máy điện và các công trình khác	2.479.748.000.000		213.392.000.000	

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:				
Dưới 1 năm	43.870.717.617		42.358.019.578	
Từ 1 đến 5 năm	134.914.247.601		134.610.321.462	
Trên 5 năm	796.349.362.386		825.163.386.107	
	975.134.327.604		1.002.131.727.147	

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện cho các hợp đồng thuê văn phòng và thuê đất tại các nhà máy điện của Tổng Công ty.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm tài chính:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (gọi tắt là “EVN”)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Simacai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	Bên liên quan khác
Công ty Mua bán điện - Chi nhánh EVN (“Công ty Mua bán điện”)	Bên liên quan khác
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải - Chi nhánh Tổng Công ty Phát Điện 1 (“Công ty Nhiệt điện Duyên Hải”)	Bên liên quan khác
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - Chi nhánh EVN (“Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin”)	Bên liên quan khác
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công nghệ EVN - Chi nhánh EVN (“Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công nghệ EVN”)	Bên liên quan khác
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 - Chi nhánh EVN (“Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4”)	Bên liên quan khác
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân (“Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 Mở Rộng”)	Bên liên quan khác
Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 3 & Phú Mỹ 2.2 - Đơn vị hạch toán phụ thuộc (“Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 3 & Phú Mỹ 2.2”)	Bên liên quan khác

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng hàng hóa, dịch vụ		
Công ty Mua bán điện	42.959.688.530.657	40.137.055.592.724
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	264.168.666.461	306.711.409.227
Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 3 & Phú Mỹ 2.2	186.872.799.500	-
Biên liên quan khác	3.041.689.141	79.212.140.999
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	148.183.008.952	120.961.681.767
Biên liên quan khác	38.658.341.359	26.414.079.522
Chi phí lãi vay		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.456.130.472.988	2.127.128.550.021
Trả nợ gốc vay		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.090.580.388.050	2.034.318.022.570
Góp vốn		
Công ty Cổ phần Simacai	51.827.040.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác của Tổng Công ty được hưởng trong năm tài chính như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Ông Đinh Quốc Lâm	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.525.632.000	429.660.000
Ông Lê Văn Danh	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	1.495.560.000	416.640.000
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách	1.237.776.000	377.580.000
Ông Đỗ Mộng Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	247.560.000	75.528.000
Ông Nguyễn Minh Khoa	Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách (đến ngày 09/6/2025)	109.044.000	75.528.000
Ông Hồ Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách (từ ngày 10/6/2025)	138.516.000	-
Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc	1.238.400.000	377.580.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc	1.238.400.000	377.580.000
Ông Võ Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	1.238.400.000	377.580.000
Ông Trần Đình Ân	Phó Tổng Giám đốc	1.238.400.000	377.580.000
Bà Vũ Phương Thảo	Kế toán trưởng	1.180.800.000	351.540.000
Ông Phạm Hùng Minh	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách	1.266.564.000	390.612.000
Bà Vũ Hải Ngọc	Kiểm soát viên không chuyên trách (đến ngày 09/6/2025)	109.044.000	75.528.000
Ông Nguyễn Văn Đông	Kiểm soát viên không chuyên trách (từ ngày 10/6/2025)	138.516.000	-
Ông Đậu Đức Chiến	Kiểm soát viên không chuyên trách	247.560.000	75.528.000
		12.650.172.000	3.778.464.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Mua bán điện	11.040.526.652.513	9.177.406.598.602
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	189.358.312.411	145.218.240.343
Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 3 & Phú Mỹ 2.2	7.439.939.999	2.595.920.000
Công ty Nhiệt Điện Duyên Hải	6.144.099.027	17.309.334.200
Các bên liên quan khác	367.868.772	1.300.218.838
	11.243.836.872.722	9.343.830.311.983
Phải thu ngắn hạn khác		
Dự án Nhà máy Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 mở rộng	317.359.727.393	327.013.472.285
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	68.037.796.469	428.021.666
Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 3 & 2.2	37.301.969.138	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.601.380.763	41.127.611.202
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công nghệ EVN	-	67.966.368.944
Các bên liên quan khác	1.182.791.802	49.950.757.015
	425.483.665.565	486.486.231.112
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.042.738.270	1.975.719.540
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	1.121.952.600	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	3.926.821.103	1.040.581.546
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin	1.416.924.123	1.567.209.920
Các bên liên quan khác	1.765.677.579	4.231.059.624
	9.274.113.675	8.814.570.630
Phải trả ngắn hạn khác		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	794.813.697.604	672.318.057.943
Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 3 & 2.2	244.547.522.325	-
Các bên liên quan khác	5.087.662.042	5.606.766.609
	1.044.448.881.971	677.924.824.552

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	26.069.333.328	26.069.333.328
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	559.208.793.945	585.278.127.273
Các khoản vay ngắn hạn		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.353.980.623.679	5.658.485.226.506
Các khoản vay dài hạn		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	20.119.560.579.783	23.687.030.086.168

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch chủ yếu không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bù trừ gốc vay phải trả cho EVN, phải thu khách hàng ngắn hạn từ Công ty Mua bán điện và phải thu ngắn hạn khác từ EVN	4.631.353.493.776	4.906.663.771.446
Bù trừ lãi vay, phí vay lại, thuế nhà thầu phải trả cho EVN với phải thu khách hàng ngắn hạn từ Công ty Mua bán điện	1.614.054.246.064	2.358.754.773.680
Bù trừ khoản phải trả nhà cung cấp, khoản phải trả ngắn hạn khác cho EVN và phải thu ngắn hạn khách hàng từ Công ty Mua bán điện	145.393.261.940	271.010.233.156
Bù trừ khoản phải trả EVN về lợi nhuận giai đoạn TNHH MTV với khoản phải thu khách hàng ngắn hạn từ Công ty Mua bán điện	105.309.770.614	-

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ tức đã thông báo nhưng chưa chi trả	9.550.357.247	9.509.543.622
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán tại ngày cuối năm	32.491.093.226	162.711.257.394
Lãi vay, phí vay lại đã trích chưa thanh toán cuối năm	364.003.994.289	510.554.878.066
Ứng trước tiền mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang cuối năm	95.596.429.435	-
Lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm nhưng chưa được thanh toán tại ngày cuối năm	78.480.750.484	119.810.885.904

Ngoài ra, tiền thu đi vay và tiền chi trả nợ gốc vay trong năm tài chính không bao gồm số tiền 464.097.414.715 đồng (năm 2024: 584.231.781.752 đồng), là giá trị các khoản vay có thời hạn vay không quá 3 tháng được trình bày trên cơ sở thuần.

36. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt phát hành vào ngày 31 tháng 3 năm 2026.

Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập biểu

Vũ Phương Thảo
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2026



EVN***GENCO3***

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CTCP

Địa chỉ: Số 60-66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala,
Phường An Khánh, TP.HCM, Việt Nam
Tel: 028 3636 7449
Website: www.GENCO3.com